

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

thuongmaitruongxa.vn

VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM
VIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG
HÀ NỘI - 1993

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tự nhiên và Xã hội

3

quongmaitruongxua.v



VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM
VIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG
Hà Nội 1993

GIA ĐÌNH

Bài 1. HỌ NỘI - SƠ ĐỒ DÒNG HỌ

1. Họ nội



Hình 1. Gia đình của Hương: ông bà nội, bố mẹ, chị Huệ của Hương và Hương.



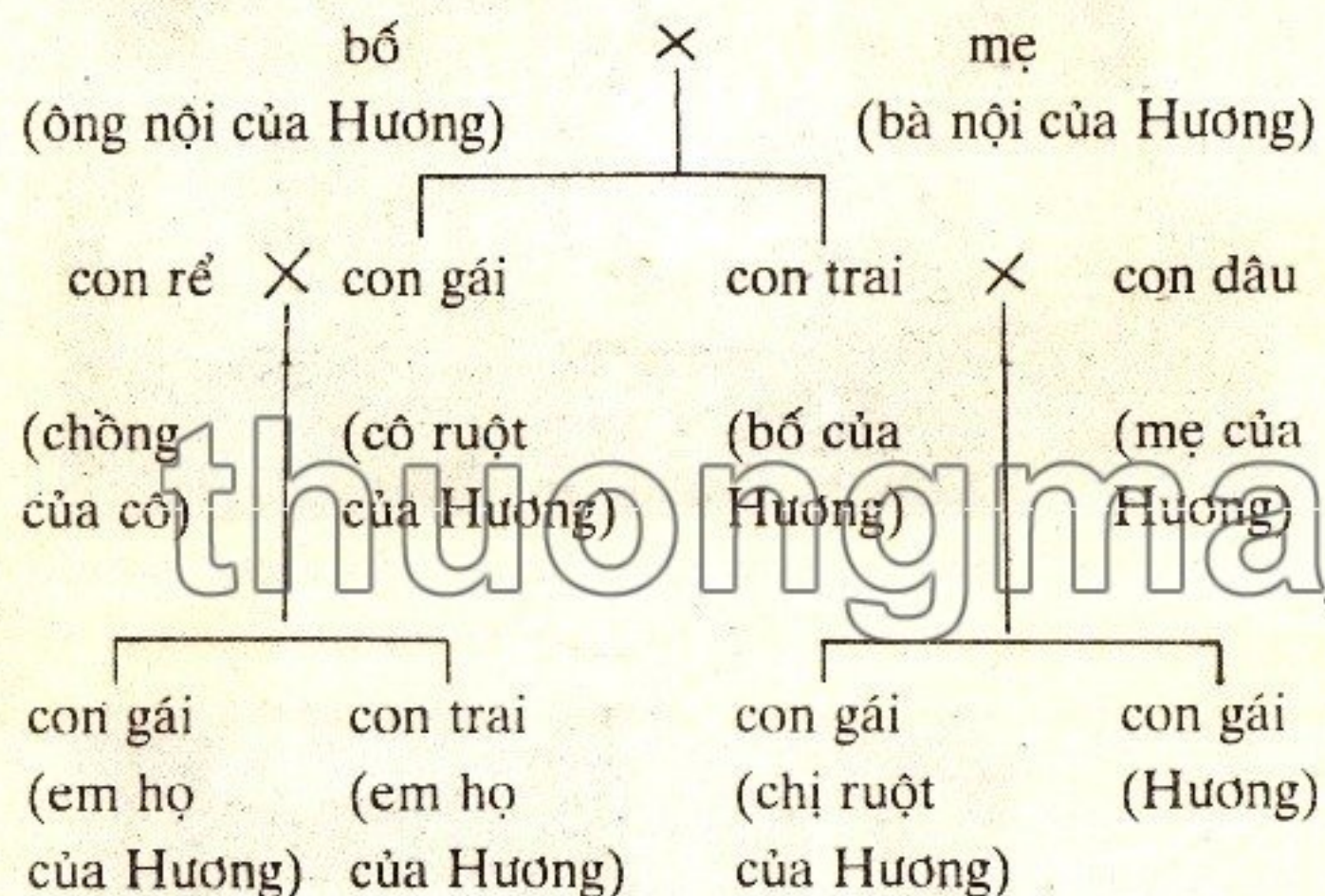
Hình 2. Gia đình cô ruột của Hương: cô Hoa, chồng và hai con của cô Hoa.

- Họ nội của em có những ai?

Ông bà nội của Hương có hai con: bố của Hương tên là Hiến và cô Hoa, em ruột bố của Hương. Ông bà nội và cô Hoa là những người thuộc dòng họ nội của Hương và Huệ. Các con của cô Hoa là các em họ của Hương và Huệ.

2. Sơ đồ dòng họ

Dưới đây là sơ đồ nêu rõ mối quan hệ của Hương và họ nội:



- Ông bà nội của Hương có bao nhiêu con trai, con gái? có bao nhiêu cháu, trong đó có mấy cháu nội và mấy cháu ngoại?

- Vẽ sơ đồ họ nội của em.

Ông bà sinh ra bố và các anh, chị em ruột của bố là những người thuộc dòng họ nội của em.

Bài 2. HỌ NGOẠI - SƠ ĐỒ DÒNG HỌ

1. Họ ngoại



Hình 3. Gia đình ông bà ngoại của Hương và Huệ: ông ngoại, bà ngoại, dì Hà và cậu Hải.

Ông bà ngoại của Hương và Huệ có ba con là mẹ của Hương và hai em ruột của mẹ là dì Hà và cậu Hải. Ông bà ngoại, dì Hà, cậu Hải là những người thuộc dòng họ ngoại của Hương và Huệ.

- Họ ngoại của em có những ai?

2. Sơ đồ dòng họ

Dưới đây là sơ đồ nêu rõ mối quan hệ của Hương và họ ngoại.

b) Nếu gia đình của Hương sống chung với ông bà ngoại.

Thế hệ 1:

ông ngoại x bà ngoại

(bố mẹ)

Thế hệ 2:

bố x mẹ

(con)

Thế hệ 3:

Huệ Hương

(cháu)

- Em sống trong gia đình hai thế hệ hay gia đình ba thế hệ?

Gia đình hai thế hệ là gia đình chỉ có bố mẹ và các con.

Gia đình ba thế hệ là gia đình có bố mẹ, các con và các cháu.

Bài 4. THỰC HÀNH LẬP SƠ ĐỒ ĐỒNG HỌ BẰNG KÍ HIỆU

SỬ DỤNG KÝ HIỆU :

△ : Nam

○ : Nữ

x : Đã kết hôn với nhau.

Sơ đồ khái quát về "họ hàng nội ngoại của Hương":

Thế hệ 1

△ x ○

Thế hệ 2

△ x ○ △ x ○ △

Thế hệ 3

○ △ ○ ○

a) Gia đình ông bà nội của Hương

b) Gia đình ông bà ngoại của Hương

c) Gia đình của Hương

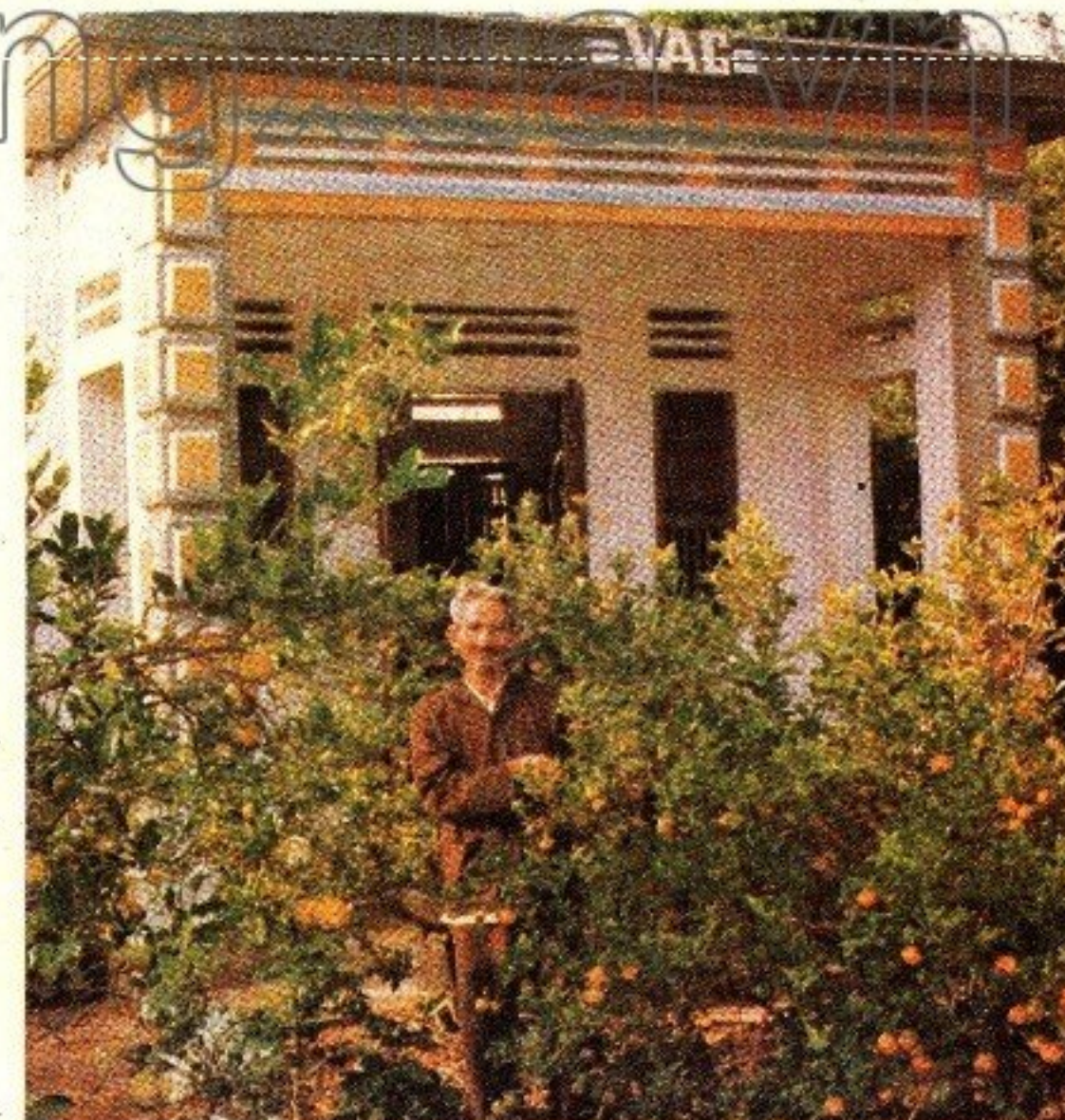
d) Gia đình cô ruột của Hương.

Hãy lập sơ đồ họ hàng nội, ngoại của em bằng kí hiệu, sau đó đếm tổng số người thuộc hai họ của em.

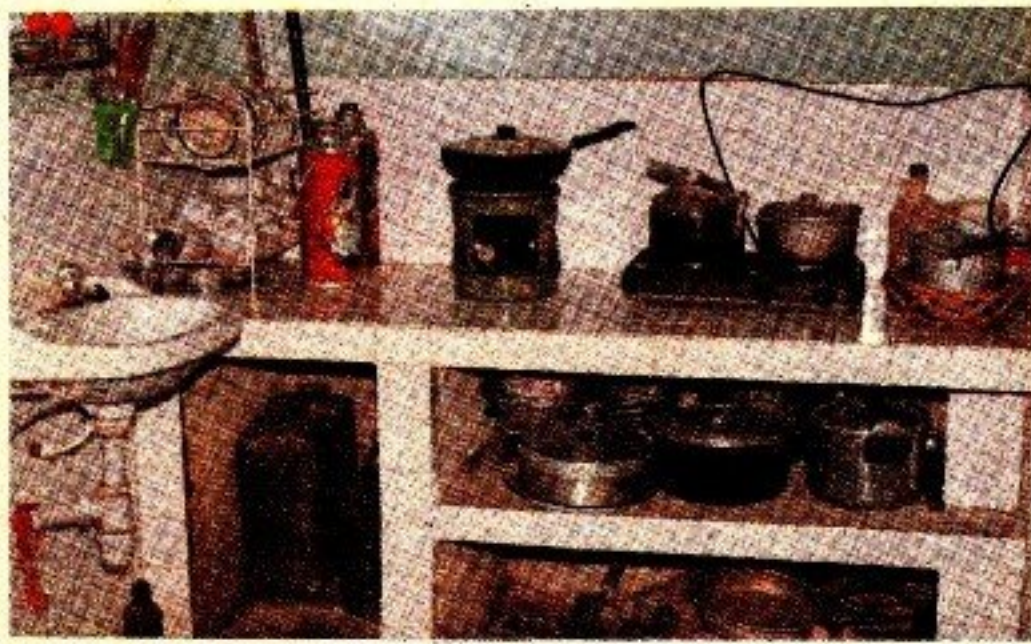
(Lưu ý: đối với các gia đình còn cụ, có thể vẽ đến thế hệ thứ 4).

Bài 5. THỰC HÀNH ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI NHÀ Ở VÀ ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ

1. Tập đánh giá và xếp những đồ vật được đánh giá vào 3 loại: tốt (đẹp), trung bình, kém (xấu).



Hình 4. Ngôi nhà và vườn cây này thuộc loại nào?



Hình 5. Nhà bếp và những đồ dùng trong bếp này thuộc loại nào?

2. Em thử đánh giá và xếp loại nhà ở, những đồ dùng của gia đình em theo bảng gợi ý sau:

	Các thành phần trong nhà ở	Số lượng	Chất lượng				Các đồ dùng gia đình	Số lượng	Chất lượng		
			Tốt	Trung bình	Kém				Tốt	Trung bình	Kém
1.	Phòng ở các loại					1	1. Đồ gỗ: tủ, bàn, ghế, giường...				
2.	Nhà bếp										
3.	Nhà tắm										
4.	Nhà vệ sinh					2	2. Đồ dùng phục vụ ăn uống: nồi, xoong, chảo, bát, đĩa, chén...				
5.	Vườn										
6.	Ao										
7.	Chuồng chăn nuôi					3	3. Đồ điện: quạt, tủ lạnh, máy thu thanh, tivi				
8.	Máy nước										
9.	Giếng nước					4	4. Đồ dùng phục vụ đi lại: xe đạp, xe máy				
10.	Điện										

BÀI 6. ÔN TẬP GIA ĐÌNH

1. Vẽ sơ đồ một gia đình 3 thế hệ

a) Ông bà A: thế hệ thứ nhất và thứ hai đều chỉ có một con.

b) Ông bà B: thế hệ thứ nhất và thứ hai đều có 3 con.

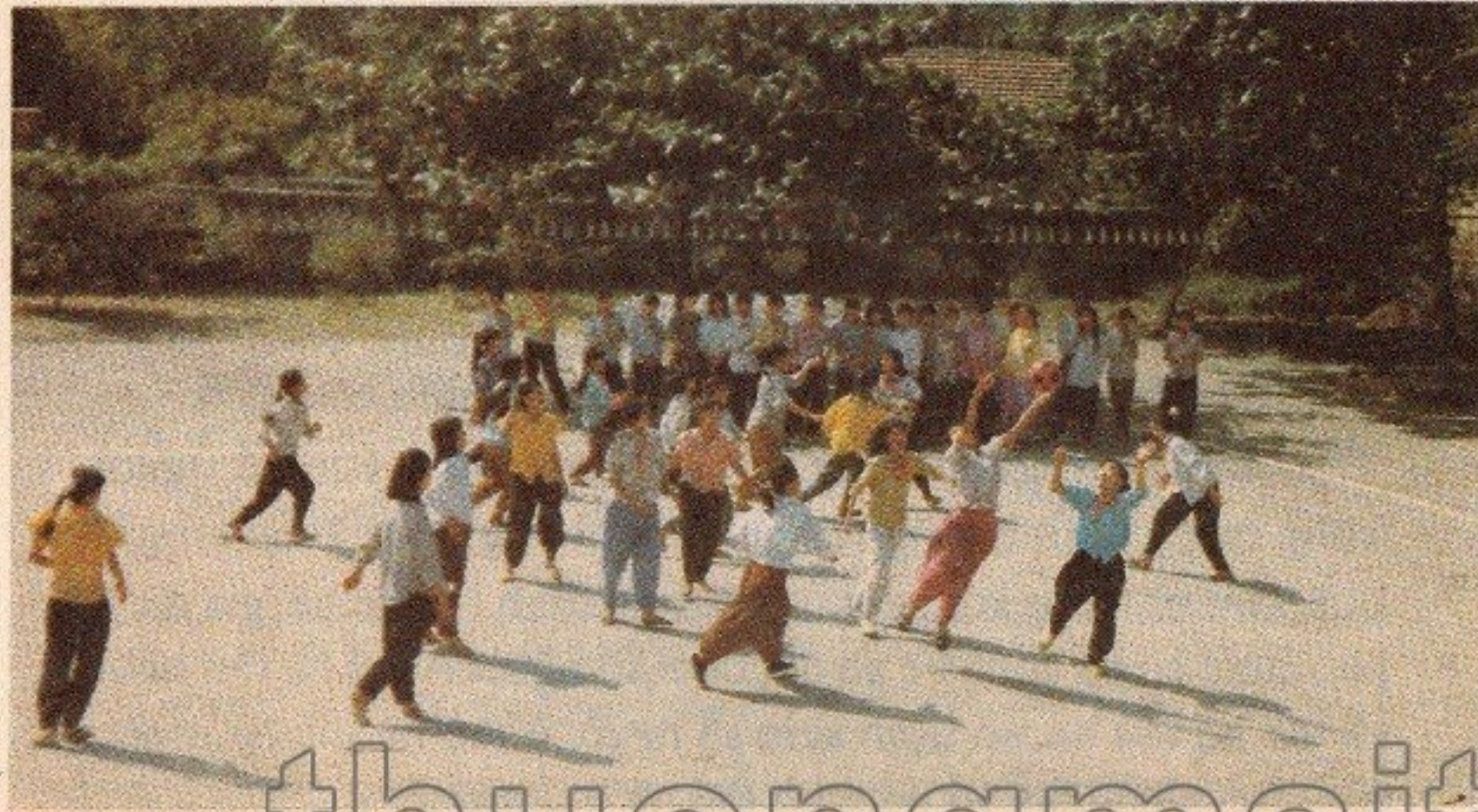
So sánh số người trong hai gia đình trên. Khi số người trong một gia đình tăng sẽ kéo theo những nhu cầu gì tăng?

2. Giả sử trong xóm em ở có 10 gia đình ba thế hệ, gia đình nào cũng có ba con. Vẽ sơ đồ, đếm số người ở thế hệ thứ nhất và thế hệ thứ ba, so sánh xem số người ở thế hệ thứ ba nhiều gấp bao nhiêu lần số người ở thế hệ thứ nhất?

Gia đình có ít con thường có nhiều điều kiện thuận lợi để chăm sóc, giáo dục con cái và cải thiện đời sống hơn.

TRƯỜNG HỌC

Bài 7. HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA (TRONG TRƯỜNG)



Hình 6. Chơi bóng chuyền.

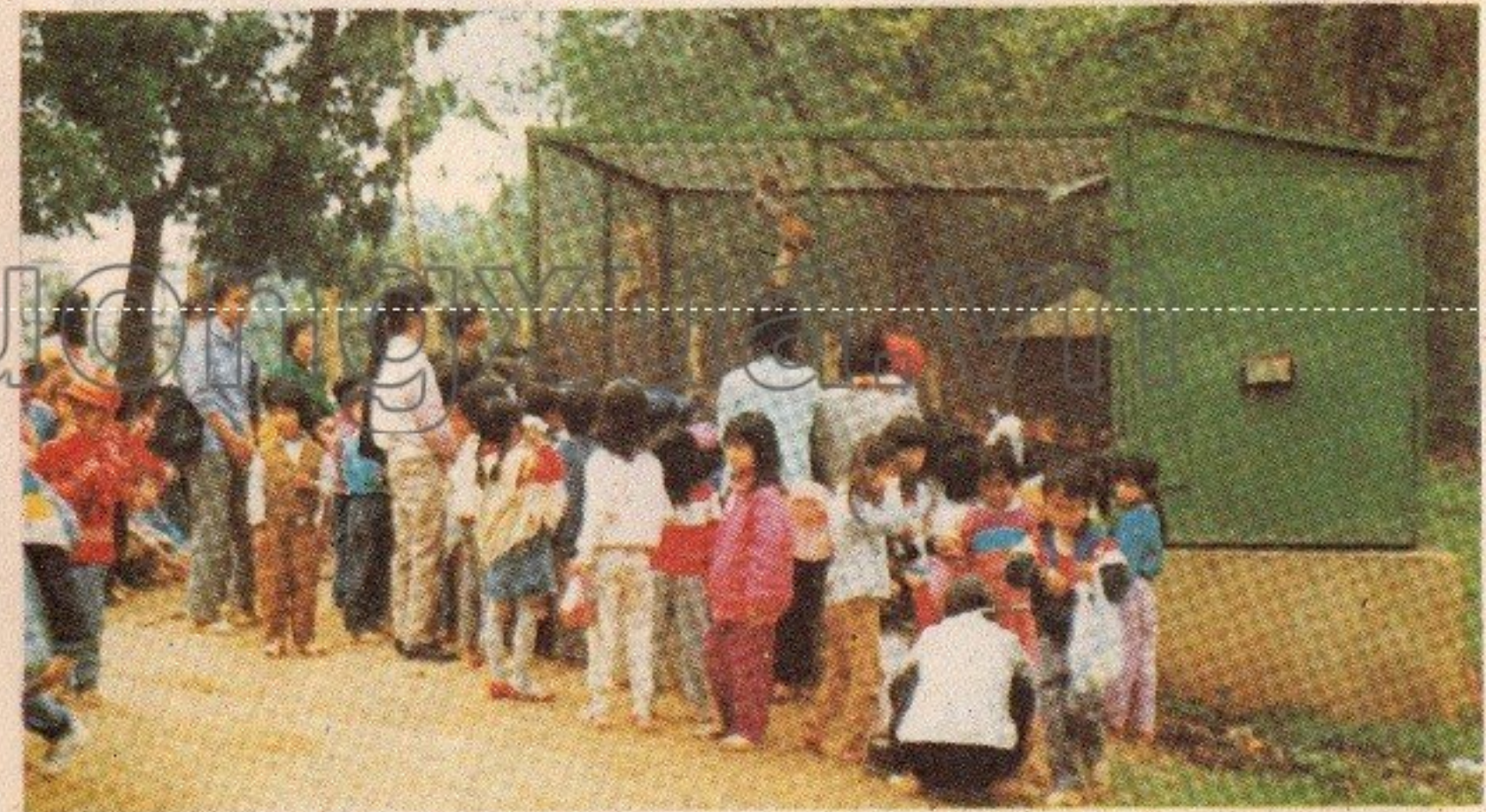


Hình 7. Biểu diễn văn nghệ.

- Đồng diễn thể dục
- Múa tập thể
- Thi kể chuyện
- Hát tập ca
- Trồng cây trong vườn trường
- Làm vệ sinh sân trường

Bài 8. HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA (NGOÀI TRƯỜNG)

Đánh dấu vào những hoạt động em đã tham gia ngoài giờ học:



Hình 8. Di thăm vườn thú.



Hình 9. Đi xem xiếc.



Hình 10. Đi cắm trại.

- Hàng năm trường em thường tổ chức cho các em đi những đâu? (Viện bảo tàng, công viên, vườn thú, rạp xiếc, nhà hát, cắm trại...).

Bài 9. ÔN TẬP TRƯỜNG HỌC

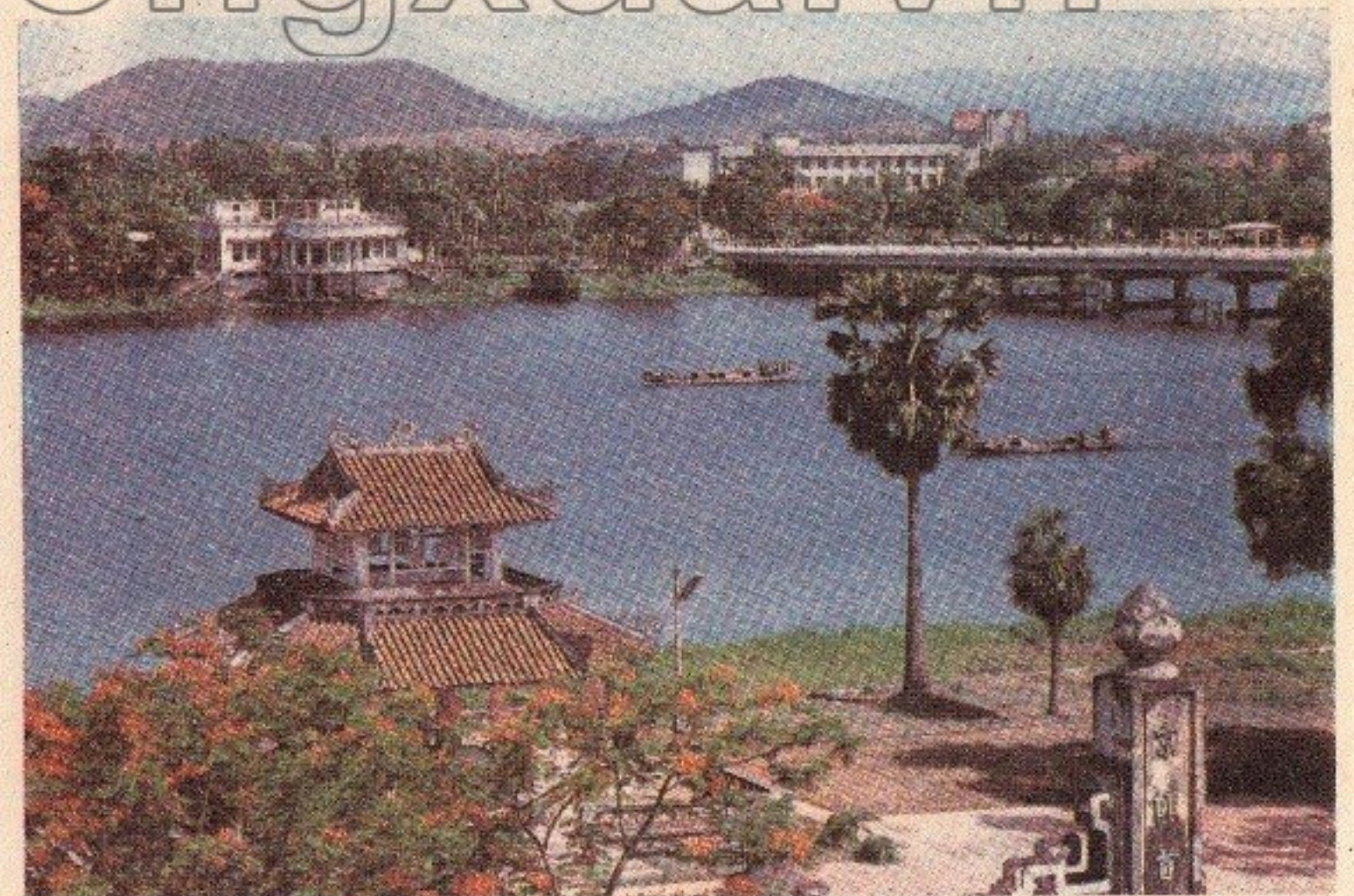
1. Trường em có những bộ phận nào kể sau: cổng, sân chơi, vườn cây, các phòng học, phòng hiệu trưởng, phòng hội đồng giáo viên, văn phòng, phòng để đồ dùng dạy học, phòng truyền thống, thư viện, khu vệ sinh...

2. Trường em gồm có những ai? Ai là người lãnh đạo mọi hoạt động trong nhà trường?

3. Kể những hoạt động nội khóa và ngoại khóa trong nhà trường và nêu ích lợi của những hoạt động đó.

TỈNH (THÀNH PHỐ)

Bài 10. PHONG CẢNH VÀ CÁC CƠ SỞ HÀNH CHÍNH, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ



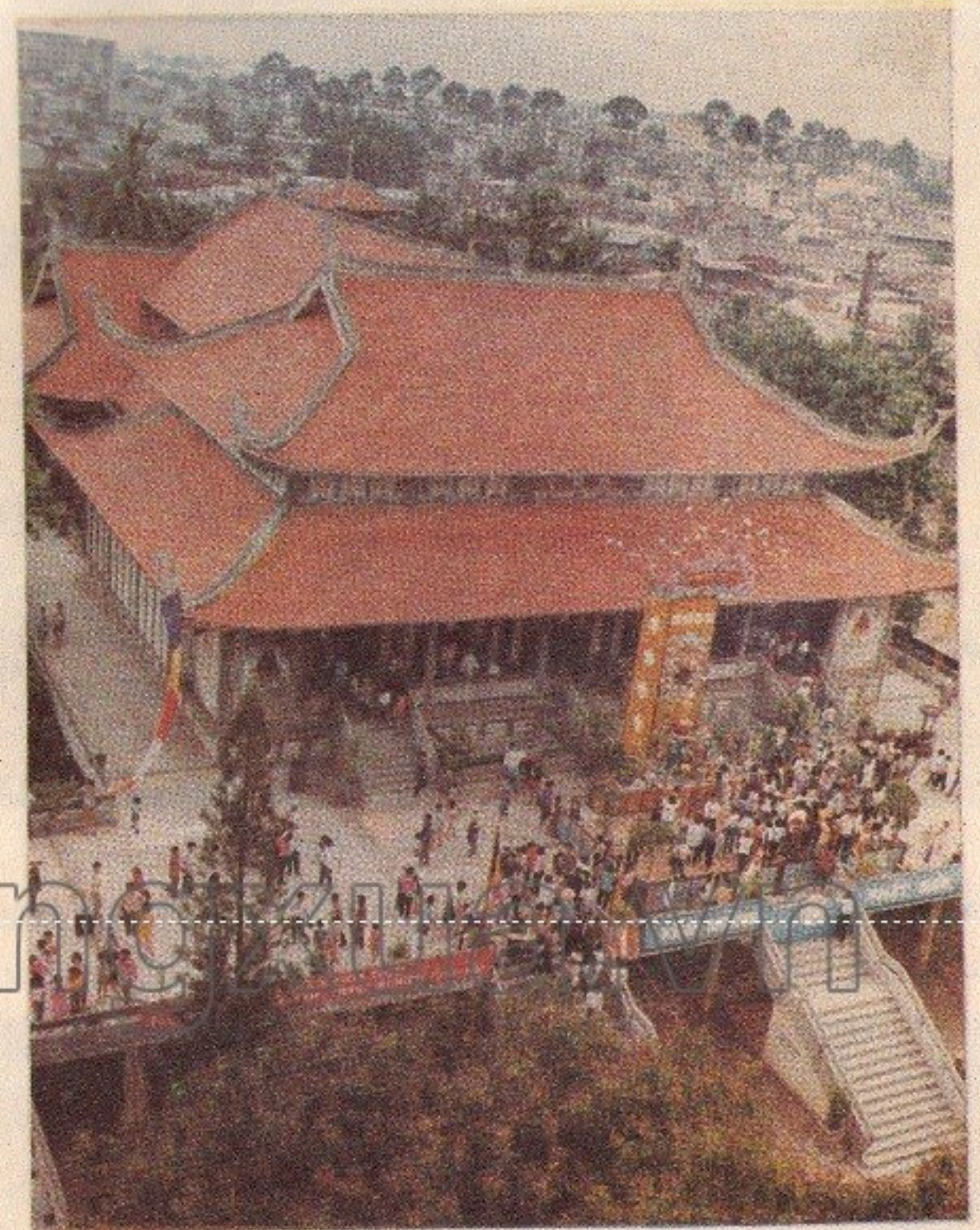
Hình 11. Sông Hương và núi Ngự Bình ở Huế.

- Ở tỉnh (thành phố) em có phong cảnh thiên nhiên gì?
(Hồ, sông, biển, núi, rừng...).



Hình 12. Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) là nơi làm việc của các nhà lãnh đạo tỉnh, thành phố, và bộ máy hành chính phục vụ cho việc quản lý tỉnh (thành phố) đó. Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) là một cơ sở hành chính.



Hình 13. Chùa Vĩnh Nghiêm ở thành phố Hồ Chí Minh.

- Chùa, đình, đền, miếu là nơi thờ cúng của những người theo đạo Phật, đạo giáo...

- Nhà thờ là nơi cầu nguyện của những người theo đạo Thiên chúa...



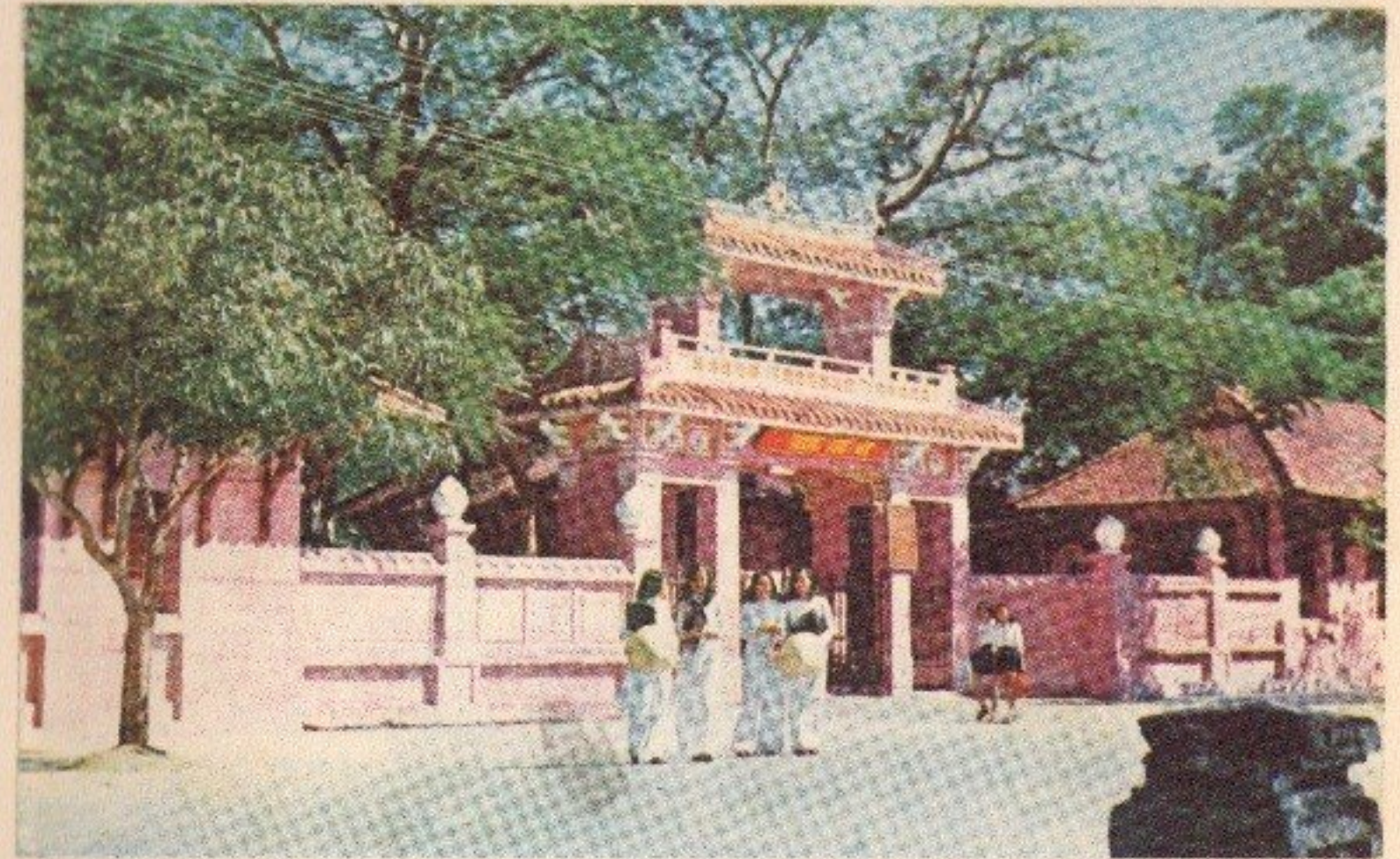
Hình 14. Nhà hát lớn ở Hà Nội.

- Nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu bóng... là những nơi diễn
diễn ca nhạc, kịch, múa, xiếc, chiếu phim.



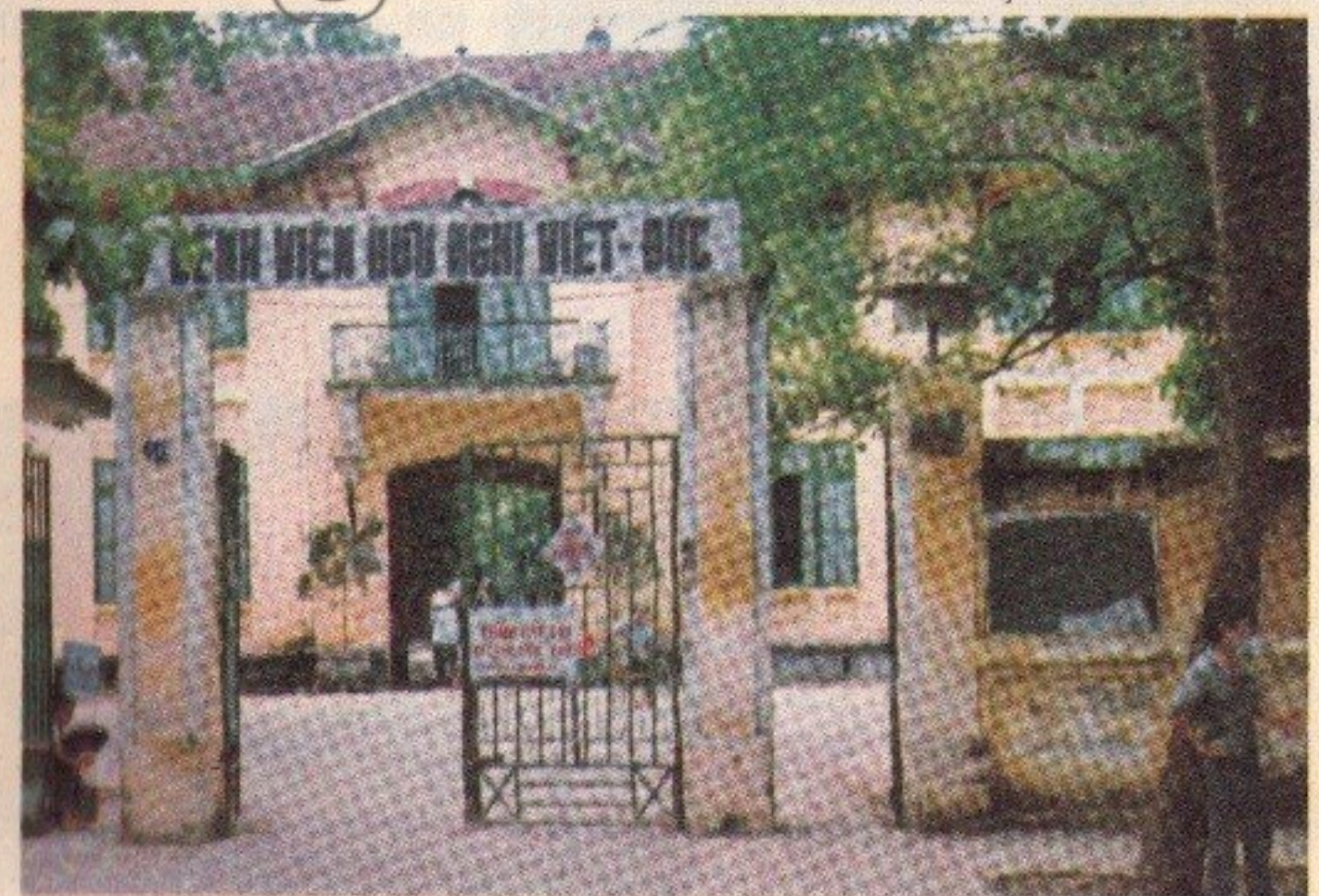
Hình 15. Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam ở Hà Nội.

- Viện bảo tàng là nơi lưu trữ và trưng bày những di vật lịch
sử và văn hóa có giá trị của đất nước.



Hình 16. Trường Quốc học Huế.

Các trường tiểu học, trung học, dạy nghề, đại học... là
những nơi giảng dạy và học tập về văn hóa và nghề nghiệp.



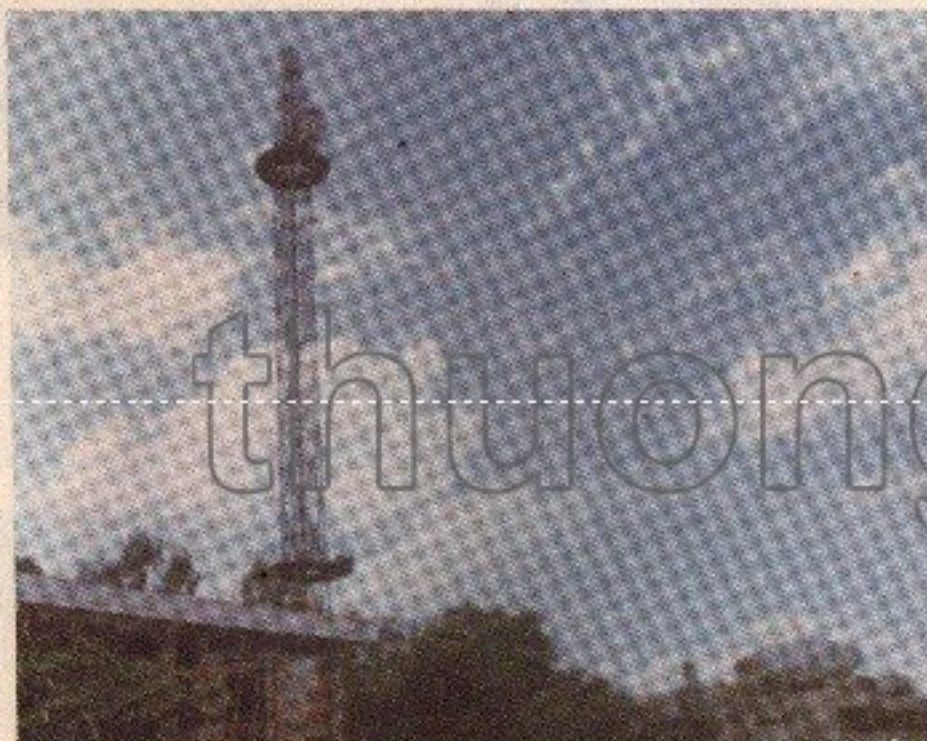
Hình 17. Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức ở Hà Nội.

Bệnh viện, bệnh xá là nơi khám bệnh và chữa bệnh.

- Kể tên những cơ sở hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế ở tỉnh (thành phố) em.

Một tỉnh có nhiều huyện. Một thành phố có nhiều quận. Ở tỉnh (thành phố) có các cơ sở: hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế... phục vụ cho đời sống, tinh thần và sức khỏe của nhân dân.

Bài 11. CÁC CƠ SỞ THÔNG TIN LIÊN LẠC



Hình 18. Trung tâm thông tin quốc tế Việt Nam.

- Các trung tâm thông tin, các tòa báo là những nơi thu nhận, phát đi tin tức trong nước và thế giới.

Hình 19. Đài truyền hình Giăng Vơ Hà Nội.

- Các đài truyền hình, đài phát thanh là những nơi phát tin bằng hình ảnh và âm thanh đi khắp nơi.



Hình 20. Nhà bưu điện thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nhà bưu điện là những nơi nhận và gửi: thư, điện tín, tiền bạc và các gói bưu phẩm...

Nhờ các phương tiện thông tin liên lạc như: sách, báo, điện thoại, điện tín, vô tuyến truyền hình, phát thanh... mà người ta có thể phát đi và thu nhận những tin tức, hình ảnh, trao đổi văn hóa, khoa học nghệ thuật...

Bài 12. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP)



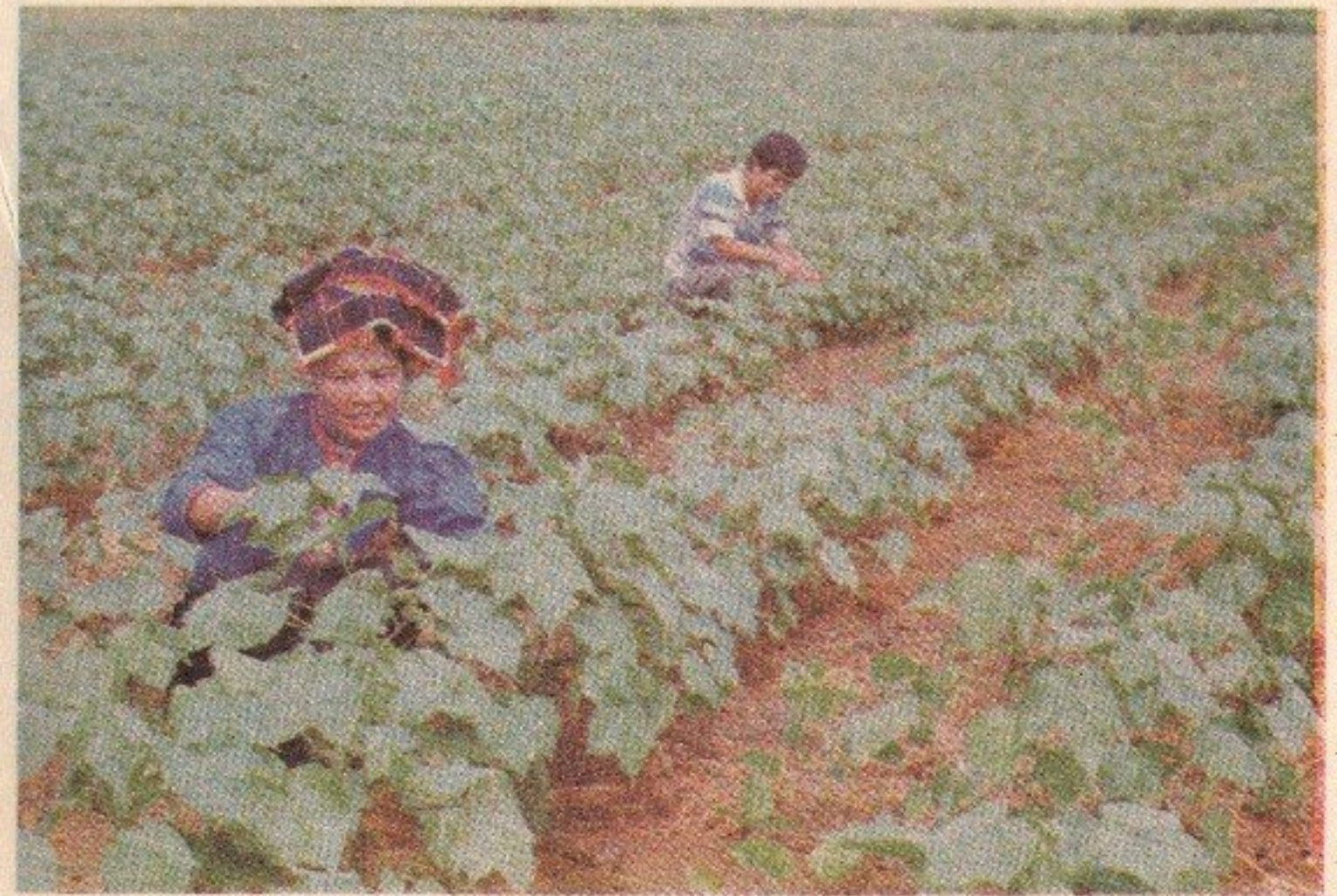
Hình 21. Tuốt lúa bằng máy.

- Trồng lúa là một trong những hoạt động nông nghiệp quan trọng ở các tỉnh đồng bằng của nước ta; nó bao gồm các công việc: cày bừa, gieo mạ, cấy lúa, tưới nước, bón phân, làm cỏ, trừ sâu; khi lúa chín phải gặt về, tuốt lúa, quạt sạch, phơi khô, cất giữ



Hình 22. Bơm nước.

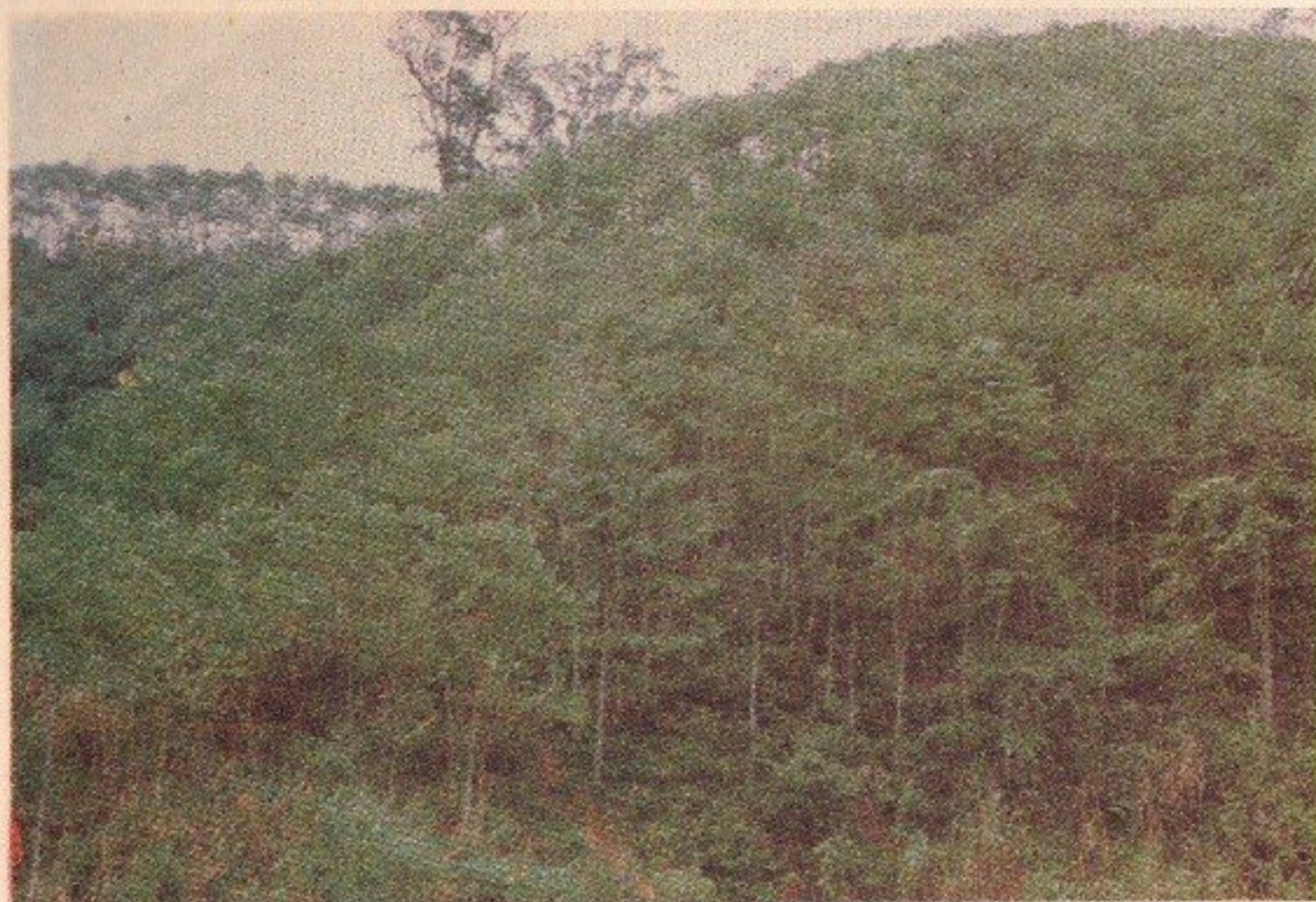
Tưới và tiêu nước là những công việc quan trọng trong nông nghiệp.



Hình 23. Trồng bông ở tỉnh Lai Châu.



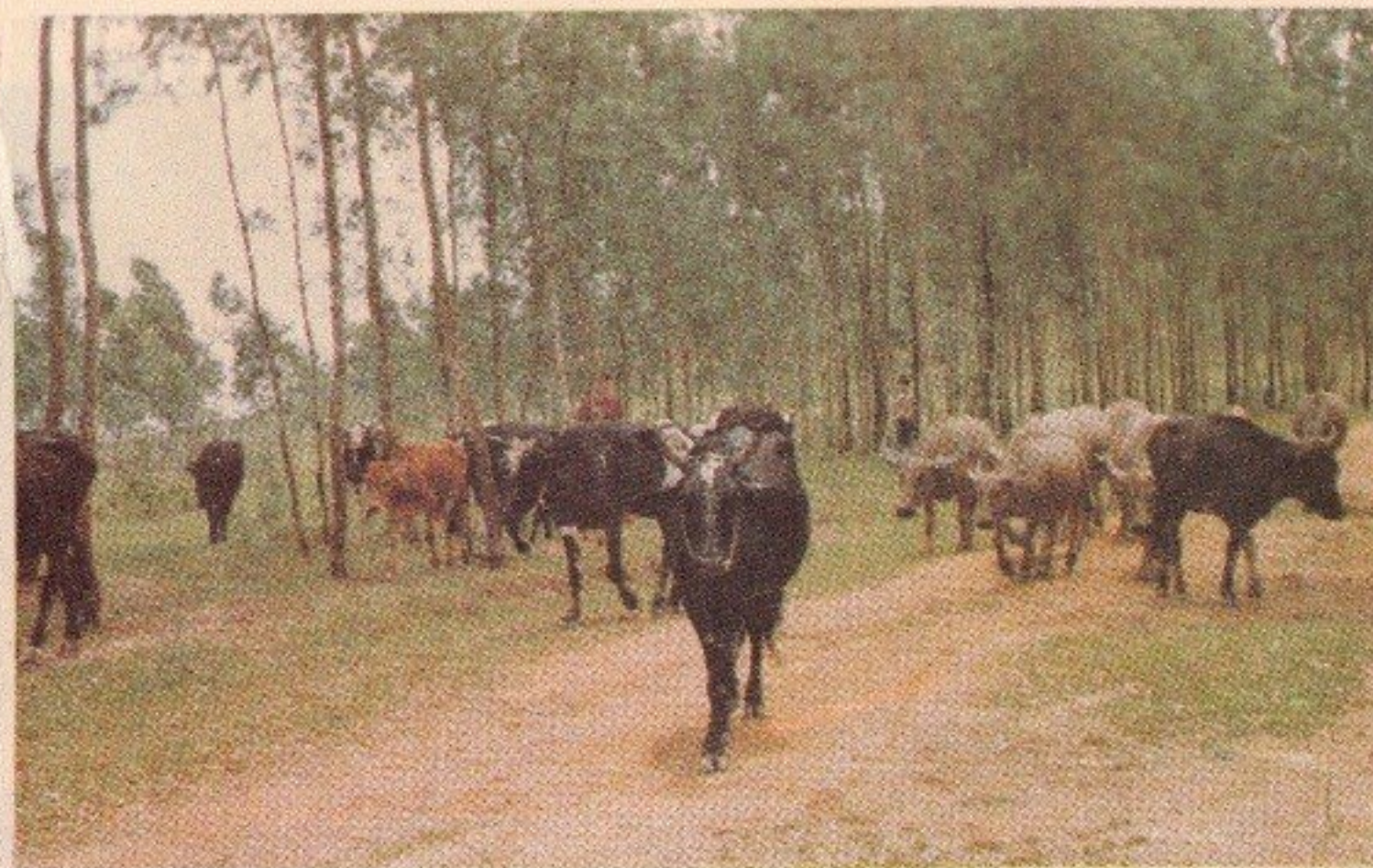
Hình 24. Trồng thông ở Đông Hà.



Hình 25. Trồng rừng phù xanh đồi trọc.



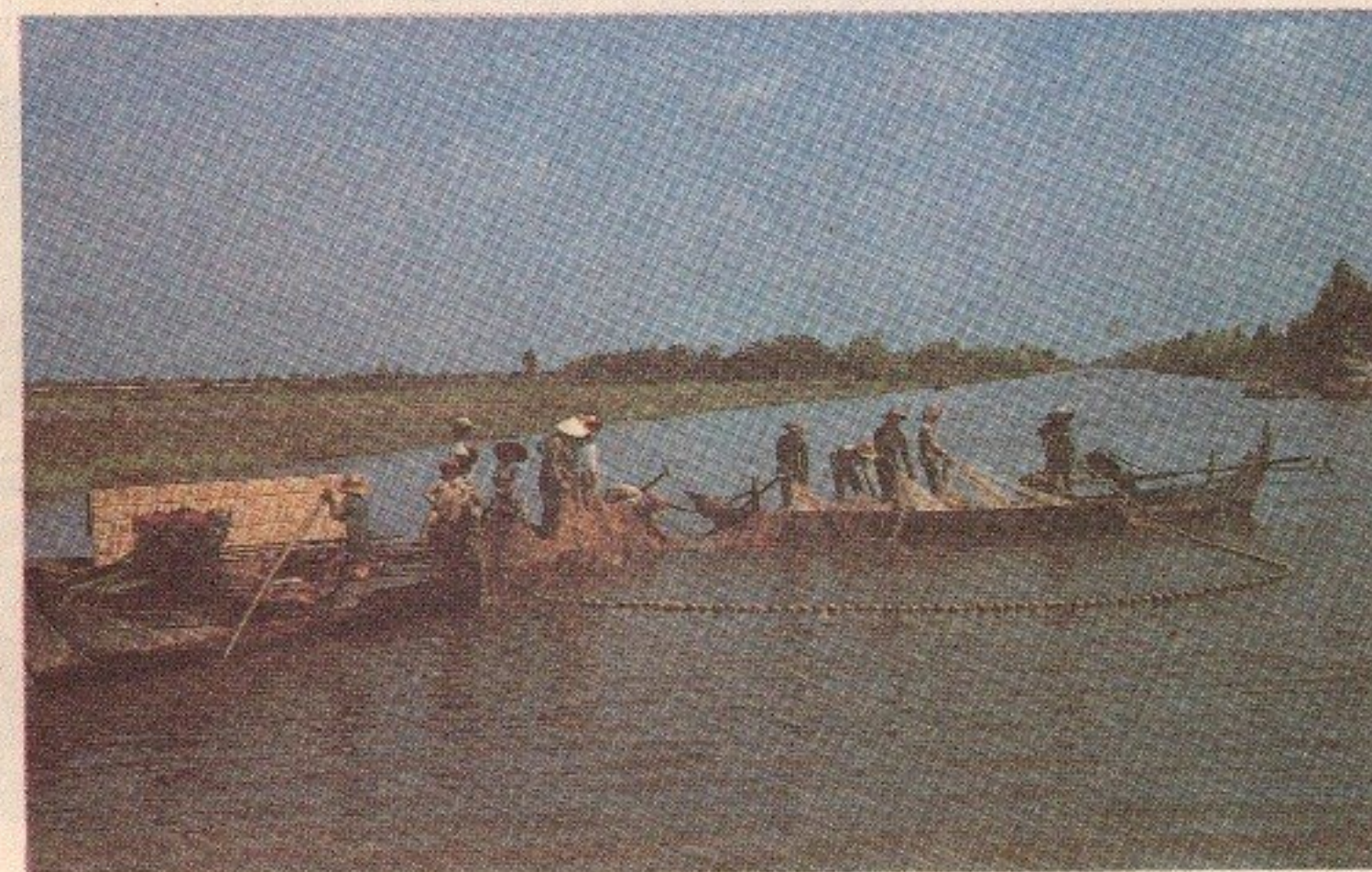
Hình 26. Chăn nuôi lợn.



Hình 27. Chăn nuôi trâu bò.

- Ở tỉnh (thành phố) em có những hoạt động kinh tế nào sau đây:

- a) Trồng các cây: lúa, ngô (bắp), đậu, khoai, sắn (củ mì), rau, cây ăn quả (trái), bông, đay, chè, mía, cà phê, cao su...
- b) Nuôi các con: gà, vịt, ngan, ngỗng, lợn, dê, bò, trâu...
- c) Nuôi và đánh bắt tôm, cá, các hải sản khác...
- d) Khai thác rừng và trồng rừng.



Hình 28. Đánh bắt cá ở Đồng Tháp.

Hoạt động nông nghiệp bao gồm việc trồng trọt và chăn nuôi.

Bài 13. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG NGHIỆP)

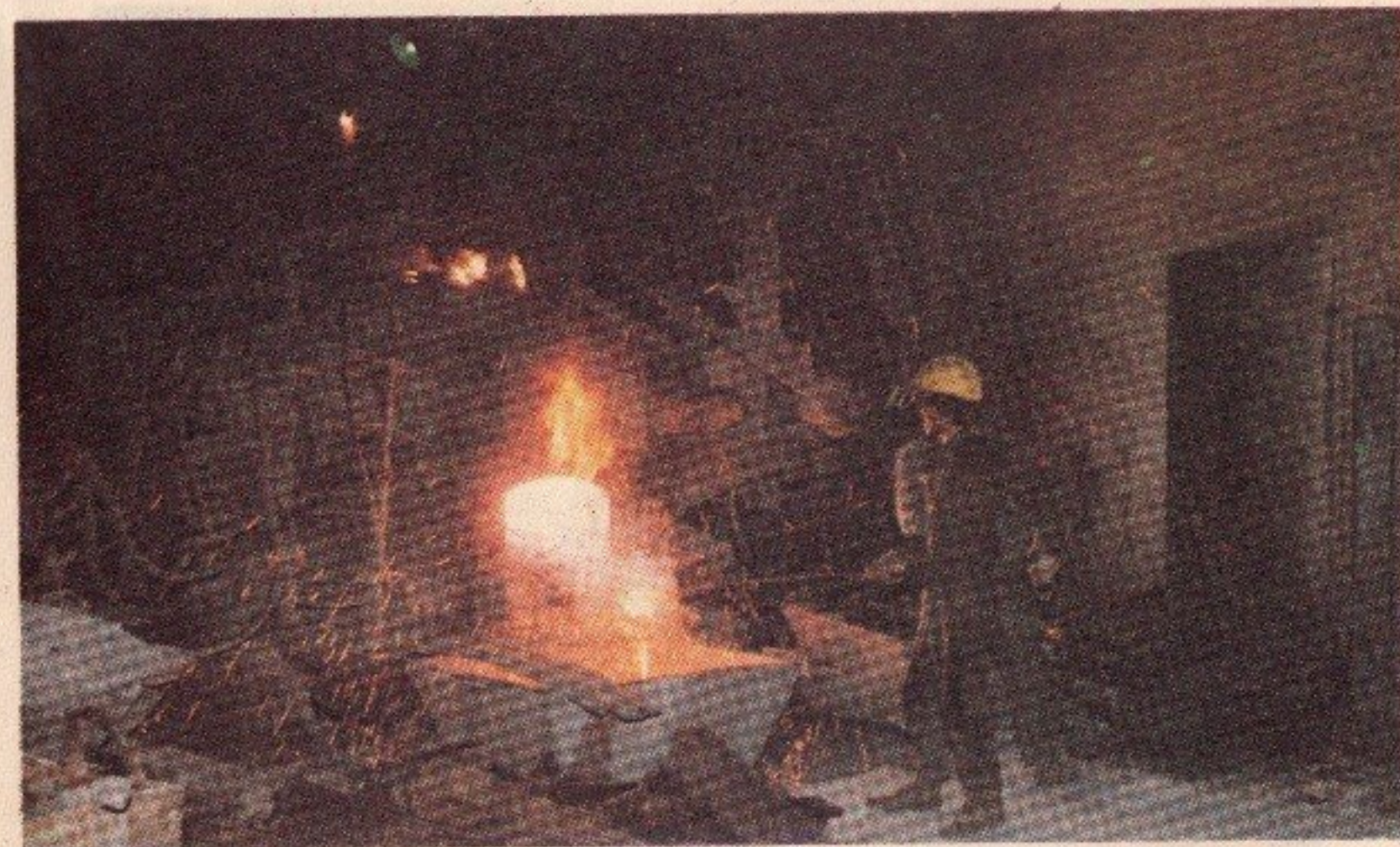
1. Hoạt động công nghiệp



Hình 29. Khai thác dầu mỏ ở Vũng Tàu.



Hình 30. Khai thác than ở Quảng Ninh.



Hình 31. Luyện thép ở khu gang thép Thái Nguyên.

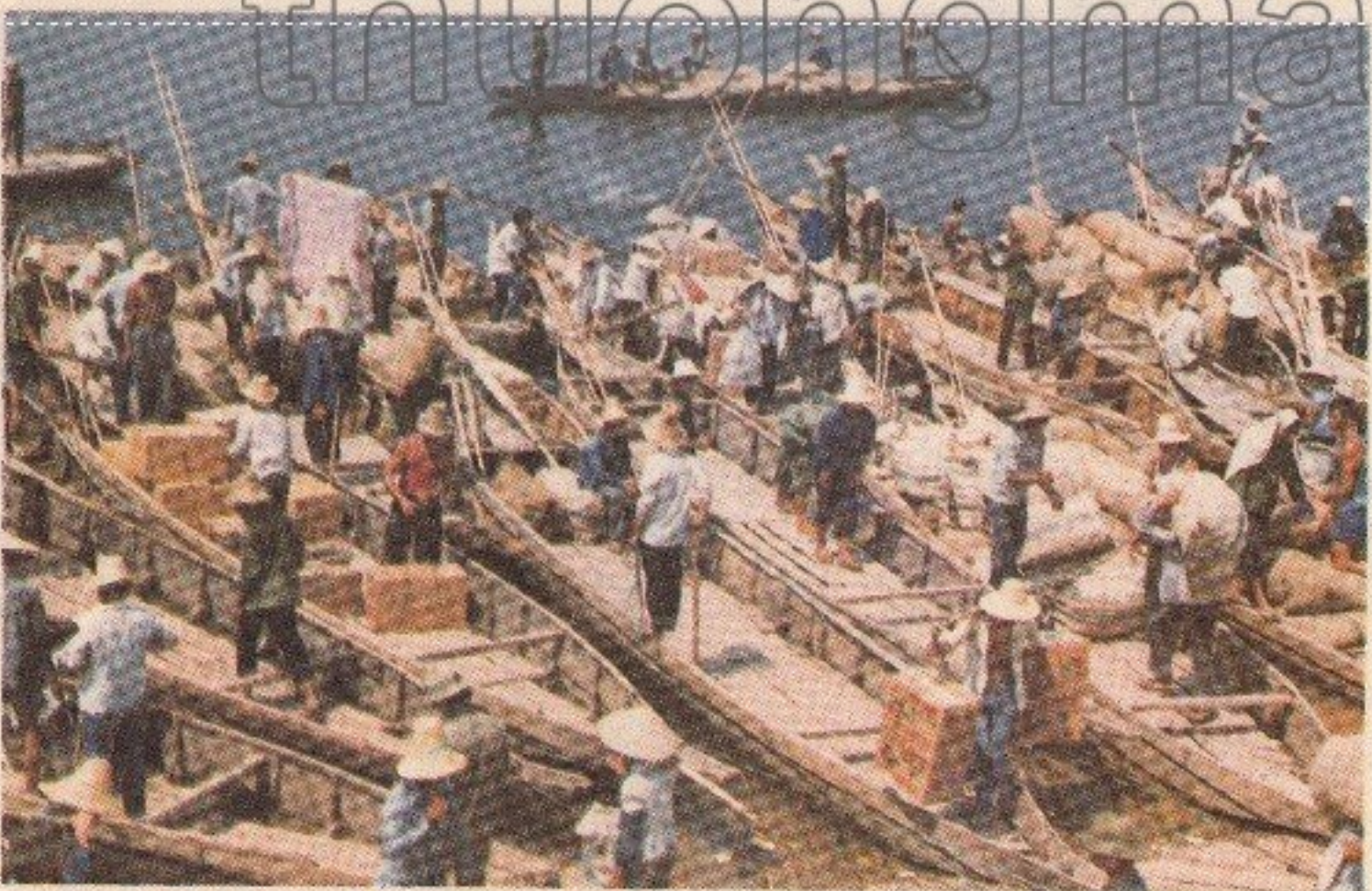


Hình 32. Dệt vải trong phân xưởng dệt.

2. Hoạt động thương nghiệp



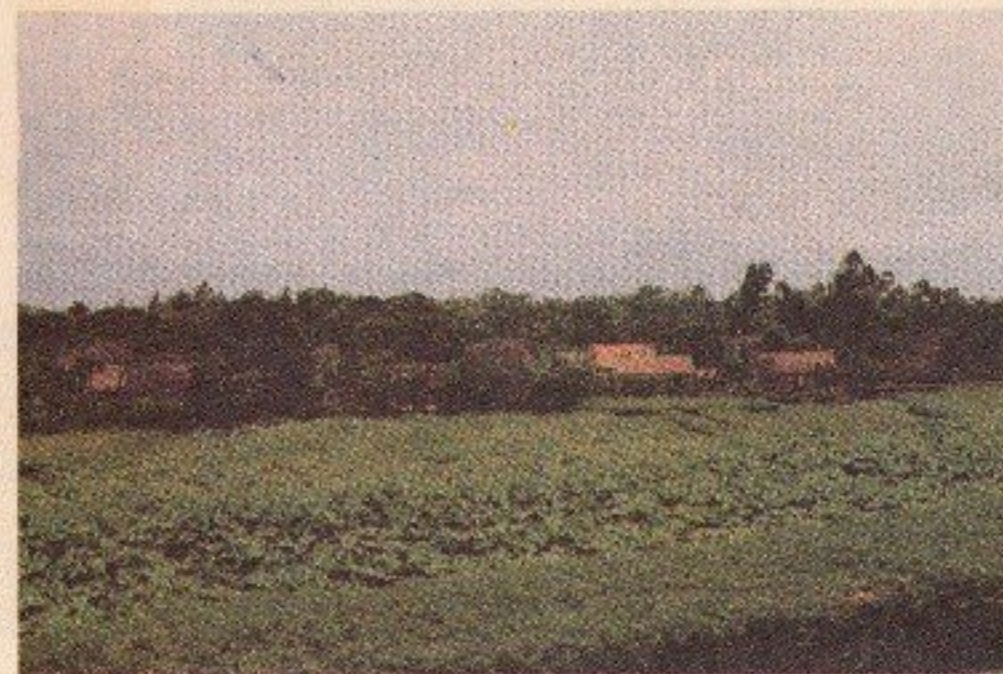
Hình 33. Chợ Đồng Xuân - Hà Nội.



Hình 34. Chuyên chở, mua bán gạo và hàng hóa khác ở ven sông.

- Kể tên các cơ sở khai thác khoáng sản, các nhà máy, các nơi tập trung buôn bán của tỉnh (thành phố) em.

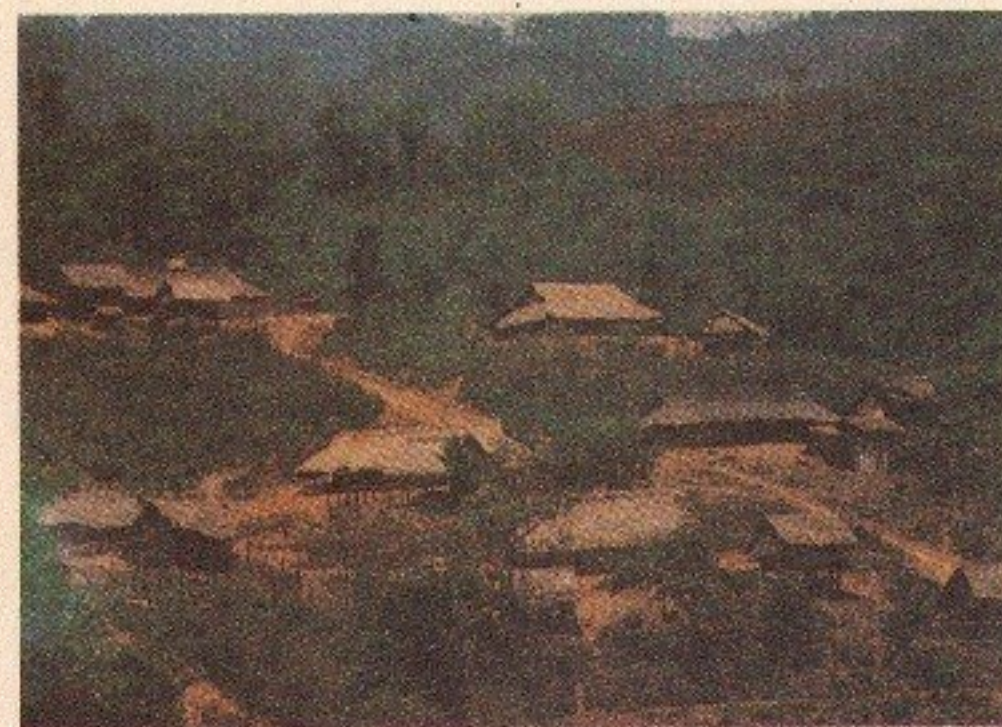
Bài 14. LÀNG QUÊ VÀ ĐÔ THỊ



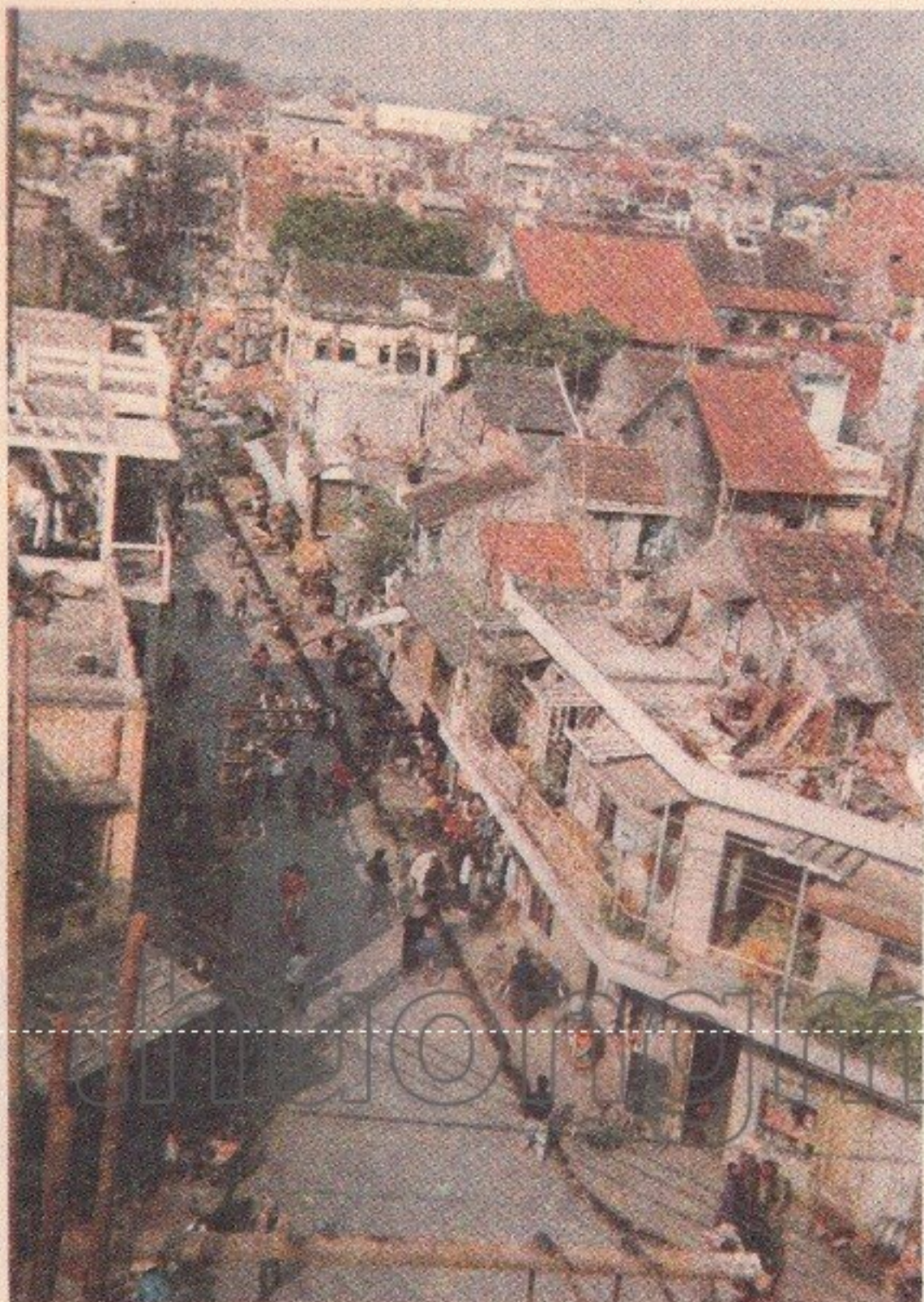
Hình 35. Một góc của làng quê ở đồng bằng.



Hình 36. Nhà ở của một gia đình làm nghề nông ở làng quê.



Hình 37. Một góc của bản làng ở miền núi.



Hình 38. Một góc của thành phố (Hà Nội).

- Em ở làng quê hay đô thị?

Tỉnh nào cũng có các làng quê và đô thị (thành phố lớn có ngoại thành và nội thành).

Ở làng quê, người ta thường sống bằng nghề trồng trọt, chăn nuôi, chài lưới và các nghề thủ công... xung quanh nhà ở thường có vườn cây, chuồng trại... Đường làng thường nhỏ, ít người và xe cộ đi lại.

Ở đô thị, người ta thường đi làm trong các công sở, nhà máy, buôn bán ở các cửa hàng, các chợ. Nhà ở tập trung san sát. Đường phố có nhiều người và xe cộ đi lại tấp nập.

Bài 15. LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG

Tìm hiểu về lịch sử địa phương em theo mẫu sau:

1. Nếu ở làng quê

- Những người đầu tiên sống ở đây từ khi nào?
- Tên của địa phương mang ý nghĩa gì? (tên nhân vật lịch sử hay địa danh...).
- Những di tích lịch sử nào còn lại đến ngày nay?
- So sánh: dân số, diện tích đất sử dụng làm nhà cửa và các công trình công cộng khác, diện tích đất dùng để làm nông nghiệp, diện tích đất bỏ hoang trước kia và hiện nay.

2. Nếu ở đô thị

- Thành phố (thị xã...) có từ bao giờ?
- Khu dân cư đầu tiên tập trung ở đâu?
- Những đường phố chính, những trụ sở, nhà máy... chính tên là gì? Có từ bao giờ?
- Những di tích lịch sử nào còn lại đến ngày nay?
- So sánh: dân số, diện tích của thành phố (thị xã...), đường xá, các cơ sở công cộng... trước kia và hiện nay của thành phố (thị xã).

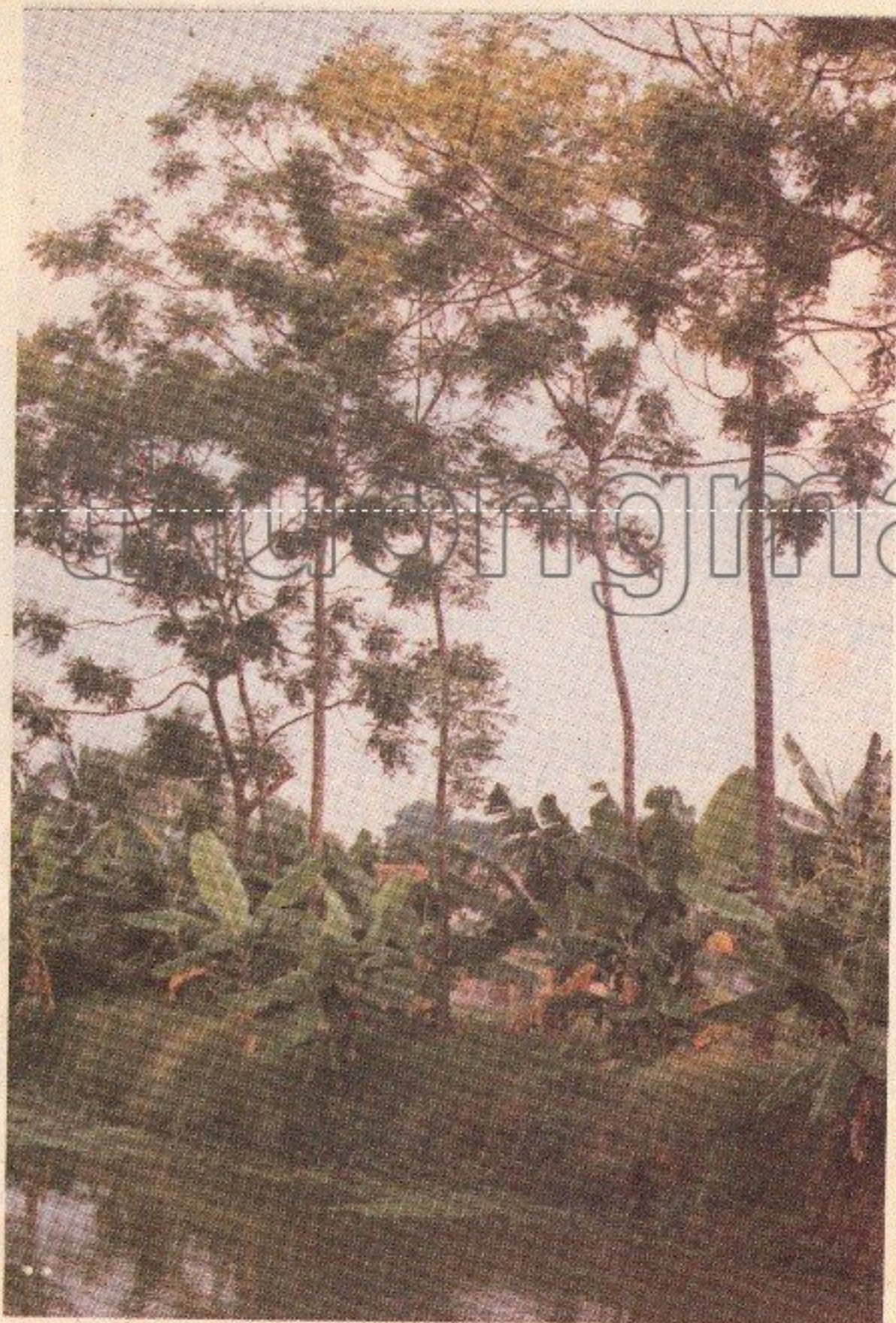
Bài 16 - 20. ÔN TẬP TỈNH (THÀNH PHỐ). THAM QUAN LÀNG QUÊ (ĐÔ THỊ)

(Sử dụng 5 tiết: 16, 17, 18, 19, 20 đưa học sinh đi tham quan làng quê nếu các em sống ở đô thị và ngược lại).

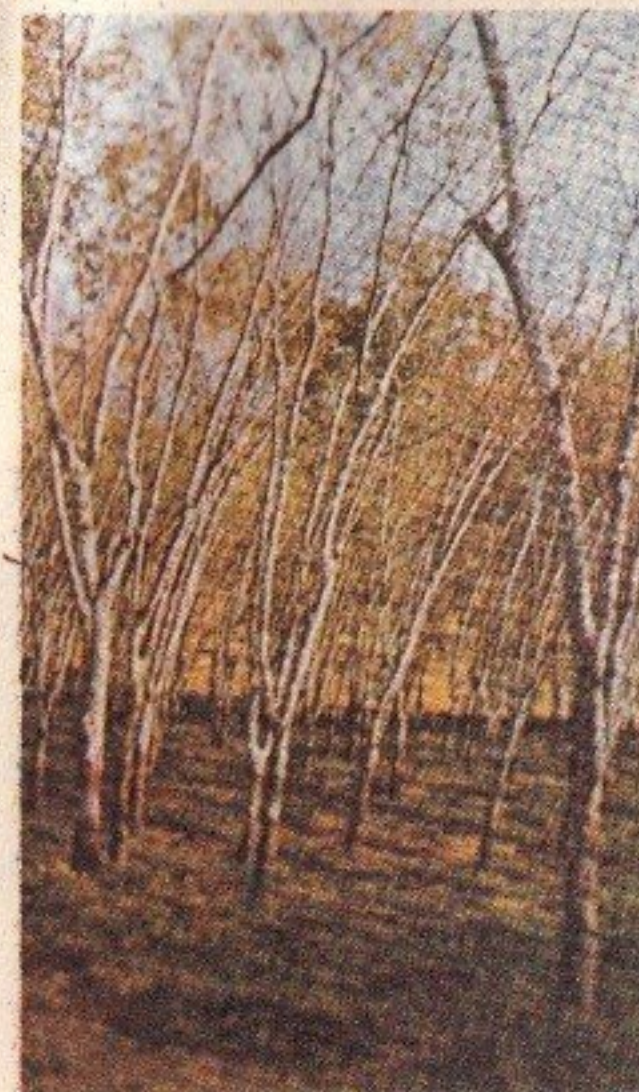
Nhận xét về: Phong cảnh, nhà cửa, đường xá, các hoạt động chủ yếu của con người.

THỰC VẬT

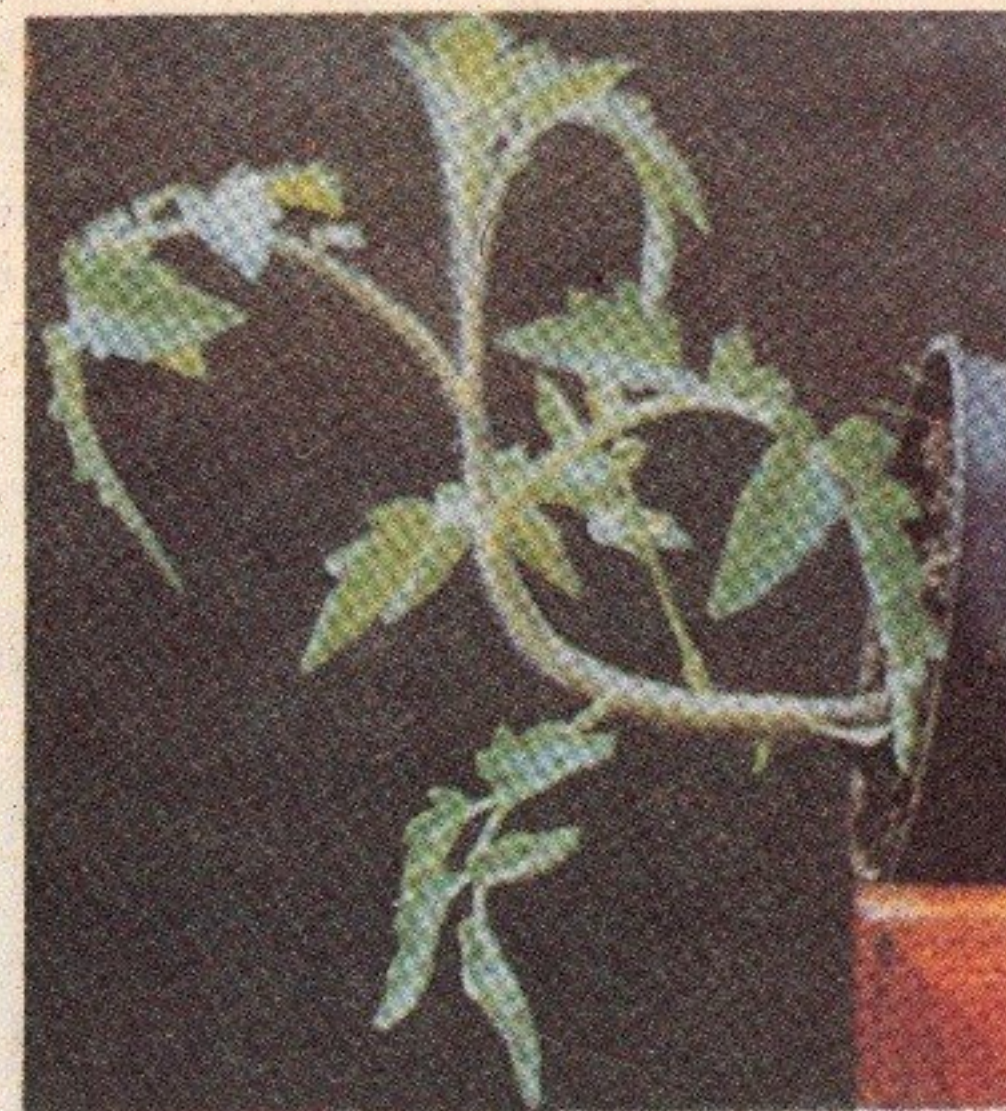
Bài 21. THÂN CÂY (CÁC LOẠI THÂN CÂY)



Hình 39. Rặng xoan (sầu dầu).



Hình 40. Rừng cây cao su.



Hình 41. Cây cà chua.

Thí nghiệm: để gốc cây cà chua nằm ngang. Thân cây cà chua mọc dài ra vẫn vươn thẳng lên trời.

- Kể tên những cây có thân mọc đứng như cây xoan, cây cao su, cây cà chua.



Hình 42. Dân dưa chuột.



Hình 43. Ruộng dưa hấu.

- Hãy kể tên những cây có thân leo như dưa chuột, có thân bò như dưa hấu.



Hình 45. Xu hào.

- Cây xu hào có thân phình to thành củ.

Phần lớn các cây có thân mọc đứng, hướng lên trời và vươn về phía có ánh sáng. Cũng có cây thân leo, cây thân bò trên mặt đất hoặc bò ngầm dưới mặt đất...

Có loại cây thân cứng như những cây gỗ. Có loại cây thân mềm như lúa, cỏ v.v.

Bài 22. THÂN CÂY (NHIỆM VỤ VÀ ÍCH LỢI)

1. Nhiệm vụ của thân cây đối với cây

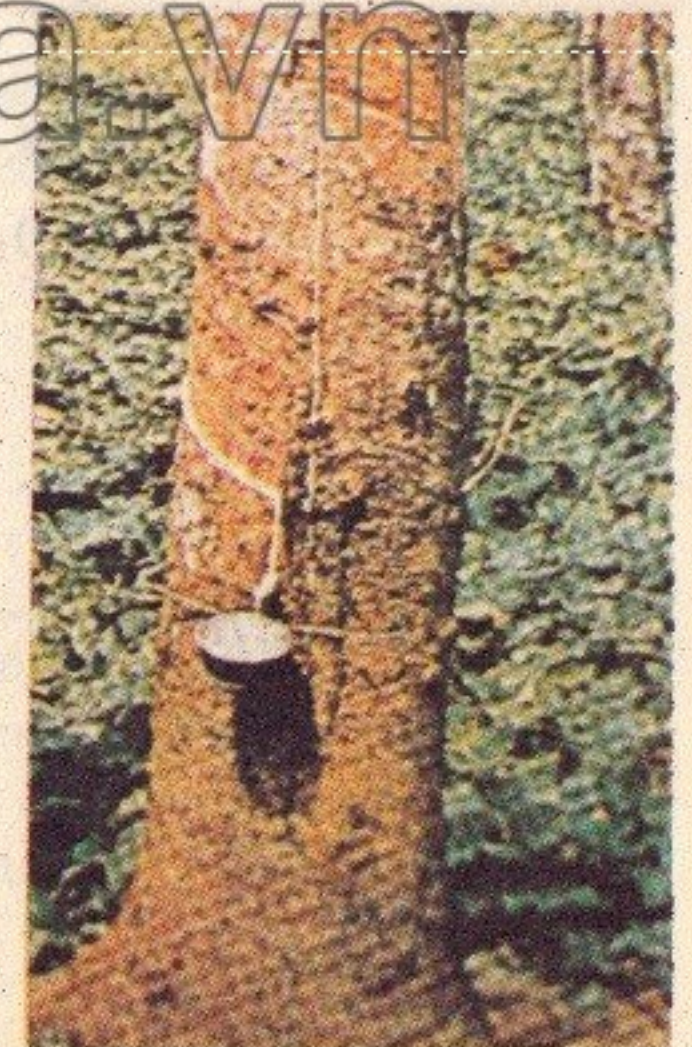
a) Thí nghiệm

- Rạch thân một số cây như đu đủ, xương rồng... ta thấy nhựa cây chảy ra.

- Bấm thử một ngọn cây (mướp...) không làm đứt rồi ta khoét thân, một thời gian sau ta thấy ngọn cây đó bị héo rồi chết.

b) Nhận xét và kết luận

Trong thân cây có chứa nhựa cây. Thân cây làm nhiệm vụ vận chuyển nhựa cây được rễ hút từ dưới đất lên lá (nhựa nguyên) và nhựa cây được chế biến từ lá (nhựa luyện) đi nuôi tất cả các bộ phận của cây.



Hình 46. Hứng nhựa cây cao su.

- Nhựa cây cao su dùng để chế tạo ra cao su làm xăm, lốp ô tô, xe đạp và các vật dụng khác.

2. Ích lợi của thân cây

- Thân các cây gỗ được dùng để làm nhà, đóng tàu, thuyền, đóng đồ đạc..., làm củi đun.

- Thân các cây như cao su, thông... được lấy nhựa làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

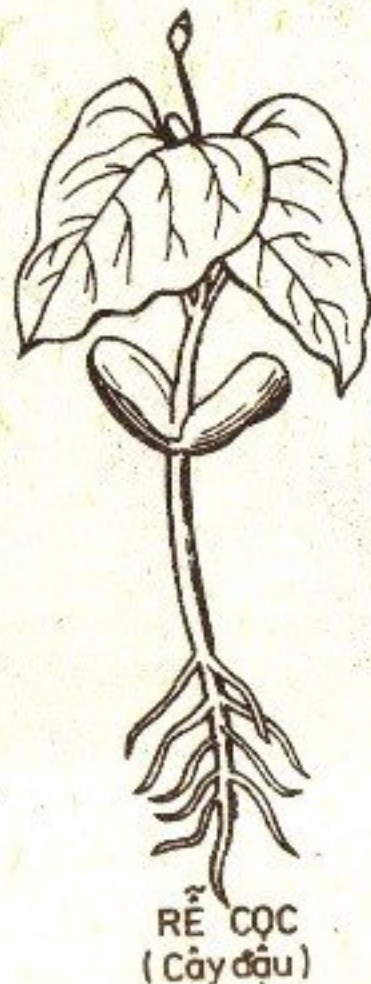
- Thân các cây như rau muống, xu hào, mía... dùng làm thức ăn cho người, thân cây lúa, ngô... làm thức ăn cho động vật.

- Kể các ích lợi của thân cây.

Thân cây làm nhiệm vụ vận chuyển nhựa đi khắp các bộ phận của cây.

Thân cây được dùng để làm nhà, đóng đồ dùng... làm thức ăn cho người, động vật và lấy nhựa.

BÀI 23. RỄ CÂY (CÁC LOẠI RỄ CÂY)



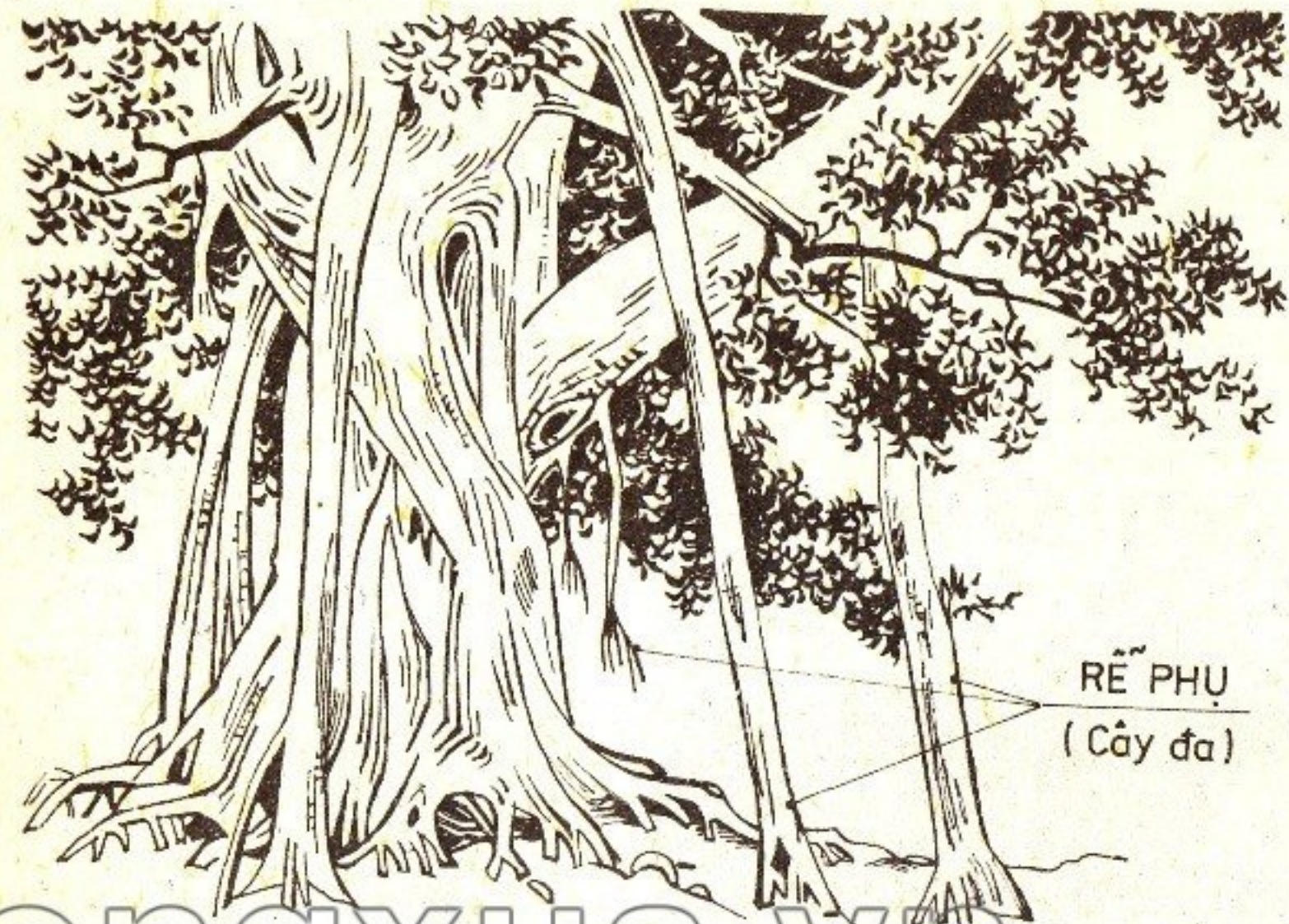
RỄ CỌC
(Cây đậu)



RỄ CHÙM
(Tỏi tây)



RỄ CỤ
(Cà rốt)



RỄ PHỤ
(Cây đa)

Hình 47. Các loại rễ cây.

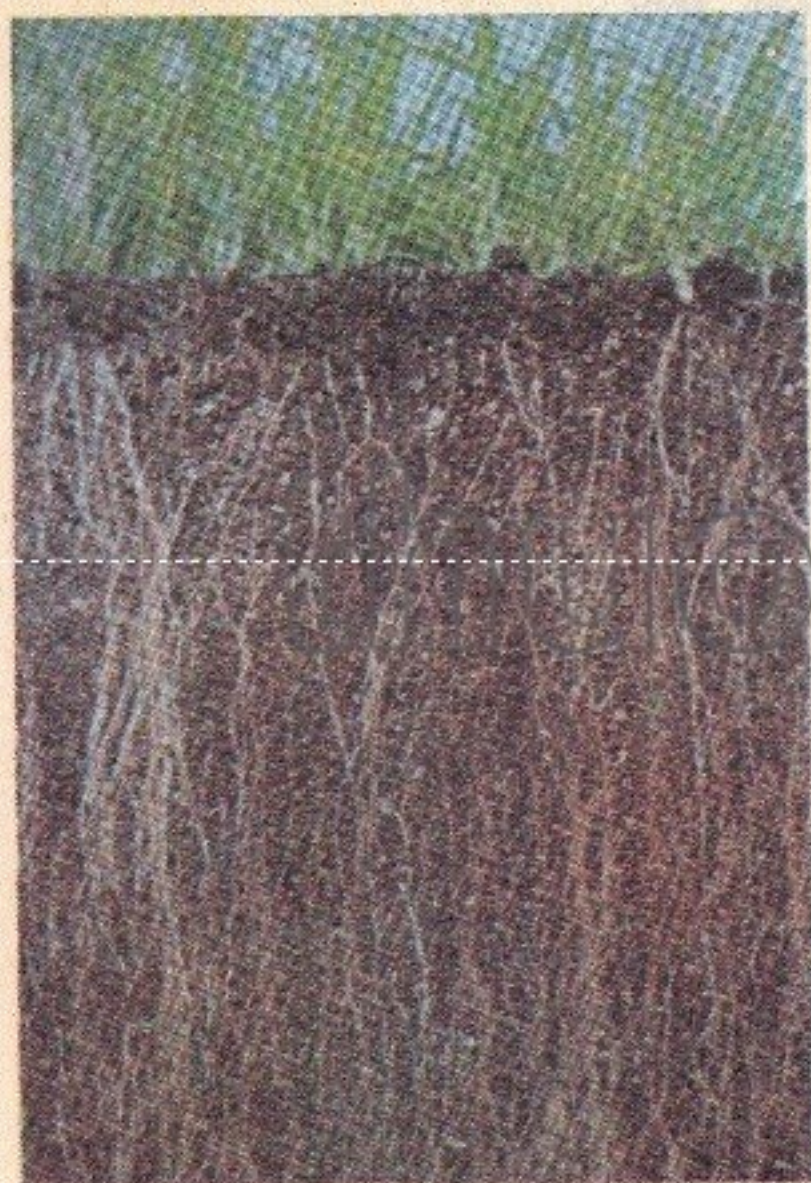
- Em biết tên những cây nào có rễ cọc, rễ chùm, rễ củ và rễ phụ?

Rễ cây bao giờ cũng mọc hướng xuống đất.

Có nhiều loại rễ cây khác nhau: có rễ cây đâm sâu xuống đất như loại rễ cọc, có rễ cây phình to thành củ, có cây ngoài rễ chính còn có rễ phụ.

Bài 24. RỄ CÂY (NHIỆM VỤ VÀ ÍCH LỢI)

1. Nhiệm vụ của rễ cây



Hình 48. Rễ cây đâm sâu xuống đất để hút thức ăn cho cây và giữ cho cây không bị đổ.



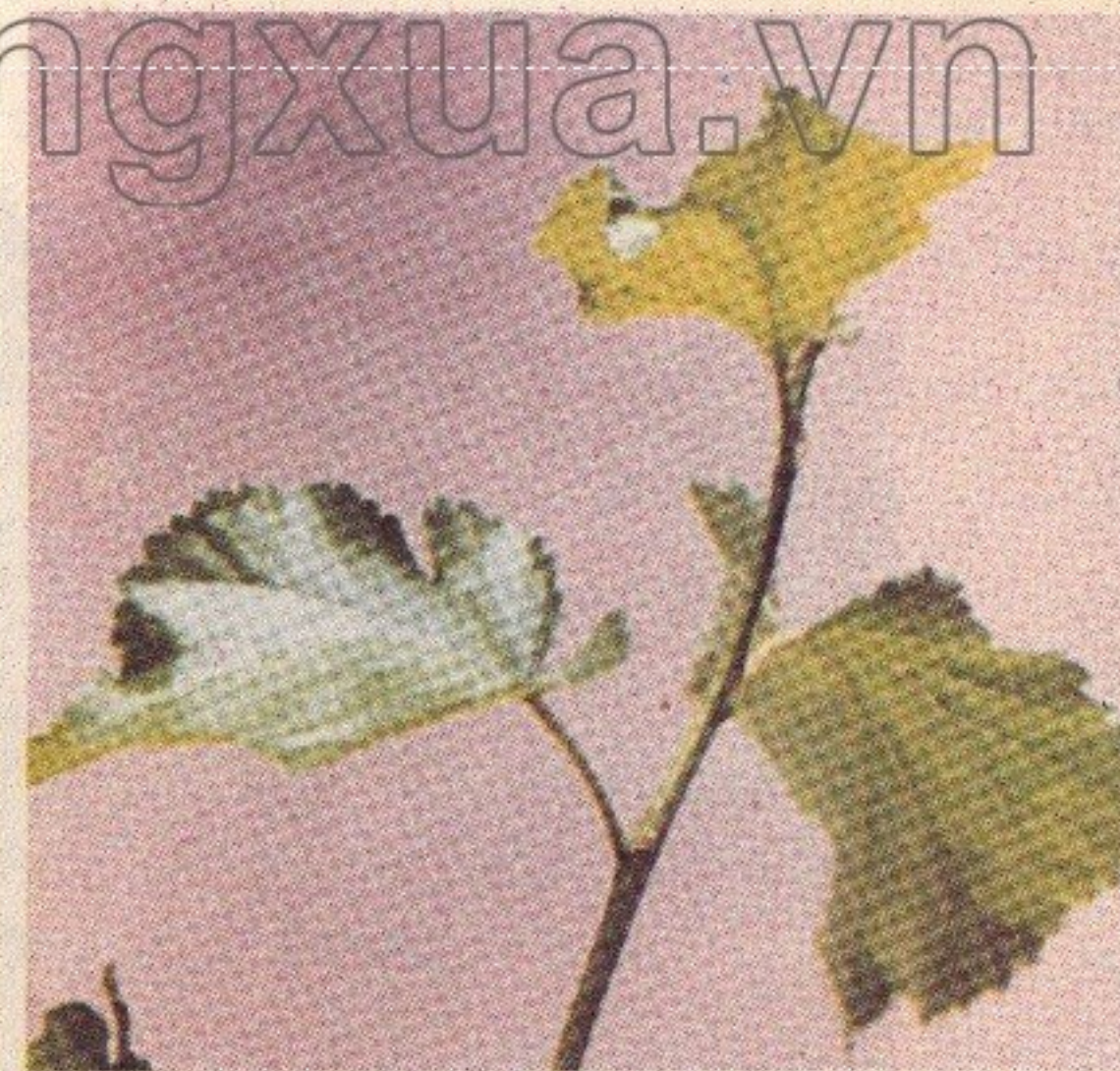
Hình 49. Rễ cây tam thất.

2. Ích lợi của rễ cây

- Một số cây có rễ dùng để làm thức ăn như : cà rốt, củ mài, củ sắn, củ đậu, khoai lang...
- Một số rễ cây được dùng làm thuốc như: sâm, tam thất, chanh...
- Ở một số nước trên thế giới người ta trồng củ cải đường để lấy rễ củ làm đường.

Rễ cây có nhiệm vụ hút thức ăn cho cây và giữ cho cây không bị đổ.
Rễ một số cây dùng để ăn, làm đường, làm thuốc...

Bài 25. LÁ CÂY (CÁC LOẠI LÁ CÂY)

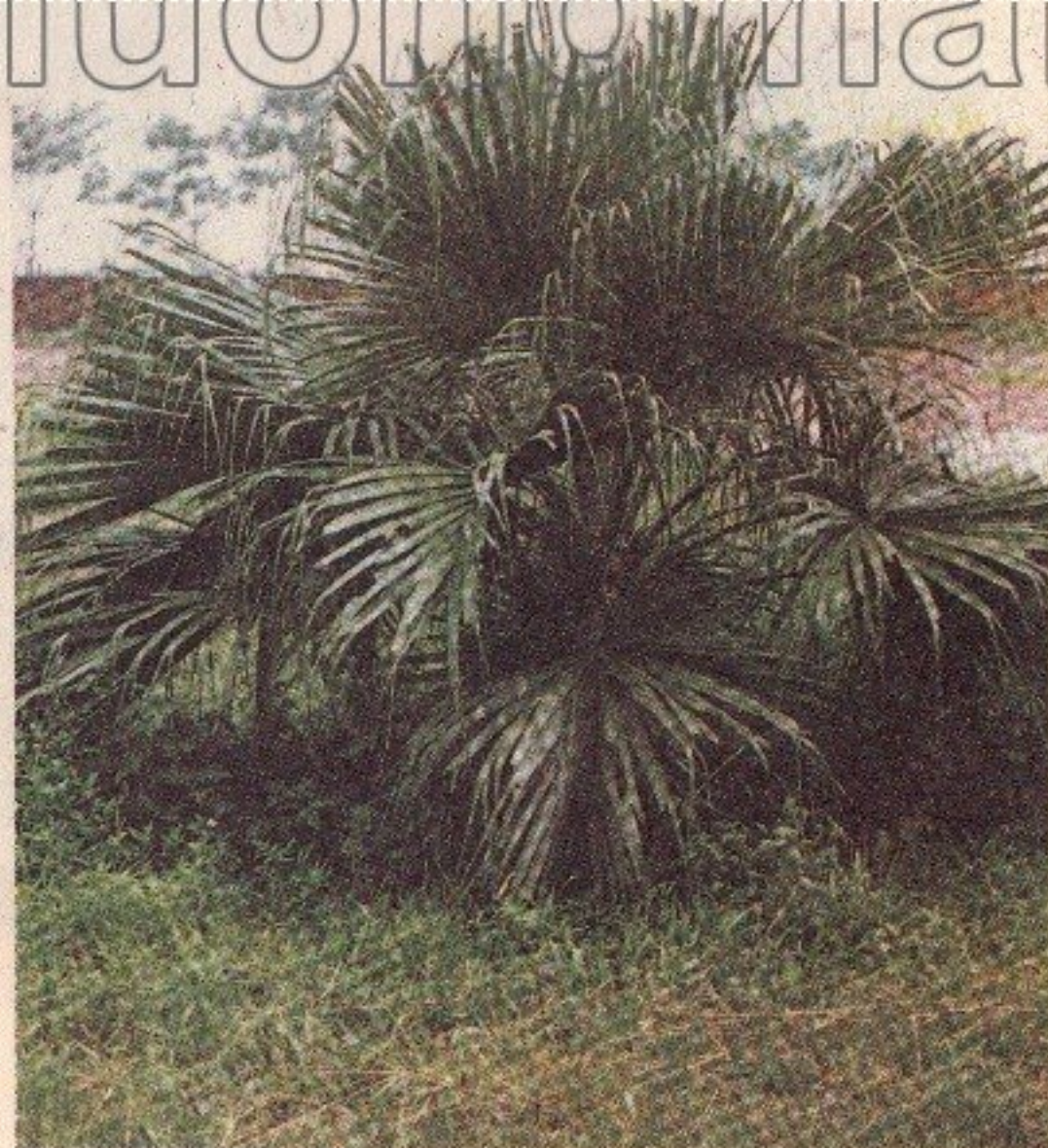


Hình 49. Lá dâu.

- Lá dâu có màu gì?
- Lá cây dâu có những phần nào?
- Mép lá dâu có gì đặc biệt?
- Lá dâu dùng để làm gì?



Hình 50. Lá sen.



Hình 51. Lá dừa



Hình 52. Lá tía tô.



Hình 53. Lá phượng.

Lá cây thường có màu xanh, cũng có lá màu đỏ hoặc vàng.

Lá cây thường có bẹ lá, cuống lá và phiến lá. Trên phiến lá có gân lá.

Có lá to, lá nhỏ. Có lá tròn, lá dài, có lá khuyết sâu, có lá mép răng cưa.

Bài 26. LÁ CÂY (NHIỆM VỤ VÀ ÍCH LỢI)

1. Nhiệm vụ của lá cây đối với cây

Lá cây xanh tiếp nhận ánh sáng Mặt Trời, khí các-bô-níc và thức ăn do rễ hút lên như nước và muối khoáng để tổng hợp thành các chất bổ dưỡng nuôi cây. Lá còn giúp cây thở và thoát hơi nước.

2. Ích lợi của lá cây

Nhiều loại lá cây được làm thức ăn cho người, động vật và dùng làm thuốc chữa bệnh. Một số lá cây dùng để lợp nhà, làm nón, một số khác để gói bánh, gói hàng.

- Kể tên một số lá cây được dùng vào những công việc trên.

Dưới ánh sáng mặt trời, lá cây xanh làm nhiệm vụ tổng hợp các chất bổ để nuôi cây. Lá còn giúp cây thở và thoát hơi nước.

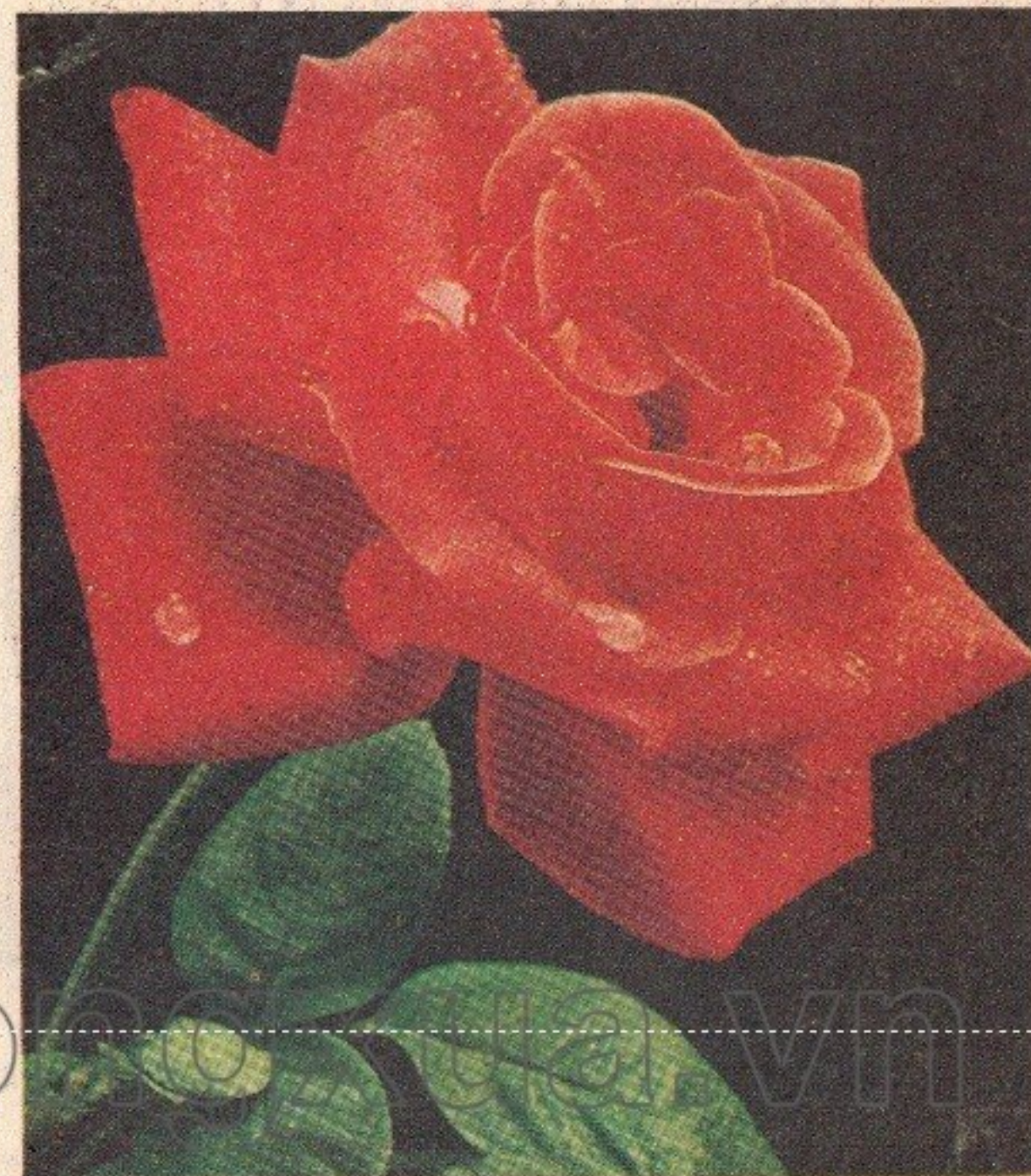
Lá cây được dùng làm thức ăn cho người, động vật và nhiều công việc khác.

Bài 27. HOA - ÍCH LỢI CỦA HOA



Hình 54. Hoa loa kèn.

Hình 55. Hoa lay ơn.



Hình 56. Hoa hồng.

- Kể tên những hoa thường được dùng vào những việc:

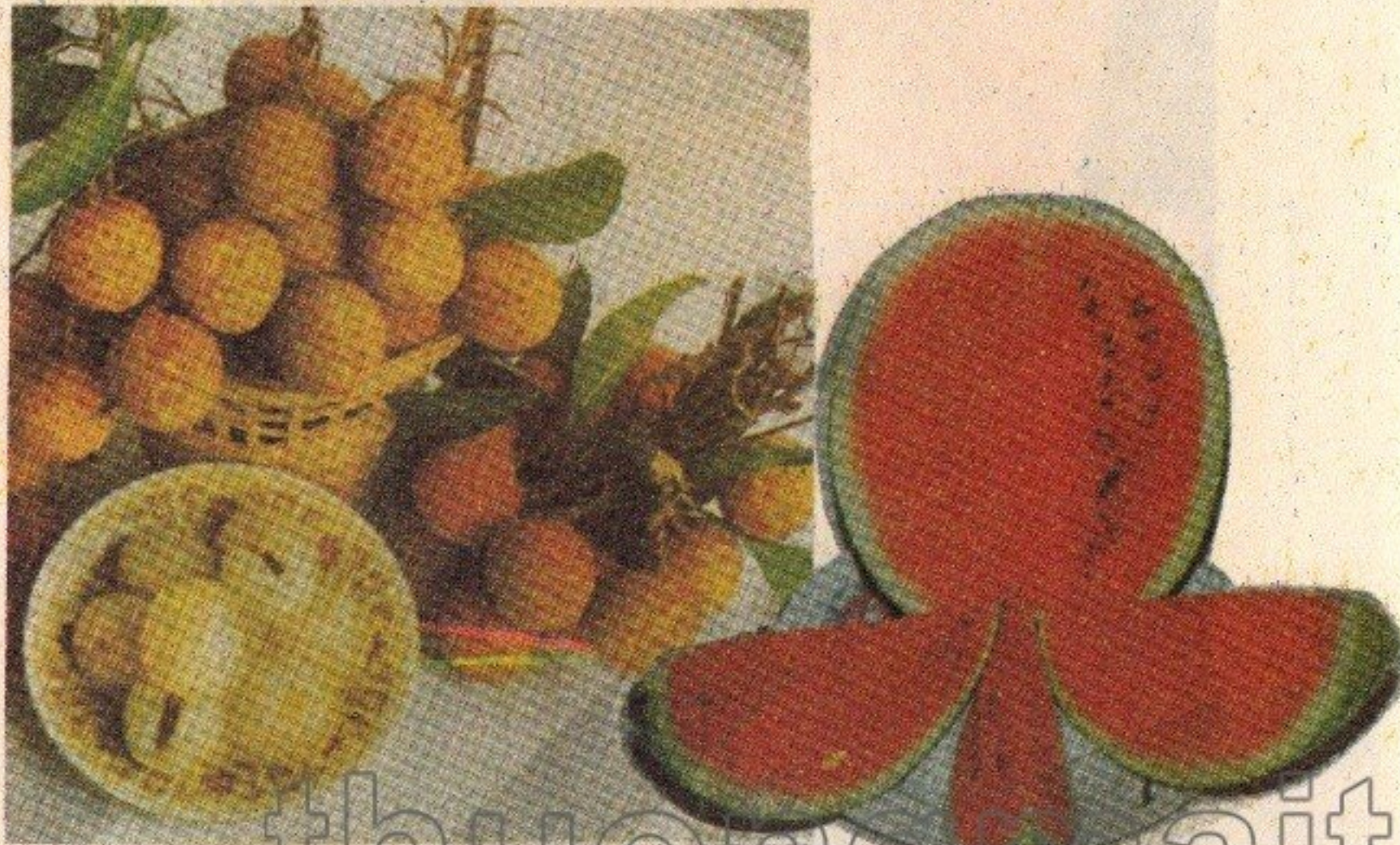
- a) Trang trí trong những ngày lễ tết, cưới hỏi, sinh nhật, ma chay.
- b) Làm thức ăn, làm thuốc, ướp trà.
- c) Làm nước hoa.

Mỗi loại hoa có màu sắc và hương thơm khác nhau.

Mỗi bông hoa thường có cuống hoa, đài hoa, cánh hoa và nhị hoa.

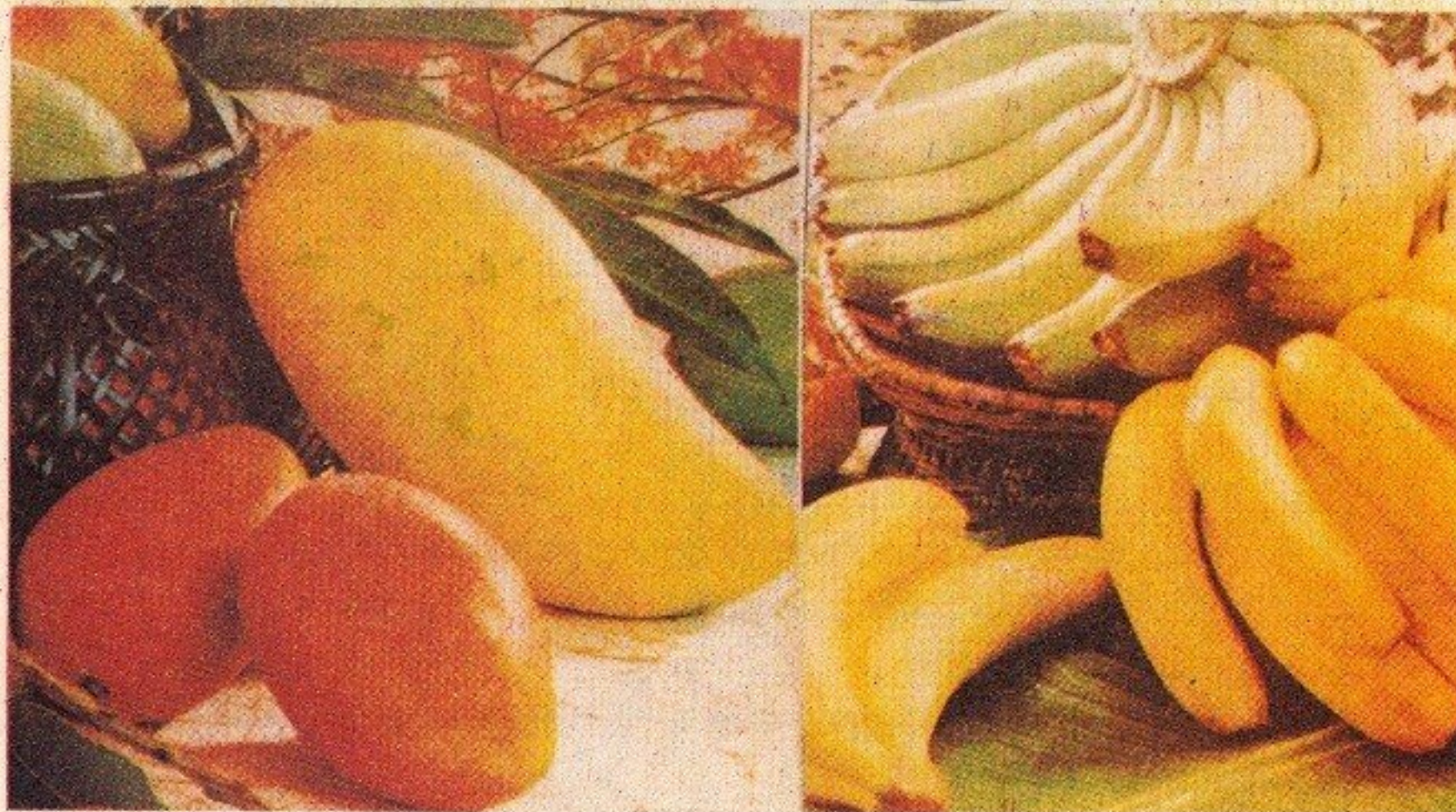
Người ta trồng hoa để trang trí, làm nước hoa và nhiều việc khác.

Bài 28. QUẢ (TRÁI CÂY).
ÍCH LỢI CỦA QUẢ



Hình 58. Vải thiều.

Hình 59. Dưa hấu.



Hình 60. Xoài.

Hình 61. Chuối.



Hình 62. Cam và bưởi.

- Kể tên những quả em thường được ăn tươi.
- Em biết tên những quả nào dùng để:
 1. Nấu ăn trong bữa cơm
 2. Làm mứt, đóng hộp
 3. Ép lấy dầu.

Mỗi loại quả có màu sắc và mùi, vị khác nhau.
Mỗi quả thường có 3 phần: vỏ, thịt và hạt.
Nhiều loại quả tươi, chín chứa nhiều chất bổ cần cho cơ thể. Trước khi ăn phải rửa sạch quả, sạch tay.

Bài 29 - 30. ÔN TẬP THỰC VẬT

1. Kể tên các cây có một trong những đặc điểm sau:

- Thân có gỗ cứng.
- Thân mềm (như lúa, cỏ).
- Thân rỗng (như tre).
- Rễ chùm.
- Rễ cọc.

2. Kể tên các cây được trồng để lấy hoa và ăn quả.

3. Kể một số đặc điểm chung của cây xanh.

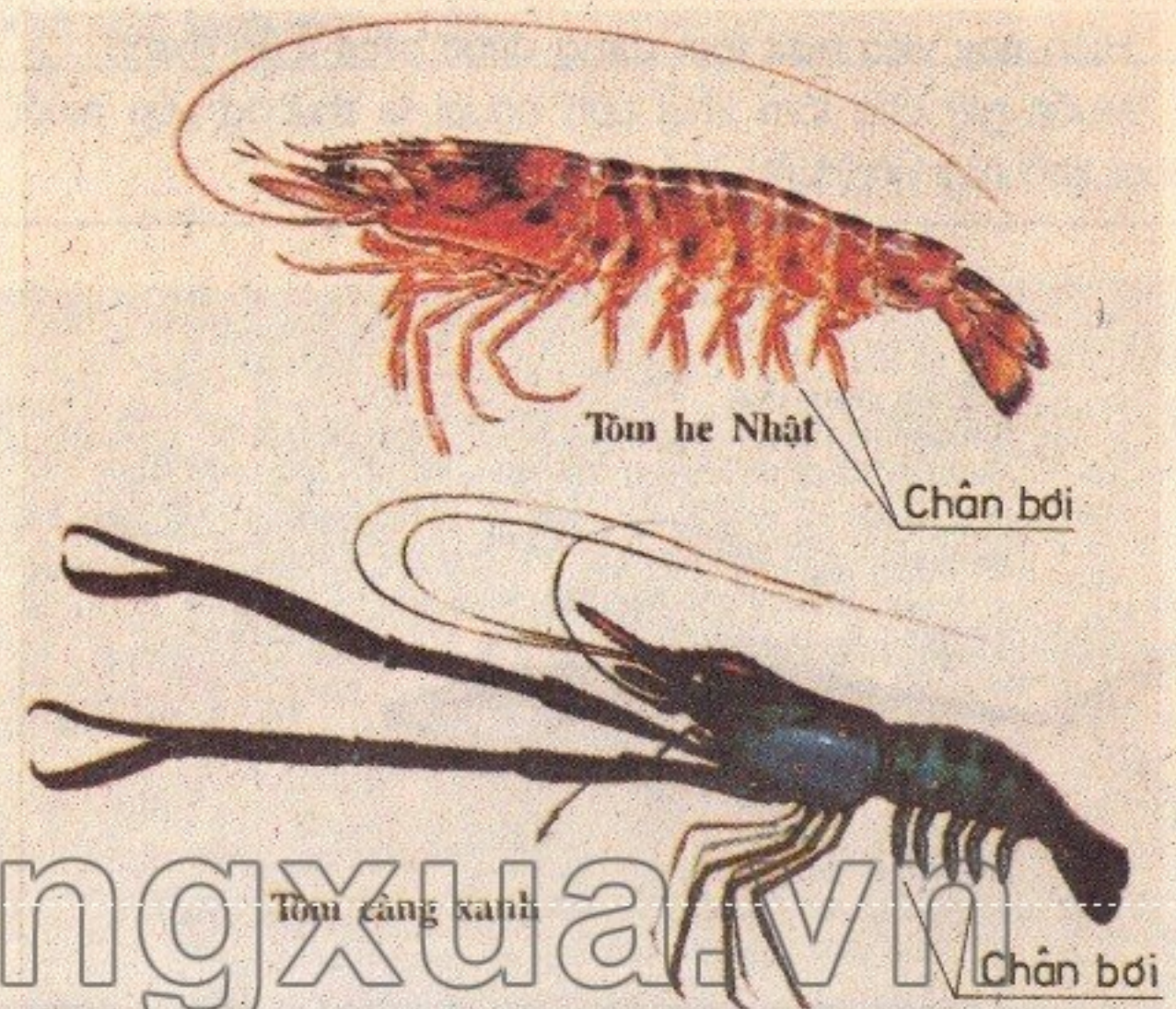
4. Nêu nhiệm vụ chính của thân, rễ, lá, hoa, quả và hạt.

Cây xanh thường có thân, rễ, lá, hoa, quả và hạt. Thân cây chủ yếu làm nhiệm vụ dẫn truyền các chất từ rễ lên lá và từ lá đi khắp các bộ phận của cây. Rễ hút thức ăn. Lá hút khí các-bô-níc và sử dụng các chất do rễ cây hút lên để tổng hợp các chất bổ đi nuôi cây, giúp cây thở và thoát hơi nước. Hoa, quả, hạt là các cơ quan sinh sản, duy trì nòi giống của cây.

Bài 31. KIỂM TRA HỌC KÌ I

ĐỘNG VẬT

Bài 32. TÔM



Hình 63. Tôm biển.

- Hãy chỉ đầu, mình, đuôi, chân của tôm trong hình 63.



Hình 64. Xưởng làm tôm đông lạnh.

Tôm không có xương, cơ thể tôm được che chở bằng một lớp vỏ mỏng cứng. Tôm có nhiều chân, phân thành các đốt.

Tôm chứa nhiều chất đạm cần cho cơ thể người.

Hiện nay việc nuôi tôm đang được phát triển mạnh.

Muốn giữ cho tôm khỏi ươn người ta thường ướp muối, phơi khô hay ướp lạnh.

Bài 33. CÁ



Hình 65. Cá thu.

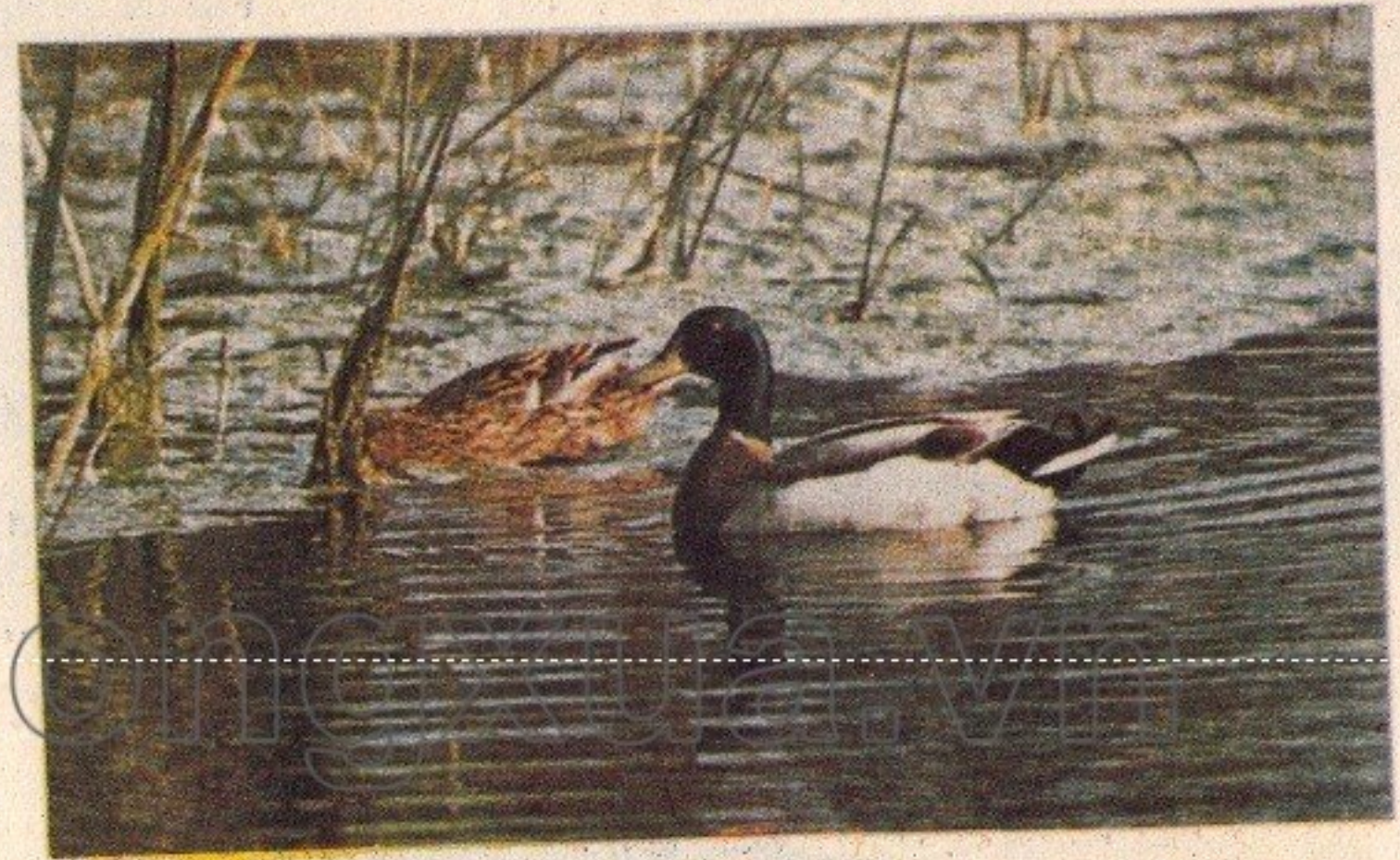
Hãy chỉ vào đầu, mình, đuôi và vây cá trong hình 65.



Hình 66. Xưởng chế biến cá thu.

Cá có xương, cơ thể được che chở bằng vảy.
Cá là thức ăn chứa nhiều chất đạm, gan cá thu còn được dùng để chế dầu cá.
Muốn giữ cho cá khỏi ươn người ta thường ướp muối, phơi khô, ướp lạnh, đóng hộp.

Bài 34. VỊT, NGAN



Hình 67. Vịt.

Hình 68. Ngan.



- Hãy chỉ vào đầu, mình, chân, cánh của ngan ở trong hình 68.
- Vịt và ngan ưa sống ở đâu?

Vịt và ngan ưa sống dưới nước.

Thân thể vịt và ngan được bao phủ bởi lớp lông vũ không thấm nước. Các ngón chân của chúng có màng nối liền nhau như mái chèo thích hợp với việc bơi lội. Mỏ chúng có răng cưa thích hợp với việc kiếm ăn dưới nước, nước được chảy ra, thức ăn được giữ lại.

Vịt được nuôi để lấy thịt và trứng, ngan để ăn thịt.

Bài 35. CHIM BỒ CÂU



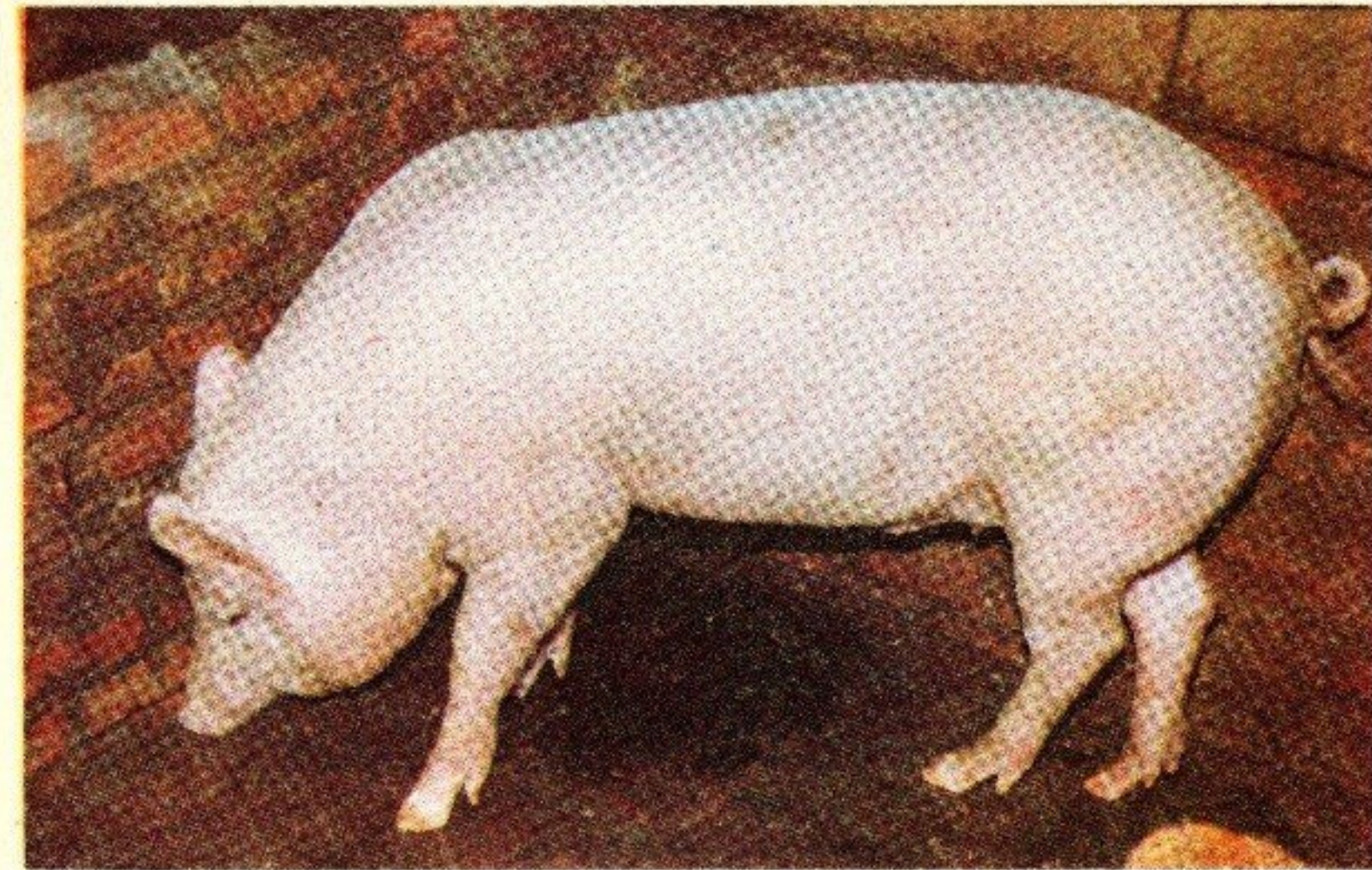
Hình 69. Chim bồ câu.

- Hãy chỉ vào đầu, mình, chân và cánh của chim bồ câu trong hình 69.

Toàn thân chim bồ câu được bao phủ bởi lớp lông vũ không thấm nước. Nó bay, lượn bằng cánh, đi bằng hai chân.

Ở Việt Nam nuôi chim bồ câu để ăn thịt hoặc thi thà, bay lượn thể thao... Chim bồ câu còn được thế giới lấy làm biểu tượng cho hòa bình, hữu nghị, hạnh phúc.

Bài 36. LỢN (HEO)



Hình 70. Con lợn (con heo).

- Hãy chỉ vào hình 70, đầu, mình và chân của lợn.

- Người ta thường cho lợn ăn gì?

- Muốn cho lợn chóng lớn, chóng béo, không ốm phải giữ gìn chuồng lợn như thế nào?

- Người ta nuôi lợn để làm gì?

Toàn thân lợn được bao phủ bởi lớp lông mao.

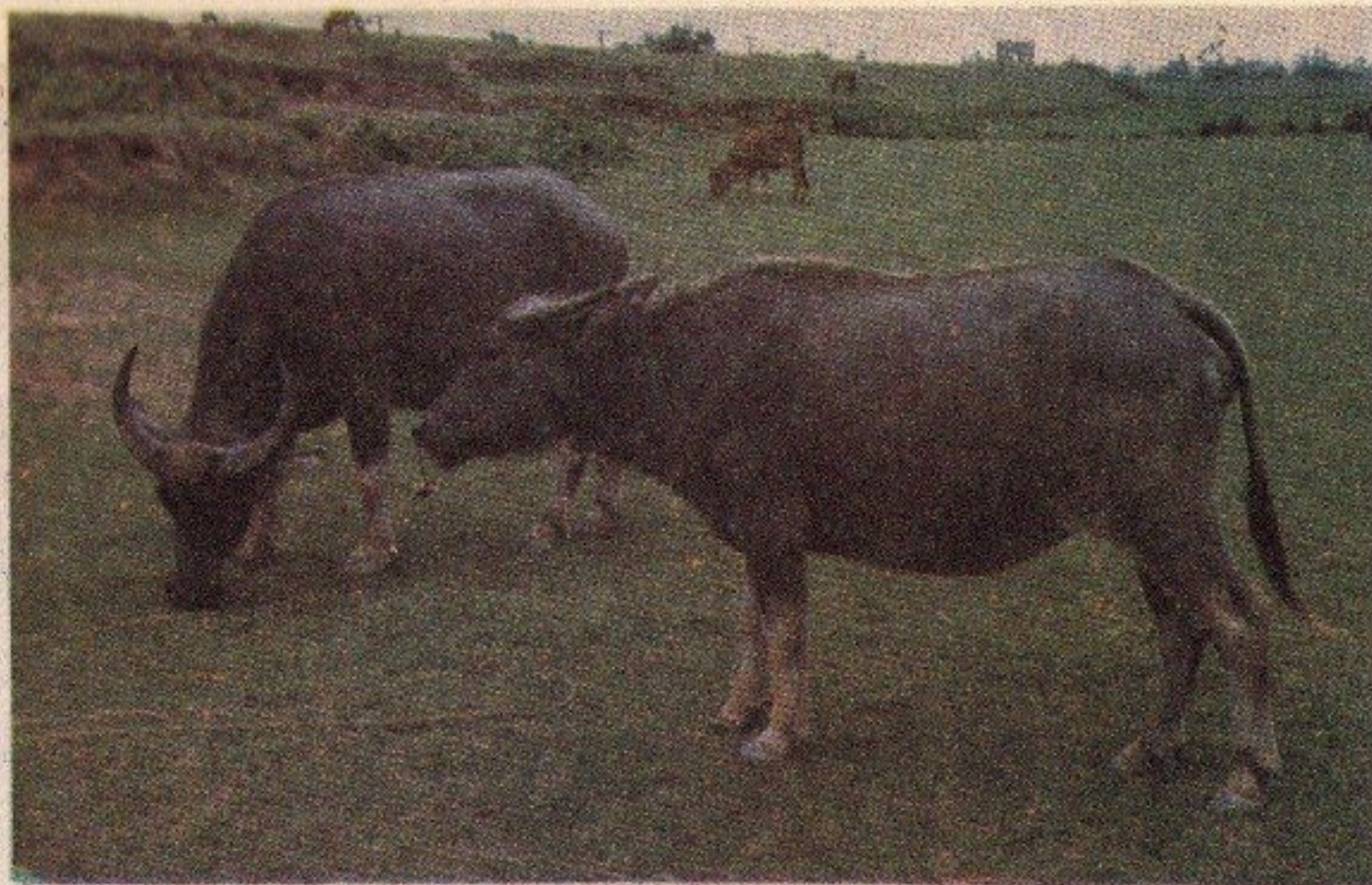
Lợn là giống ăn tạp. Ngoài cám, ngô, khoai, sắn, rau, bèo còn có thể tận dụng nước gạo, thức ăn thừa của người, các loại bã đậu, bã rượu... để nuôi lợn.

Lợn đẻ nhiều lứa, mỗi lứa có nhiều con.

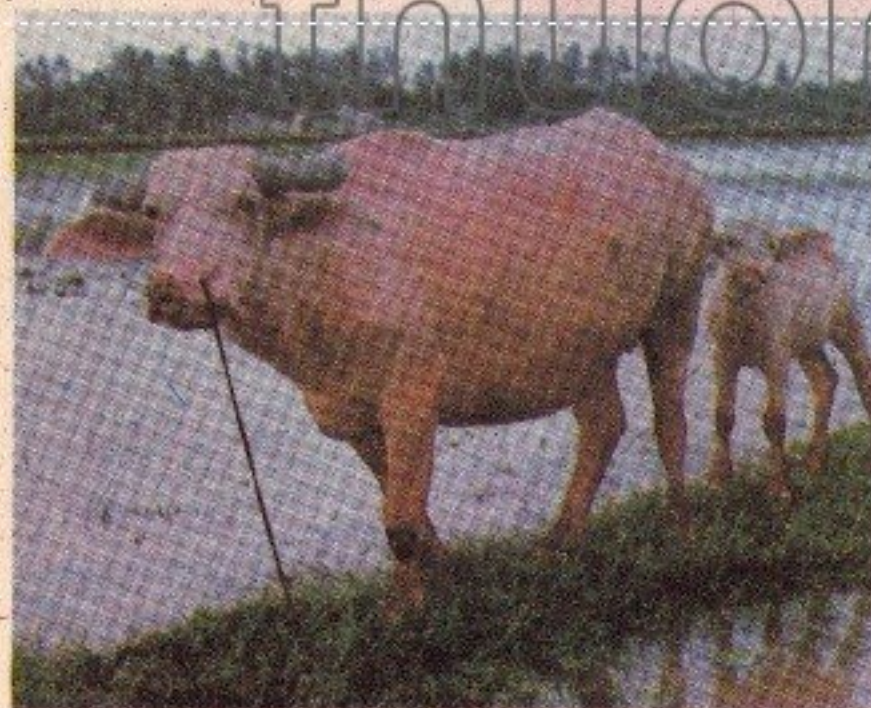
Lợn là vật nuôi chính, cung cấp thức ăn cho con người.

Phân lợn còn được dùng để ủ phân bón ruộng.

Bài 37. TRÂU



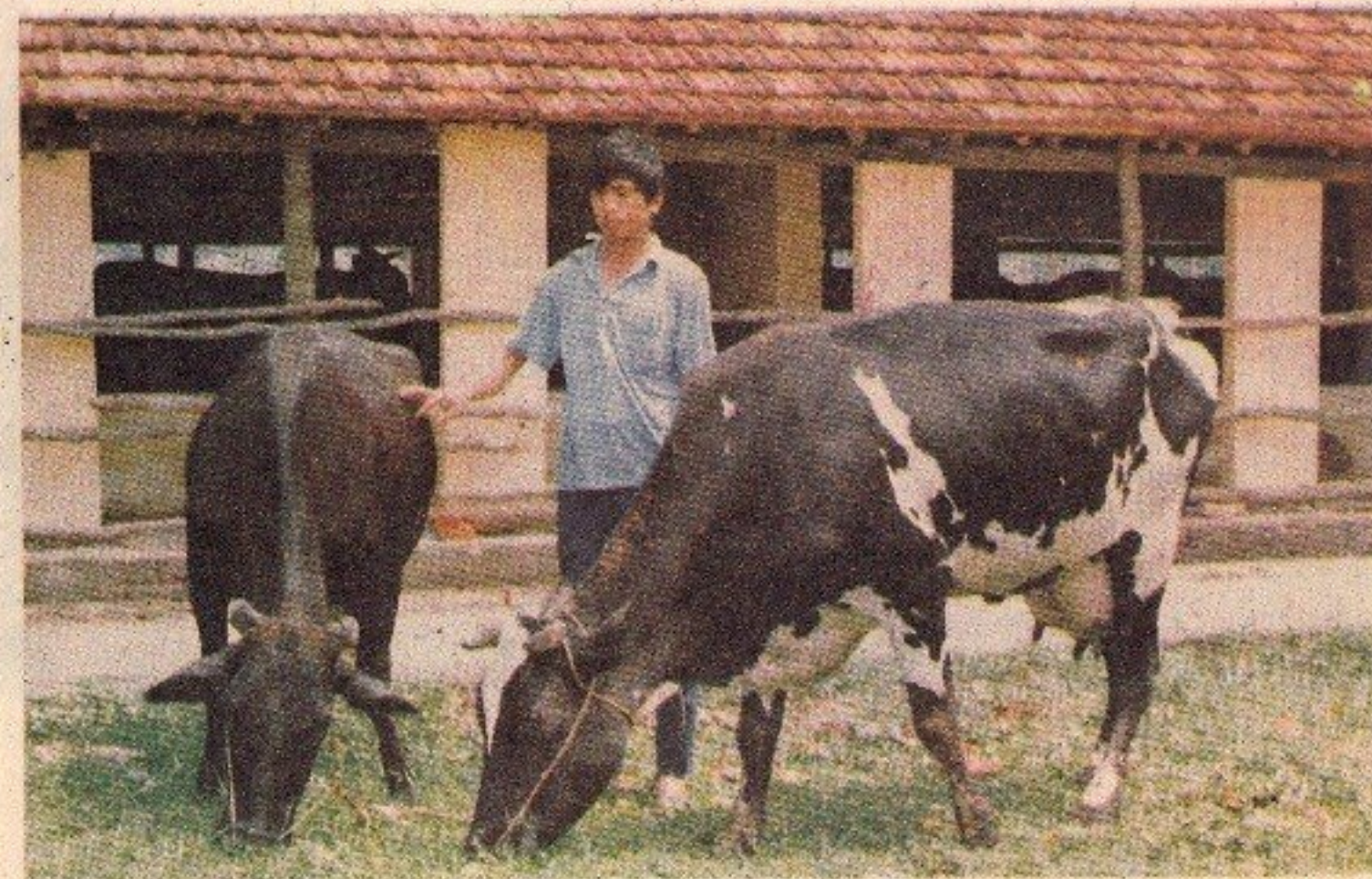
Hình 71. Trâu đen.



Hình 72. Trâu trắng và nghé.

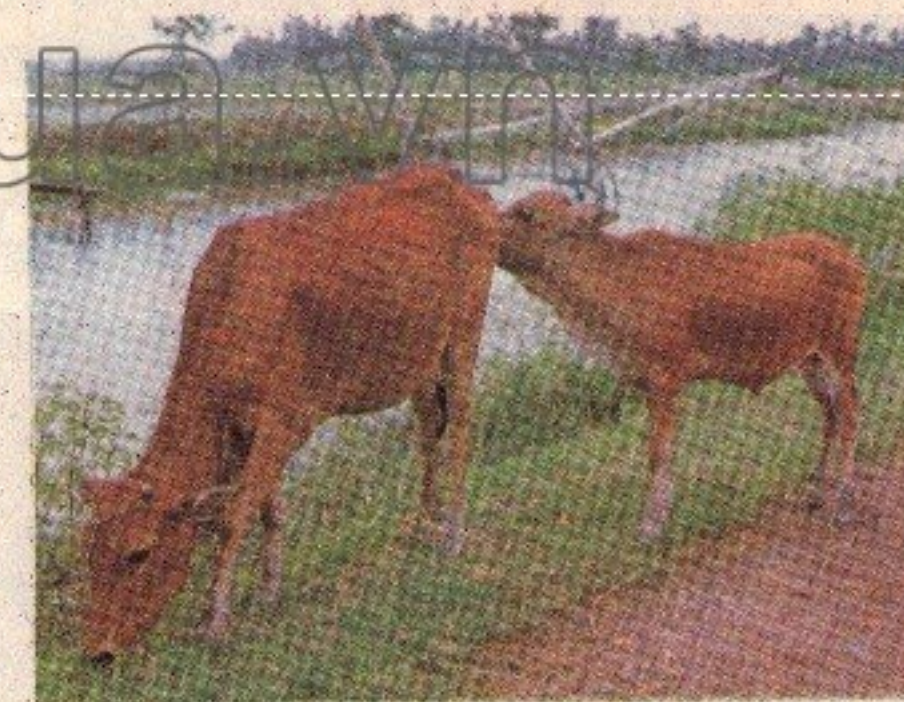
Trâu thuộc loại gia súc lớn có sừng.
Trâu ăn cỏ và một số lá cây. Mỗi lứa, trâu thường chỉ đẻ một con.
Trâu thường được sử dụng để kéo cày, kéo gỗ.

Bài 38. BÒ



Hình 73. Bò sữa.

- Hãy chỉ vào hình 73 và 74 : đầu, mình, chân của bò.
- Bò ăn gì ? Thường được chăn thả ở đâu ?
- Mỗi lứa, bò thường đẻ mấy con ?



Hình 74. Bò cày và bê.

Bò thuộc loại gia súc lớn, có sừng.
Bò ăn cỏ và một số lá cây. Mỗi lứa thường chỉ đẻ một con.
Bò được dùng để kéo cày, kéo xe hay nuôi để lấy thịt, lấy sữa. Thịt bò, sữa bò và các sản phẩm của sữa như bơ và pho mát là những thức ăn ngon và bổ.

Bài 39. DÊ



Hình 75. Đàn dê.

- Dê thuộc loại gia súc nhỏ, có sừng rỗng.

Dê ăn cỏ và một số lá cây. Trong một năm, dê cái có thể đẻ 1 - 2 lứa, mỗi lứa 2 - 3 con.

Dê được nuôi để lấy thịt, da và sữa.

Bài 40. HƯƠNG



Hình 76. Hương sao.

- Hương sao là loài thú sống trong rừng. Hương đực có sừng 4 nhánh, lông màu vàng tươi, nhiều đốm trắng.

- Ở Việt Nam hương sao sống ở miền Đông Bắc và Bắc Trung bộ. Hương sao thuộc loại thú quý hiếm cần được bảo vệ.

Hương ăn các loại lá cỏ, quả, củ cây rừng, ưa sống ở rừng có cây bụi, cỏ và gần suối nước.

Một số vùng thuộc Nghệ An, Hà Tĩnh đã gây, nuôi giống hương sao có kết quả.

Người ta lấy nhung và sừng hương để chế thuốc bổ.

Bài 41 - 42. ÔN TẬP ĐỘNG VẬT

1. Những con vật em đã học có đặc điểm gì chung?

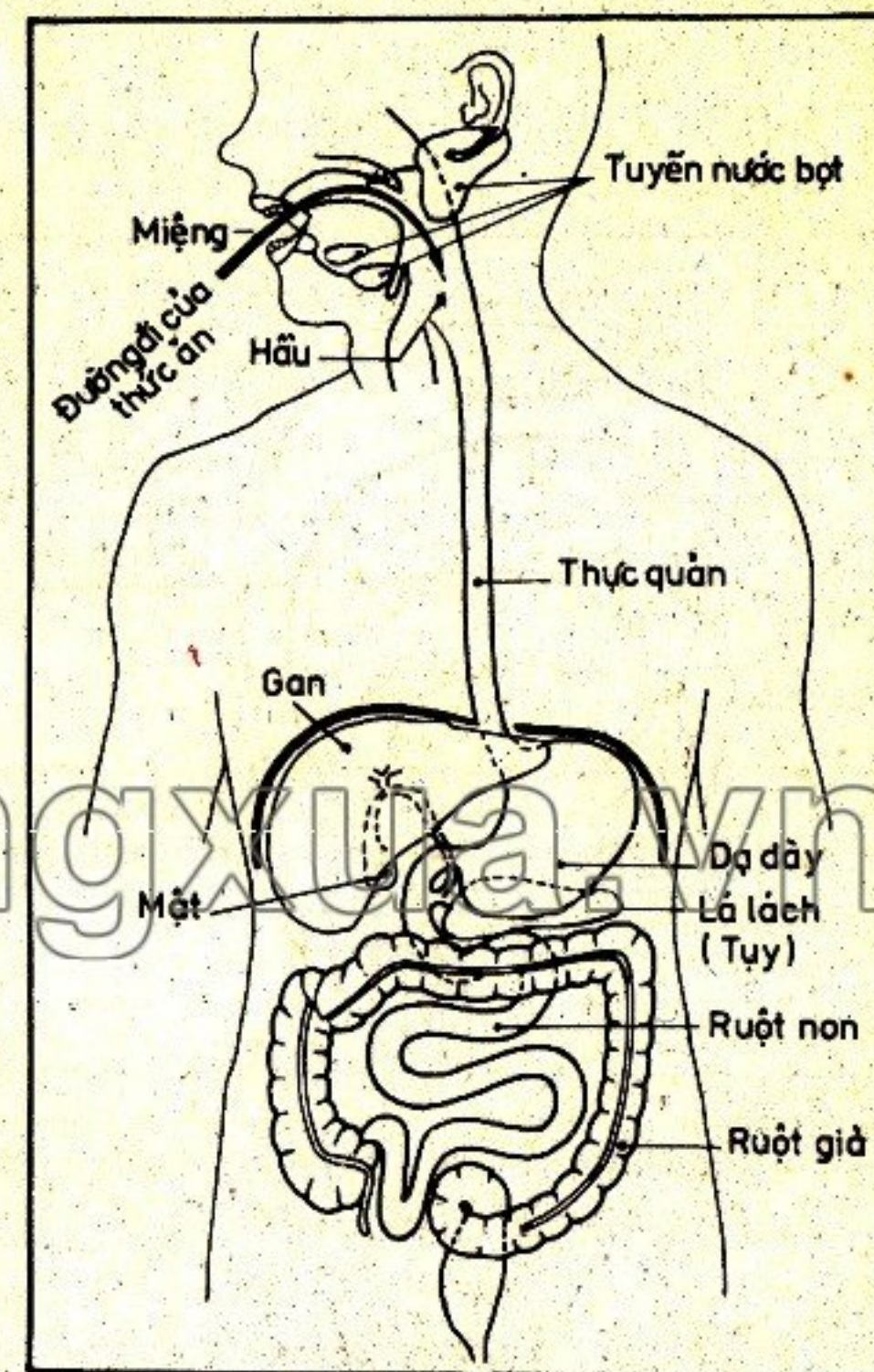
Các con vật thường khác nhau về hình dạng, kích thước nhưng chúng đều có đặc điểm chung là cơ thể được chia làm ba phần: đầu, mình và cơ quan di chuyển (chân, vây hoặc cánh).

2. Điền vào các cột còn để trống

Thứ tự	Tên các con vật	Đầu	Mình	Cơ quan di chuyển		Các đặc điểm nơi sống
				Chân (vây)	cánh	
1		Được che chở bằng vỏ cứng		Có chân ngực và chân bơi	Không	Sống dưới nước
2	Cá			Bơi bằng vây và đuôi		
3	Vịt, ngan					
4		Được bao phủ bởi lớp lông vũ không thấm nước		Đi bằng chân	Bay bằng cánh	Trên không và trên mặt đất
5		Được bao phủ bởi lớp lông mao		Đi bằng 4 chân		
6	Trâu, bò	Đầu có sừng				
7	Dê					
8	Hươu					

CƠ THỂ NGƯỜI

Bài 43. CÁC CƠ QUAN TIÊU HÓA



Hình 77. Sơ đồ các cơ quan tiêu hóa.

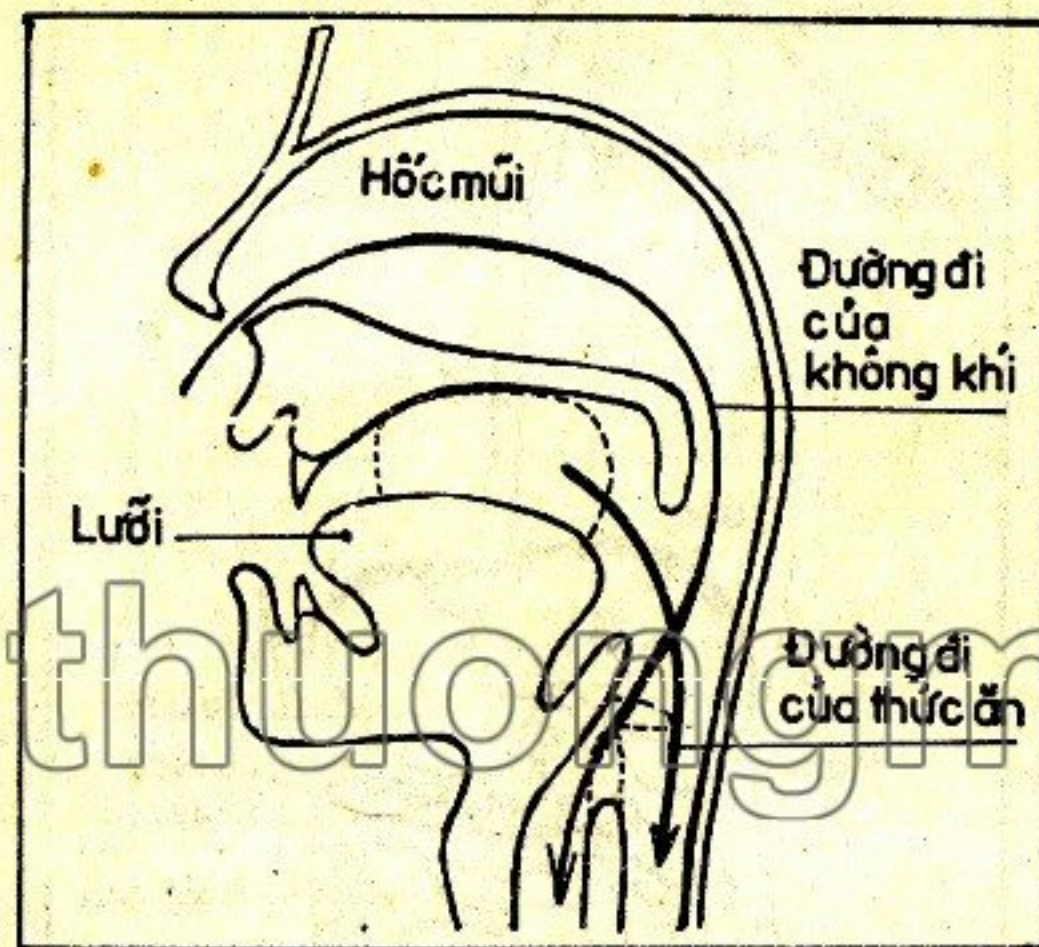
Khi ta ăn, thức ăn được chế biến thành chất bổ để nuôi cơ thể. Công việc đó gọi là sự tiêu hóa.

Các cơ quan tiêu hóa gồm có: miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già và các tuyến tiêu hóa như: nước bọt, dịch vị, dịch tụy, nước mật và dịch ruột.

Bài 44. HOẠT ĐỘNG TIÊU HÓA

Thực hành

- Nhai kĩ thức ăn (ví dụ: bánh mì): theo dõi và nhận xét hoạt động của răng, lưỡi và sự tiết nước bọt trong miệng.
- Khi nuốt, lưỡi đóng vai trò gì?
- Chỉ trên hình 78 đường đi của thức ăn khi ta nuốt.



Hình 78. Sơ đồ đường đi của thức ăn từ miệng qua hầu xuống thực quản.

Thức ăn lần lượt vào miệng, dạ dày và ruột. Nó được nhai nhỏ, nghiền nát rồi được các nước dịch biến thành chất lỏng, thấm qua ruột non hòa vào máu đi nuôi cơ thể.

Các chất bã còn lại của thức ăn được đưa xuống ruột già thành phân rồi bị tống ra ngoài.

Ta nên ăn chậm, nhai kĩ để giúp các cơ quan tiêu hóa làm việc được tốt.

Bài 45. MÁU VÀ CÁC CƠ QUAN TUẦN HOÀN

1. Máu

Máu là một chất lỏng, màu đỏ. Gồm có huyết tương và huyết cầu.

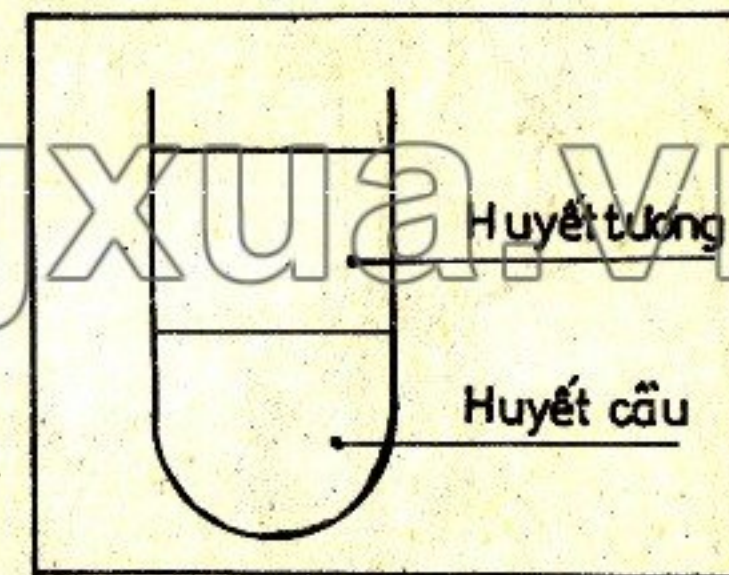
a) Huyết tương

Huyết tương hòa tan các chất bổ đưa tới các cơ quan và mang cặn bã do các cơ quan thải ra.

b) Huyết cầu

Huyết cầu chủ yếu là:

- Huyết cầu đỏ: mang ô-xy cho cơ thể
- Huyết cầu trắng: tiêu diệt vi trùng.



Hình 79. Máu đã được lắng trong ống nghiệm.

2. Các cơ quan tuần hoàn

Các cơ quan tuần hoàn gồm có tim và các mạch máu.

a) Tim là nơi chứa máu, nó luôn đập để bơm máu đi khắp cơ thể.

b) Các mạch máu: gồm có

- Động mạch: đem máu từ tim đi khắp cơ thể.
- Tĩnh mạch: đem máu từ cơ thể về tim.
- Mao mạch: nối động mạch với tĩnh mạch.

Bài 46. HOẠT ĐỘNG TUẦN HOÀN

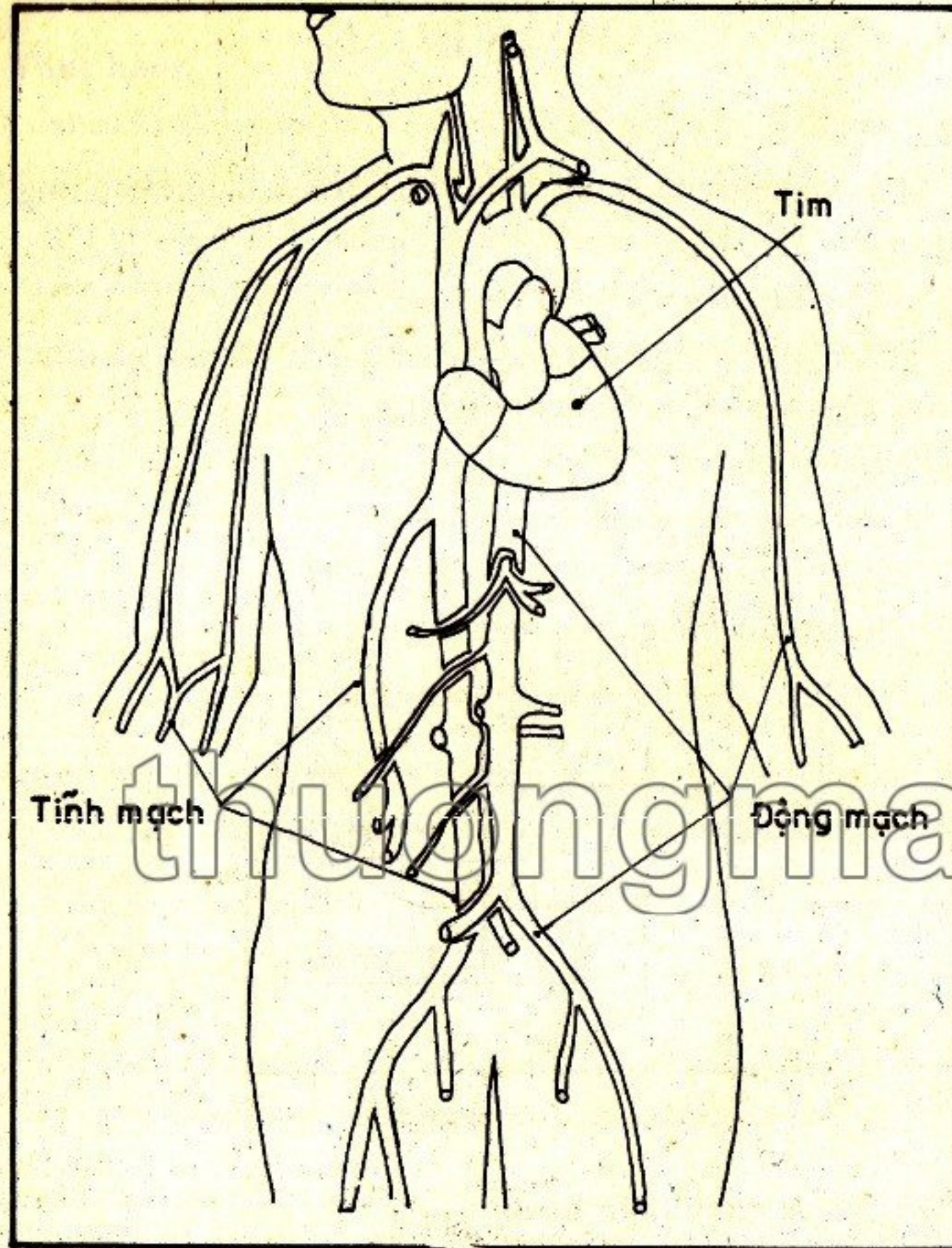
1. Thực hành

Theo dõi nhịp đập của tim và mạch máu.

a) Áp tai (hoặc dùng ống nghe) vào ngực bạn để nghe tim đập, đếm nhịp đập của tim trong 1 phút.

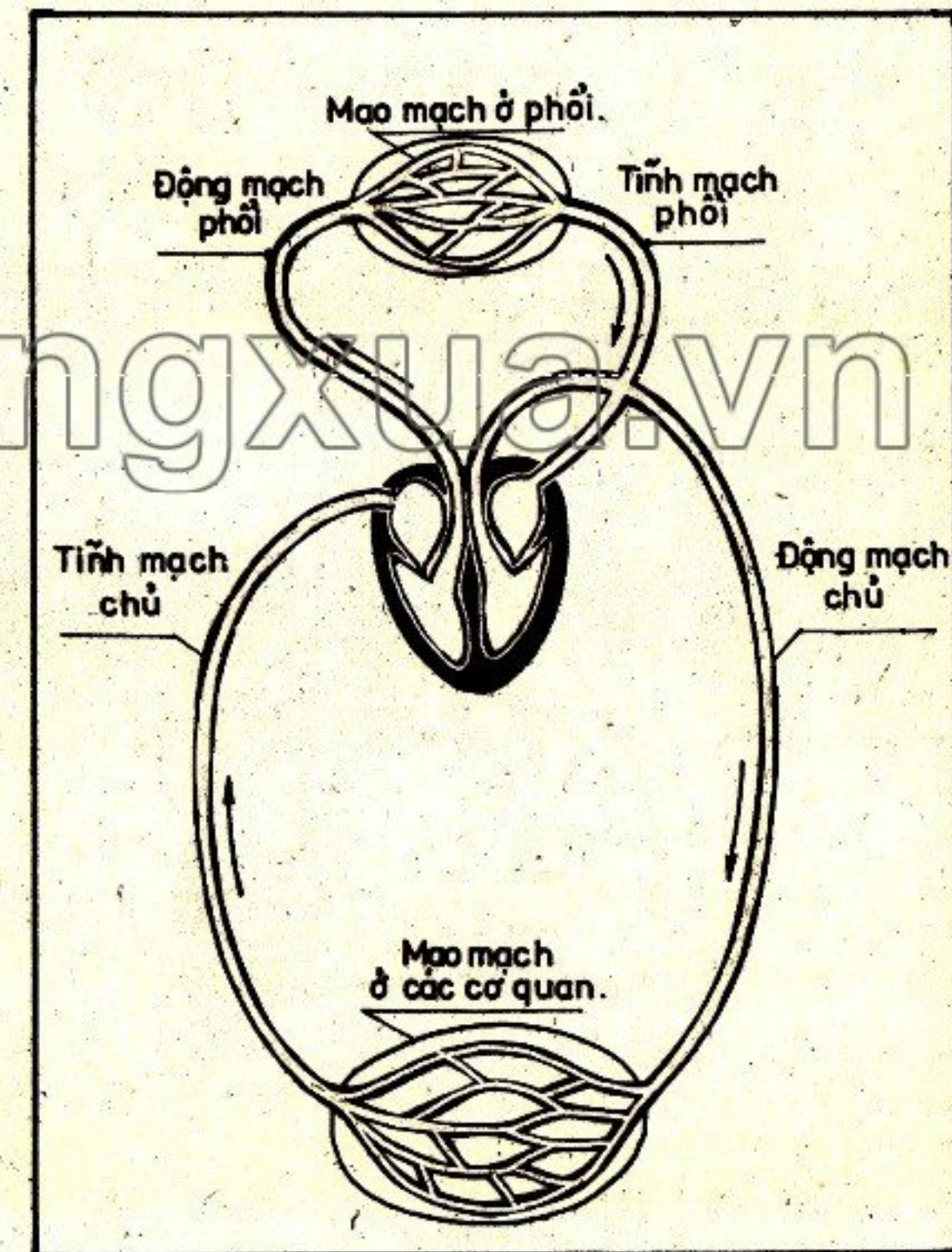
b) Đặt mấy đầu ngón tay lên cổ tay mình hoặc bạn (phía dưới ngón cái) đếm số mạch đập trong 1 phút.

2. Chỉ đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ ở hình 81.



Hình 80. Sơ đồ các cơ quan tuần hoàn.

Máu là một chất lỏng, màu đỏ gồm có huyết tương và huyết cầu. Nhờ có tim và các mạch máu mà máu không ngừng lưu thông trong cơ thể.



Hình 81. Sơ đồ vòng tuần hoàn lớn và vòng tuần hoàn nhỏ.

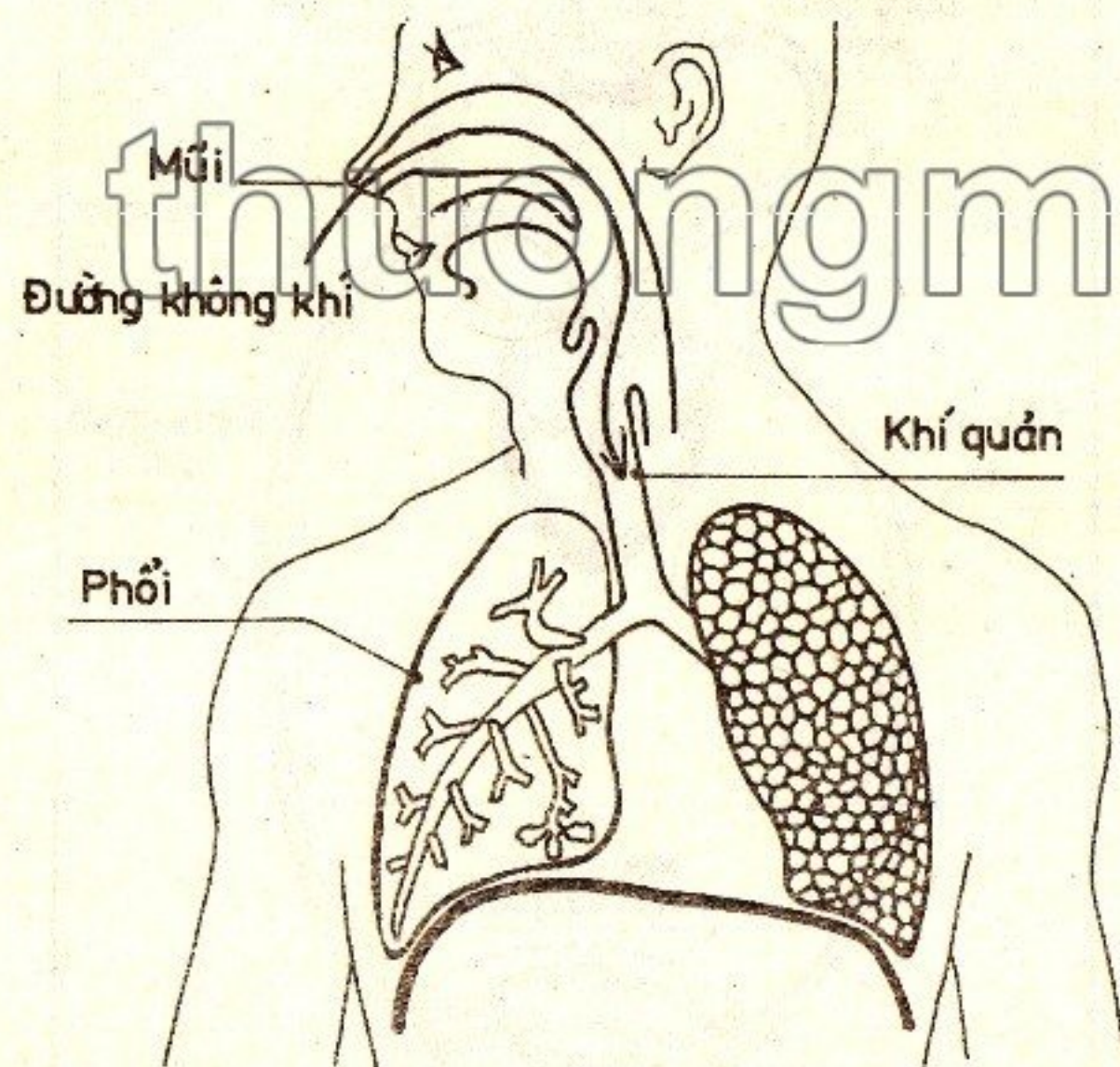
Tim luôn co bóp đẩy máu vào hai vòng tuần hoàn.

Vòng tuần hoàn lớn mang máu đỏ từ phía bên trái quả tim đi cung cấp chất bổ và khí ô-xy cho cơ thể, nhận chất cặn bã và khí các-bô-níc, làm máu đỏ thành máu đen. Máu đen được đưa trở về bên phải quả tim.

Vòng tuần hoàn nhỏ mang máu đen từ bên phải quả tim lên phổi thải ra khí các-bô-níc và hơi nước, nhận khí ô-xy làm máu đen thành đỏ trở về bên trái quả tim để tiếp tục theo vòng tuần hoàn lớn đi nuôi cơ thể...

Ta nên vận động luôn cho máu chảy điều hòa. Không nên thức khuya và làm việc quá sức làm tim mệt mỏi.

Bài 47. CÁC CƠ QUAN HÔ HẤP



Hình 82. Sơ đồ các cơ quan hô hấp.

- Chỉ trên hình 82 đường đi của không khí từ bên ngoài vào phổi và từ trong phổi ra.

- Tại sao ta nên thở bằng mũi, không nên thở bằng miệng? (Vì trong mũi có những mạch máu làm không khí ấm trước khi vào phổi, và có lông mũi cản bụi).

Sự thở hít khí trời gọi là sự hô hấp.

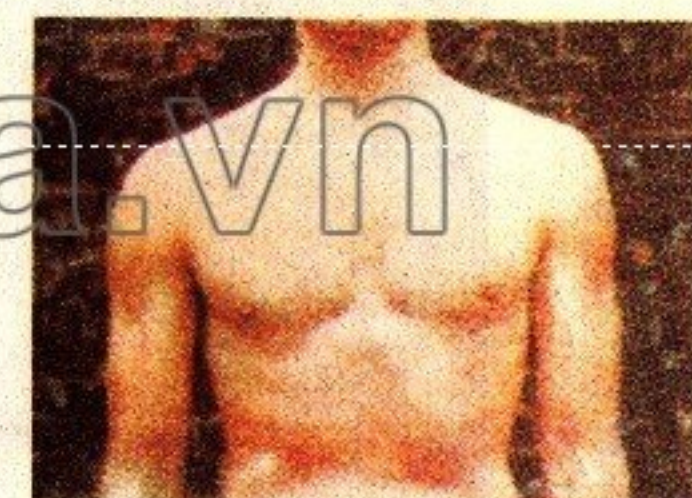
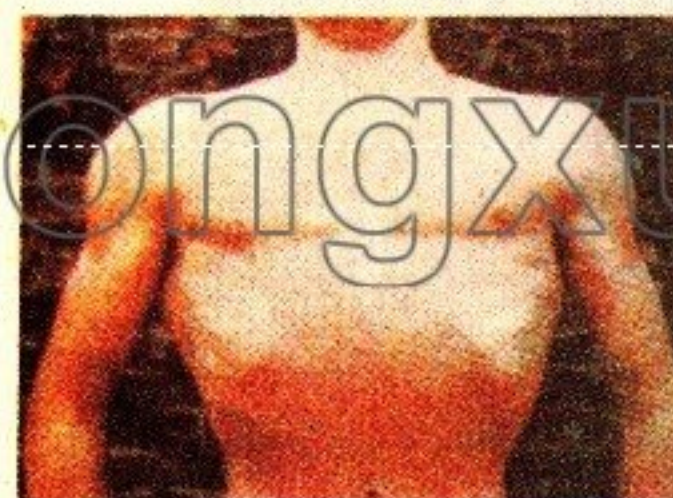
Các cơ quan hô hấp gồm: mũi, hầu, khí quản và hai lá phổi.

Ta nên thở bằng mũi, không nên thở bằng miệng.

Bài 48. HOẠT ĐỘNG HÔ HẤP

1. Cử động hô hấp

Khi ta thở, ngực phồng lên dẹt xuống đều đều, đó là cử động hô hấp. Cử động này do bắp thịt ở ngực co dãn tạo thành hai việc: hít vào và thở ra.



Hình 83. Lồng ngực khi hít vào. Hình 84. Lồng ngực khi thở ra thật sâu.

- Nhận xét lồng ngực của người ta khi hít vào và thở ra.

2. Sự trao đổi khí ở phổi

- Khi ta hít vào, không khí vào những túi con trong phổi, khí ô-xy thấm vào các mao mạch hòa tan trong máu. Đồng thời khí các-bô-níc trong máu vào túi phổi để ra ngoài lúc ta thở ra.

- Kết quả là máu đen biến thành máu đỏ, máu này theo tĩnh mạch phổi trở về bên phía trái của tim để đi nuôi cơ thể.

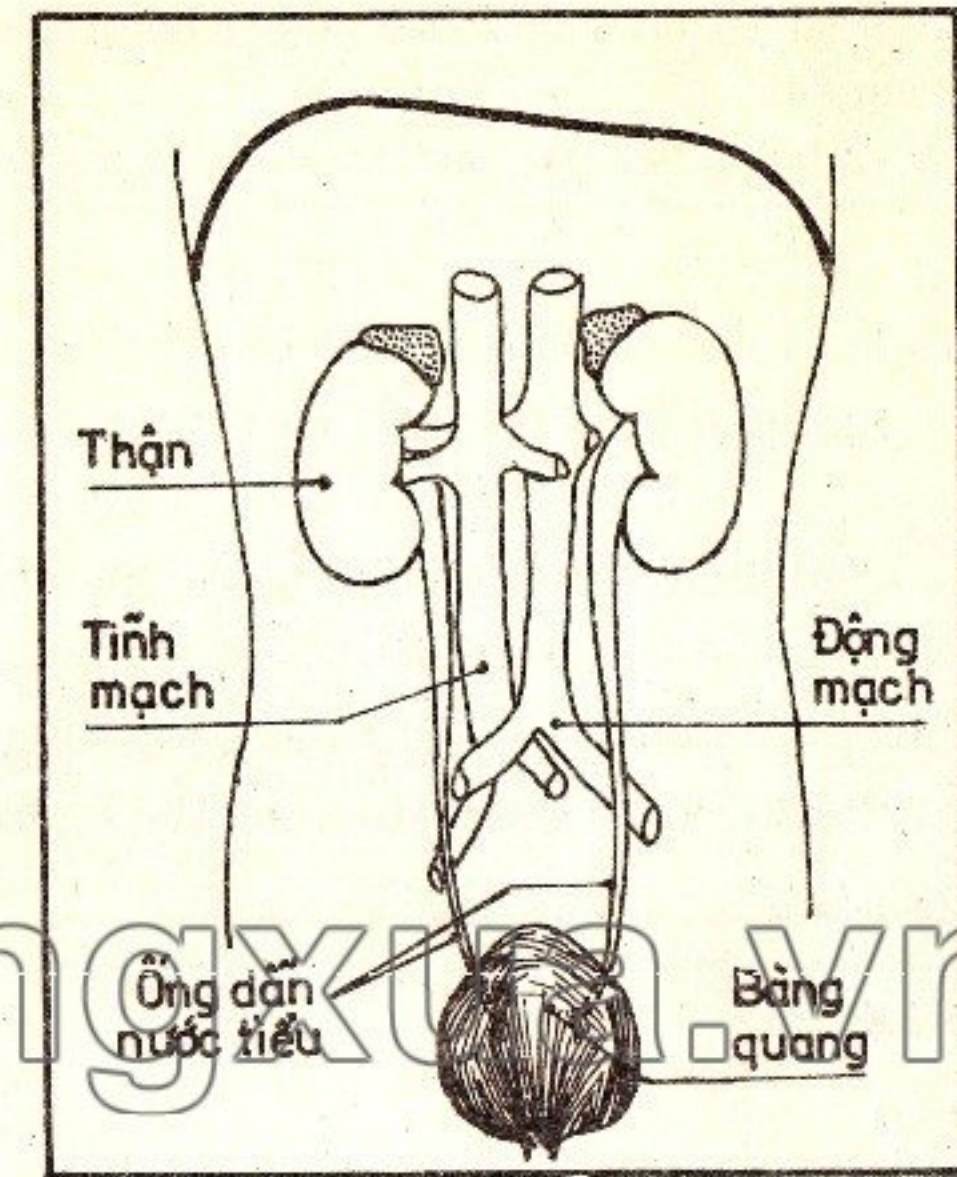


Hình 85: a) Máu chứa nhiều khí các-bô-níc.
b) Máu chứa nhiều ô-xy.

Hoạt động hô hấp là hít không khí vào phổi cho khí ô-xy vào máu và thở ra khí các-bô-níc và hơi nước; biến máu đen thành máu đỏ.

Ta cần thở không khí trong lành và tập thể dục cho phổi nở nang.

Bài 49. CÁC CƠ QUAN BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU HOẠT ĐỘNG BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU



Hình 86. Sơ đồ các cơ quan bài tiết nước tiểu.

- Các cơ quan bài tiết nước tiểu gồm có :

a) Hai quả thận: làm nhiệm vụ lọc máu, lấy ra những chất thừa gọi là nước tiểu.

Nước tiểu màu vàng nhạt, chứa muối và chất a-mô-ni-ắc nên có mùi khai.

b) Hai ống dẫn nước tiểu: làm nhiệm vụ dẫn nước tiểu từ thận xuống bàng quang.

c) Bàng quang (bóng đái): nơi trữ nước tiểu để đợi thải ra ngoài.

- Mỗi ngày người ta thải ra chừng 1 lít đến 1 lít rưỡi nước tiểu.

Các cơ quan bài tiết nước tiểu gồm hai quả thận, hai ống dẫn nước tiểu và bàng quang.

Thận lọc máu lấy nước tiểu, đưa xuống bàng quang để đợi thải ra ngoài.

Hàng ngày phải đi tiểu đều đặn, tránh bệnh sỏi thận.

Bài 50 - 51. ÔN TẬP MỘT SỐ CƠ QUAN TRONG CƠ THỂ NGƯỜI

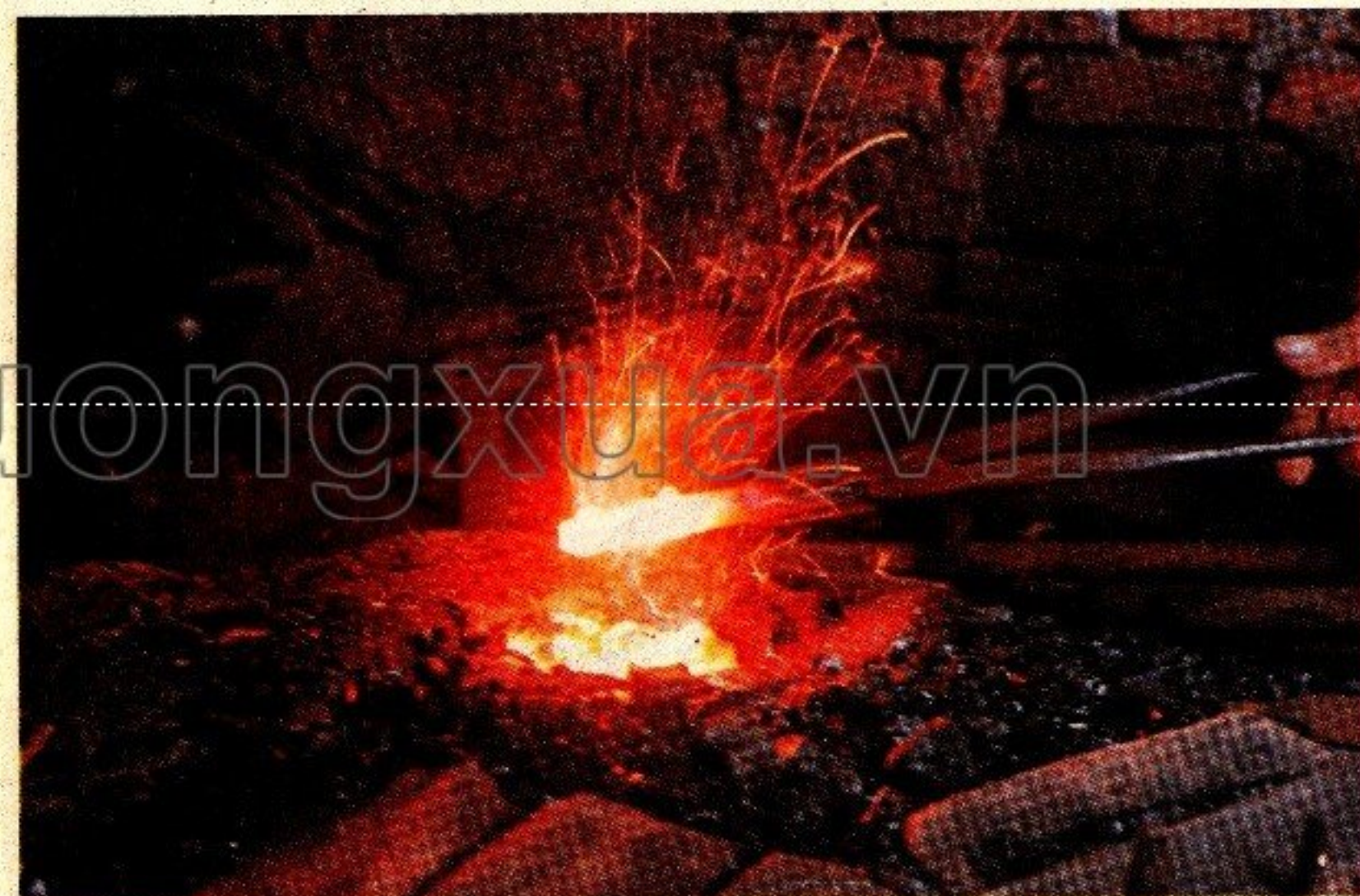
1. Kể tên các cơ quan trong cơ thể người mà em đã học.
2. Nêu nhiệm vụ của các cơ quan mà em đã học.
3. Điền những nội dung còn thiếu vào bảng tổng kết sau:
Bảng tổng kết: Một số cơ quan trong cơ thể người

	Tên các cơ quan		Hoạt động (nhiệm vụ)
1	Các giác quan	- Mắt - Mũi - Da - Tai - Lưỡi	
2	Vận động	- Xương - Cơ	
3	Tiêu hóa	- ... - ... - Các tuyến tiêu hóa: ...	
4		- Tim - Các mạch máu	
5		- Mũi - Khí quản - Hai lá phổi	
6	Bài tiết nước tiểu		

MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT

Bài 52. MẶT TRỜI LÀ NGUỒN SÁNG VÀ NGUỒN NHIỆT

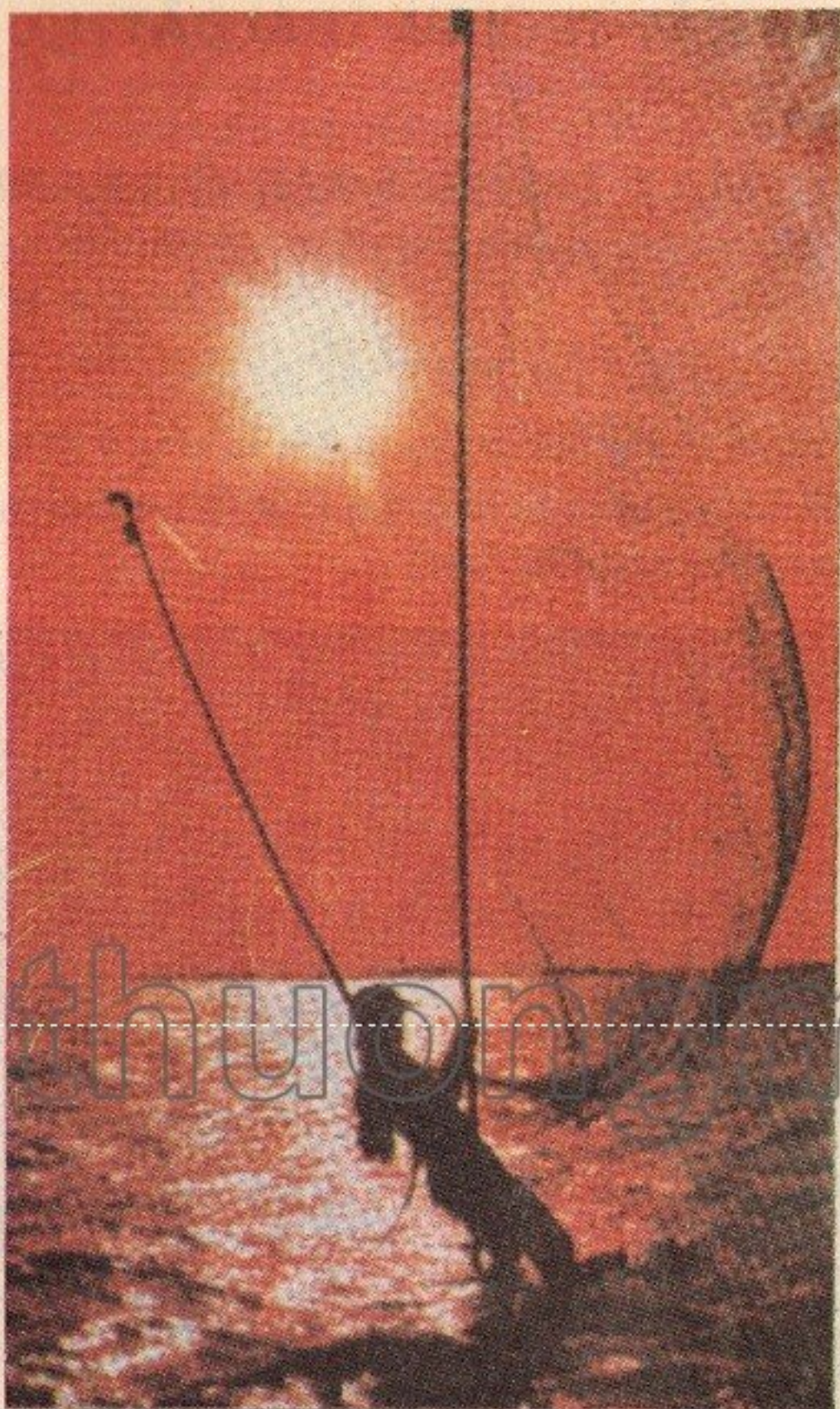
1. Em nhìn thấy Mặt Trời ở đâu? vào lúc nào?
2. Mặt Trời có những ảnh hưởng gì đến sự sống ở trên Trái Đất?
3. Em biết những vật nào cũng tỏa nhiệt làm nóng các vật khác và phát ra ánh sáng như Mặt Trời?



Hình 87. Than bị đốt cháy, thanh thép bị nung nóng đỏ đều là những vật phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.

Những vật phát ra ánh sáng, chiếu sáng các vật khác được gọi là *nguồn sáng*.

Những vật tỏa nhiệt, làm nóng các vật khác được gọi là *nguồn nhiệt*.



Hình 88. Mặt Trời phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.

Mặt Trời là một khối khổng lồ phát ra ánh sáng và tỏa nhiệt.
Mặt Trời là nguồn sáng và nguồn nhiệt.

Bài 53. MẶT TRỜI CHIẾU SÁNG VÀ LÀM NÓNG CÁC VẬT



Hình 89. Nhờ Mặt Trời chiếu sáng ta nhìn rõ cảnh vật ngoài trời.



Hình 90. Phơi nắng để làm khô hạt cà phê.



Hình 91. Đồng lúa và cây cò xanh tốt nhờ ánh nắng Mặt Trời.

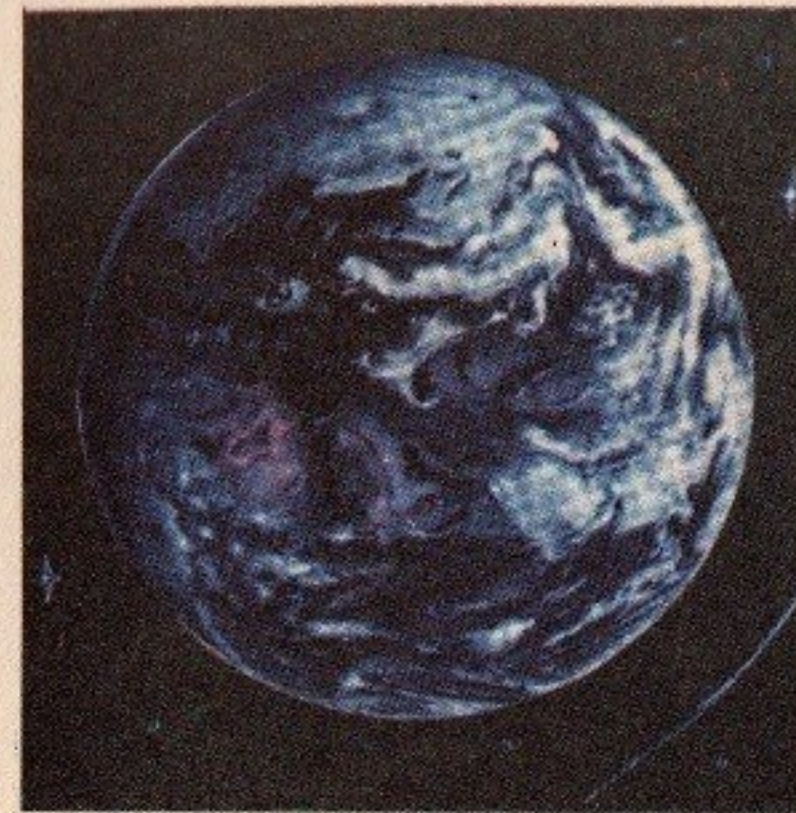
- Mặt Trời chiếu sáng và tỏa nhiệt làm cho cây cò xanh tươi, người và động vật khỏe mạnh.
- Mặt Trời rất cần cho cuộc sống.

Bài 54. TRÁI ĐẤT HÌNH CẦU - TRÁI ĐẤT CHUYỂN ĐỘNG

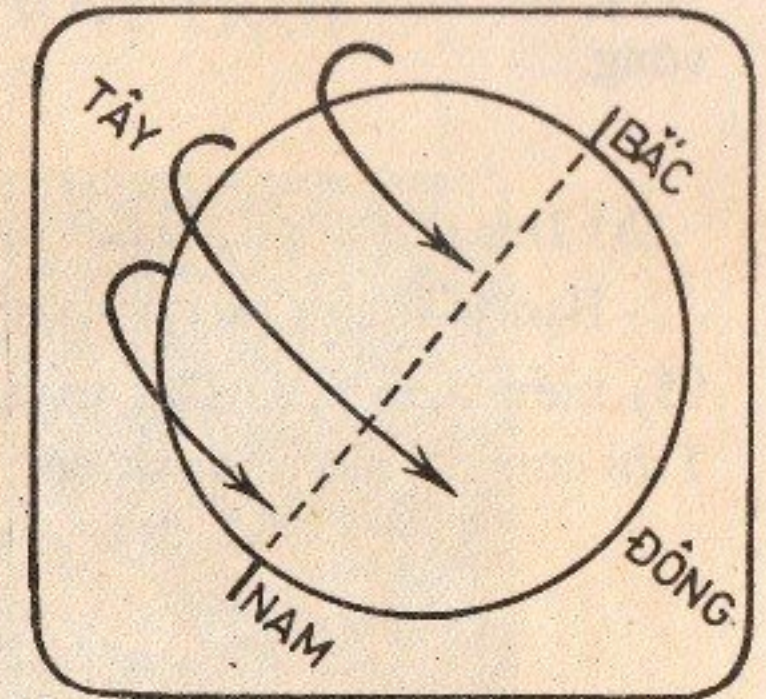
1. Trái Đất hình cầu

- Nhìn vào ảnh em thấy Trái Đất có hình gì?

Trên thực tế Trái Đất có hình cầu.



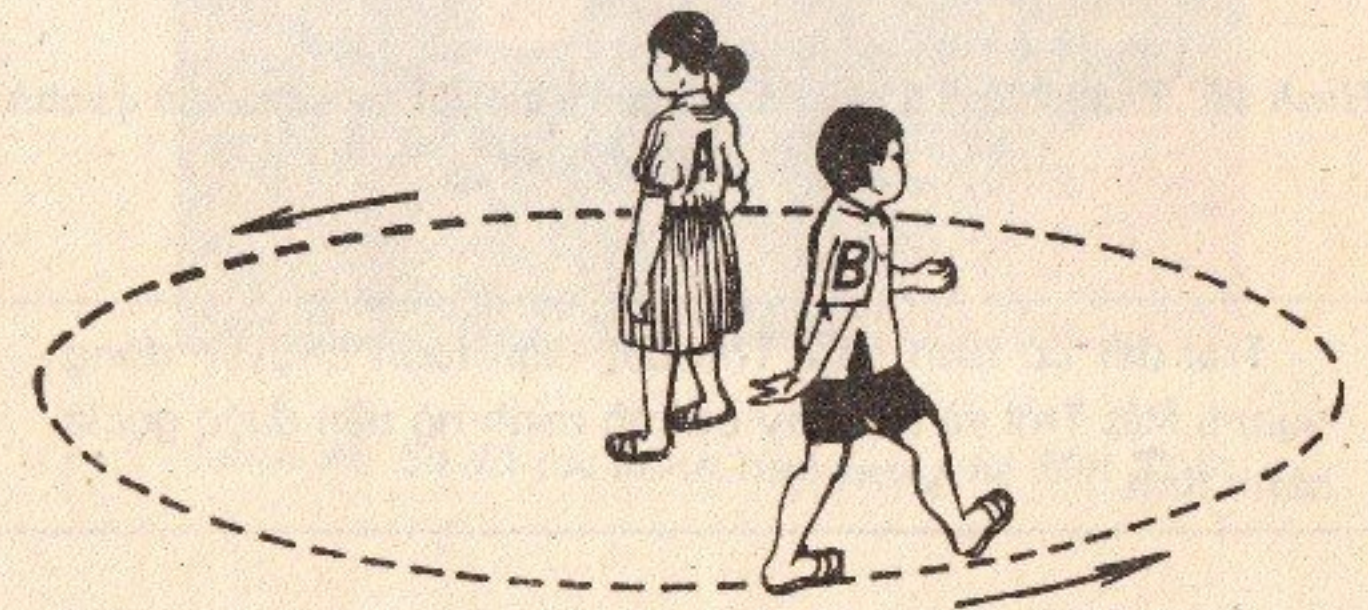
Hình 92. Ảnh chụp Trái Đất từ tàu vũ trụ.



Hình 93. Sơ đồ Trái Đất quay.

a) Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.

Thực hành biểu diễn Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời (hình 94).



Hình 94. Thực hành Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.

- Bạn A đứng giữa làm Mặt Trời.
- Vòng tròn chỉ đường chuyển động của Trái Đất.

- Bạn B làm Trái Đất, đi chậm trên vòng tròn. Đi hết một vòng chỉ Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời một vòng.

b) Trái Đất tự quay quanh mình nó

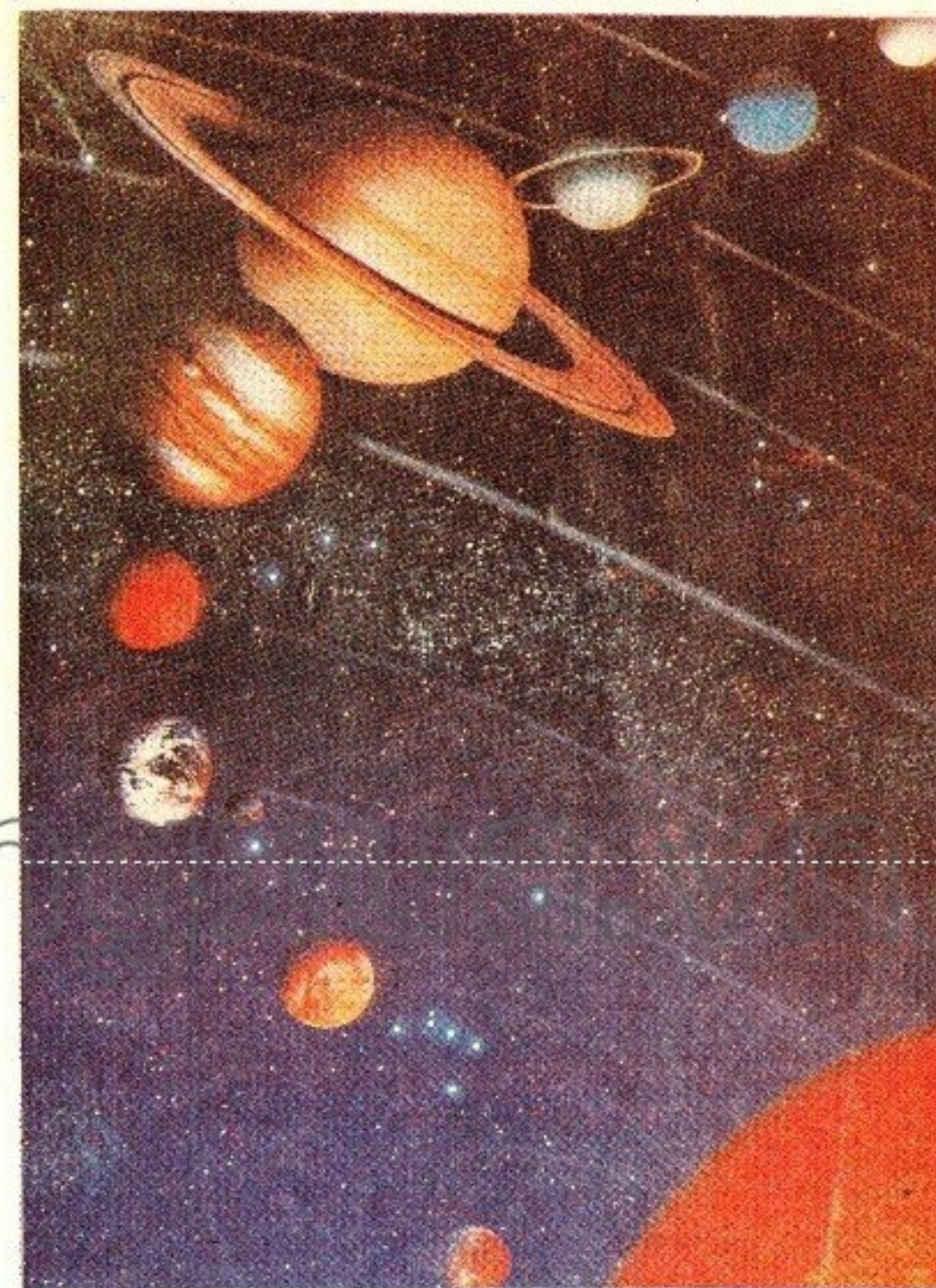
- Bạn B vừa đi theo vòng tròn vừa quay quanh mình (hình 95) biểu diễn Trái Đất trong khi chuyển động quanh Mặt Trời cũng tự quay quanh nó.



Hình 95. Thực hành Trái Đất tự quay quanh mình nó và quanh Mặt Trời.

Trái đất có hình cầu. Trái đất luôn luôn chuyển động quanh Mặt Trời và tự quay quanh mình nó nên được gọi là hành tinh.

Bài 55. TRÁI ĐẤT LÀ MỘT HÀNH TINH TRONG HỆ MẶT TRỜI



Hình 96. Sơ đồ các hành tinh trong hệ Mặt Trời.

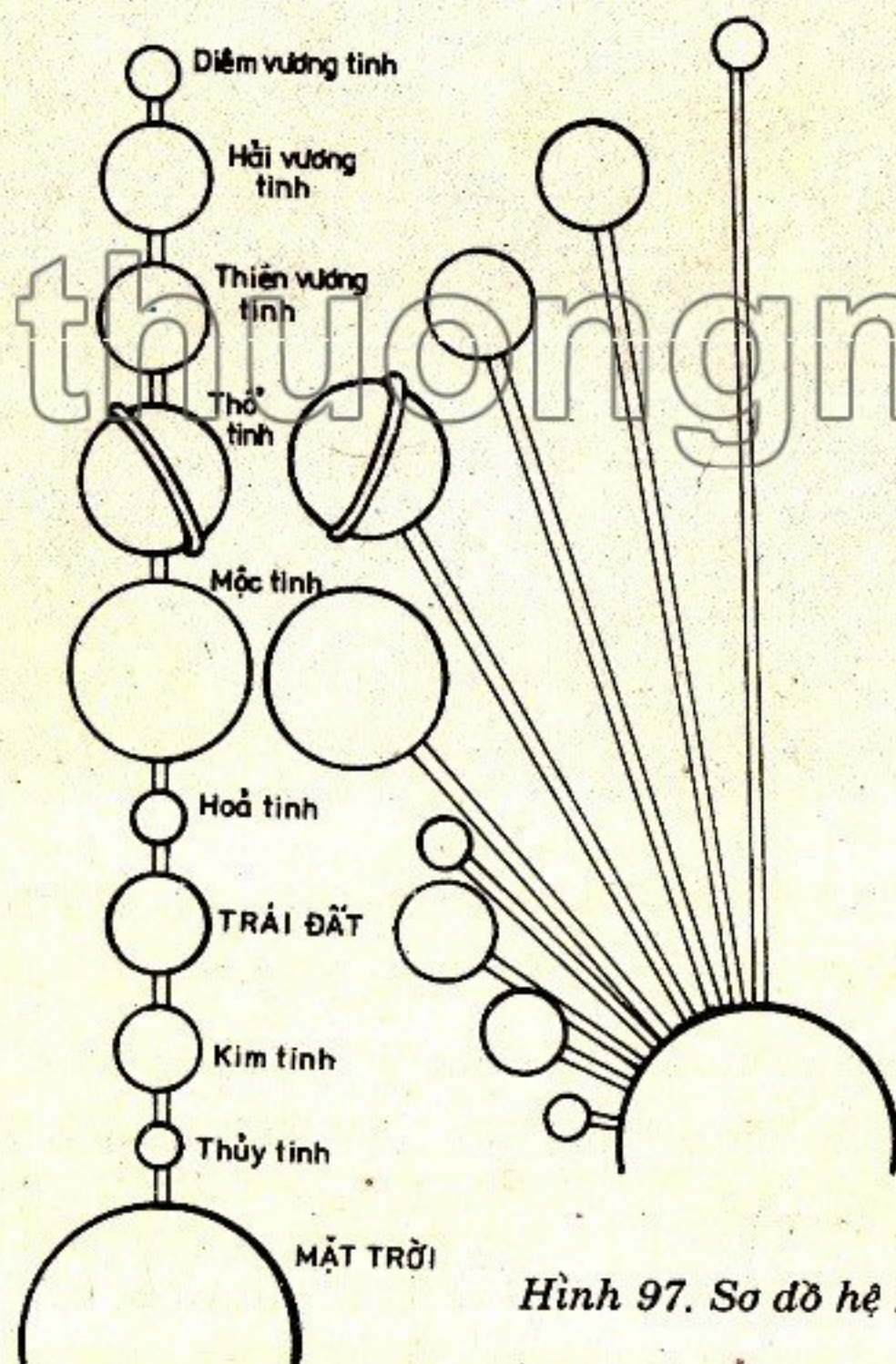
(Lần lượt từ dưới lên: Mặt Trời, Thủy Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hỏa Tinh, Mộc Tinh, Thổ Tinh, Thiên Vương Tinh, Diêm Vương Tinh).

- Chỉ trên hình 96 vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

Hệ Mặt Trời gồm có Mặt Trời và 9 hành tinh chuyển động xung quanh nó. Những hành tinh này khác nhau về kích thước, nhiệt độ và khoảng cách đến Mặt Trời. Trái Đất là một hành tinh trong hệ Mặt Trời.

Bài 56. THỰC HÀNH TẠO MỘT HỆ MẶT TRỜI

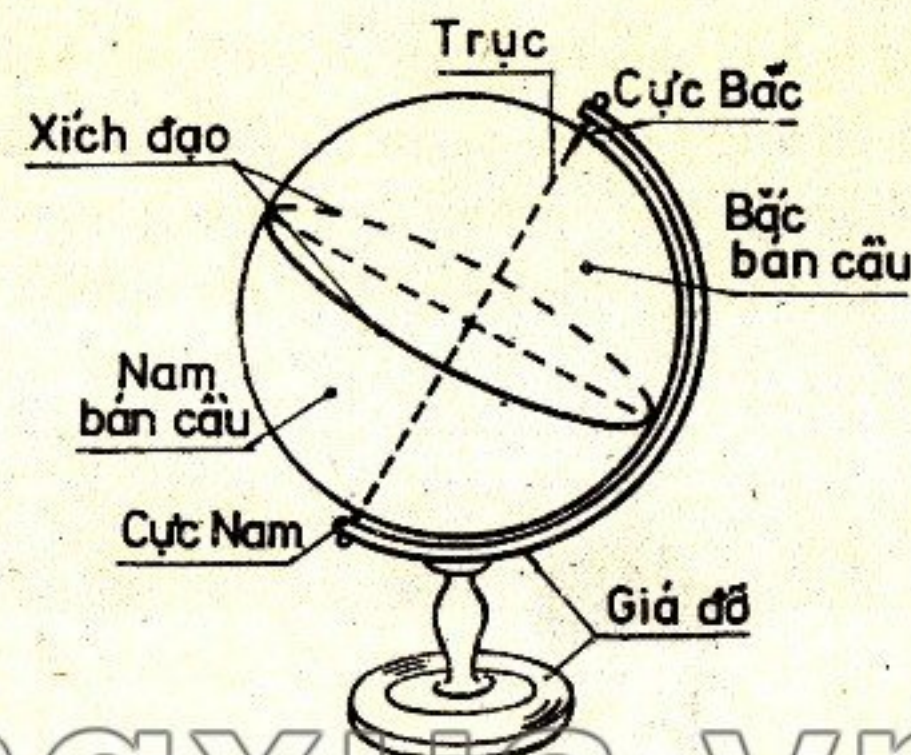
- Phân chia lớp học thành từng nhóm, mỗi nhóm có thể vẽ hay cắt dán để tạo ra một hệ Mặt Trời theo hình 97 dưới đây.



Hình 97. Sơ đồ hệ Mặt Trời.

- Lưu ý về kích thước và khoảng cách từ mỗi hành tinh đến Mặt Trời chỉ là hợp lý tương đối.

Bài 57. QUẢ ĐỊA CẦU - MÔ HÌNH THU NHỎ CỦA TRÁI ĐẤT



Hình 98. Sơ đồ quả Địa cầu.

- Quả Địa cầu được đặt trên một giá đỡ có trục xuyên qua. Điểm tiếp xúc giữa trục và mặt cầu gọi là *Địa cực*, phía trên là *cực Bắc*, phía dưới là *cực Nam*.

- Đường tròn lớn nhất cách đều hai cực gọi là *xích đạo*. Xích đạo chia quả cầu thành hai phần bằng nhau: *Bắc bán cầu* và *Nam bán cầu*.

- Trục quả Địa cầu được làm hơi nghiêng vì trong thực tế khi quay Trái Đất cũng hơi nghiêng. Độ nghiêng của quả Địa cầu được làm giống độ nghiêng của Trái Đất.

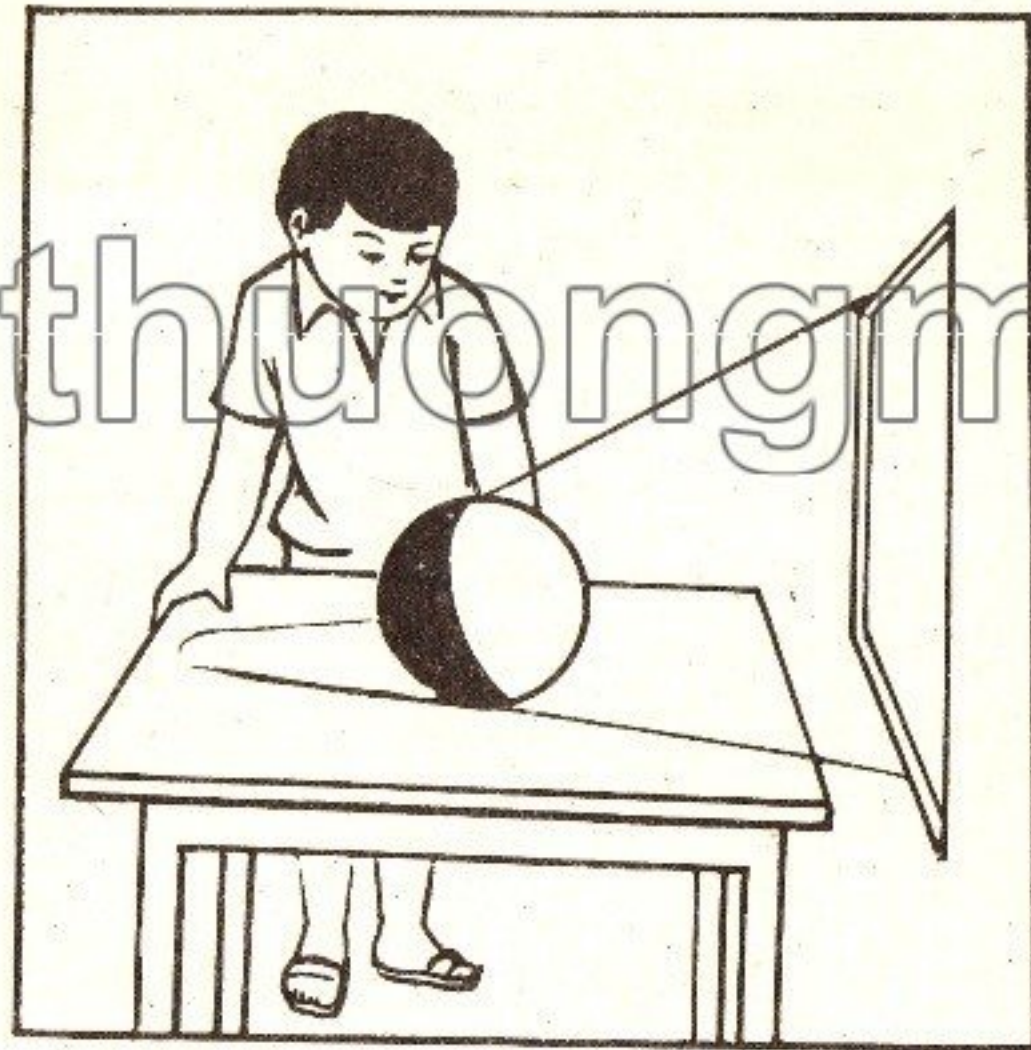
- Hãy chỉ: cực Bắc, cực Nam, xích đạo, Bắc bán cầu và Nam bán cầu trên quả địa cầu.

Quả Địa cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất.

Bài 58. NGÀY VÀ ĐÊM TRÊN TRÁI ĐẤT

1. Thực hành biểu diễn ngày và đêm

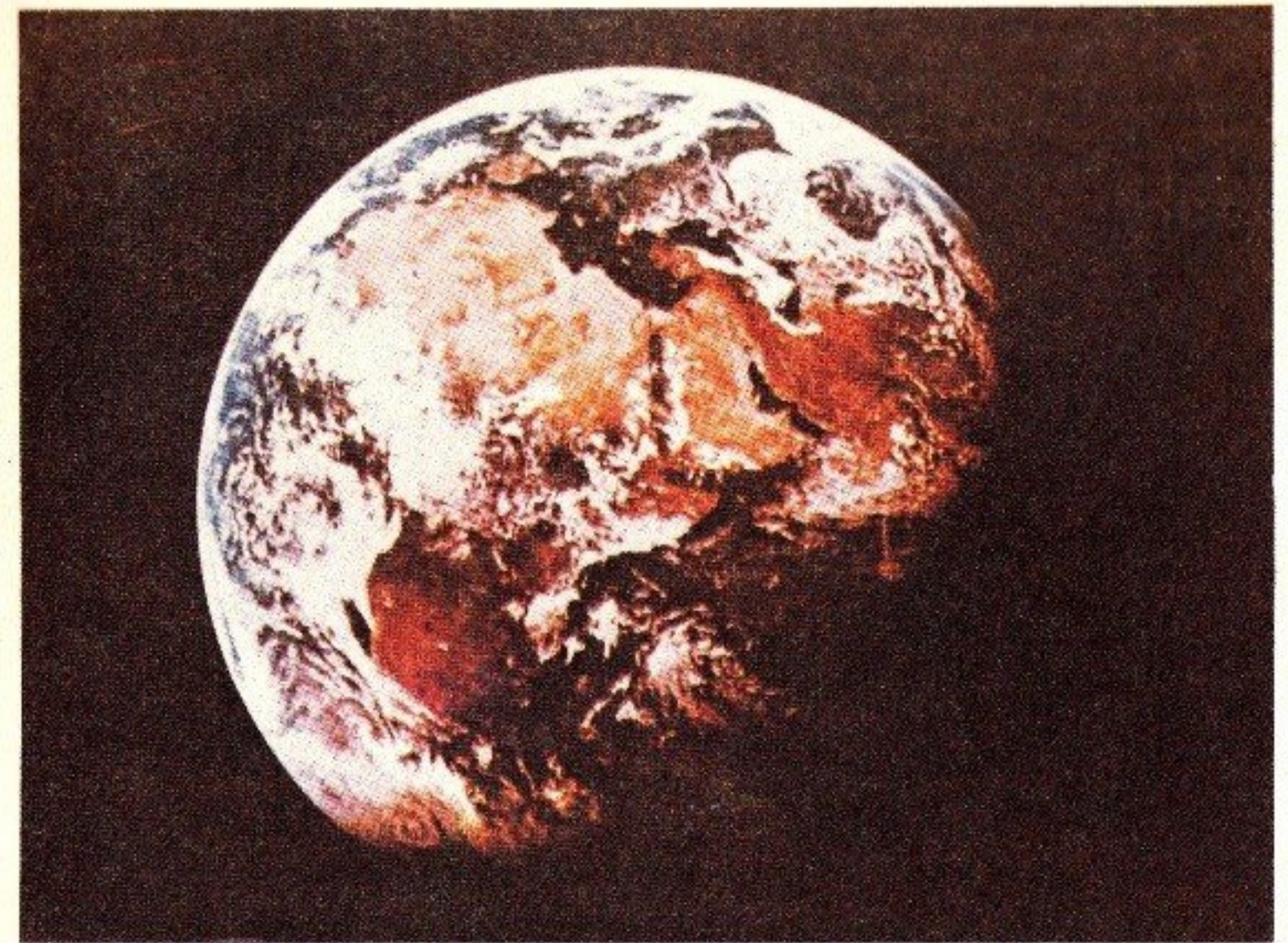
- Dùng quả bóng tượng trưng cho Trái Đất. Đặt quả bóng trên bàn bên cửa sổ, có ánh sáng chiếu vào như hình 99.
- Phần quả bóng được chiếu sáng chỉ *ban ngày*. Phần còn lại tối chỉ *ban đêm*.
- Em đứng trước quả bóng, quay cho nó chuyển động từ trái sang phải của em (theo hướng quay của Trái Đất). Các phần của quả bóng đều lần lượt hướng về phía ánh sáng rồi lại ở trong bóng tối thể hiện ngày và đêm kế tiếp nhau.



Hình 99. Biểu diễn ngày và đêm.

- Hiện tượng ngày và đêm trên Trái Đất kế tiếp nhau cũng tương tự như thí nghiệm em vừa làm.

2. Ngày và đêm trên Trái Đất



Hình 100. Phần Trái Đất đang hướng về Mặt Trời được chiếu sáng, phần còn lại bị tối.

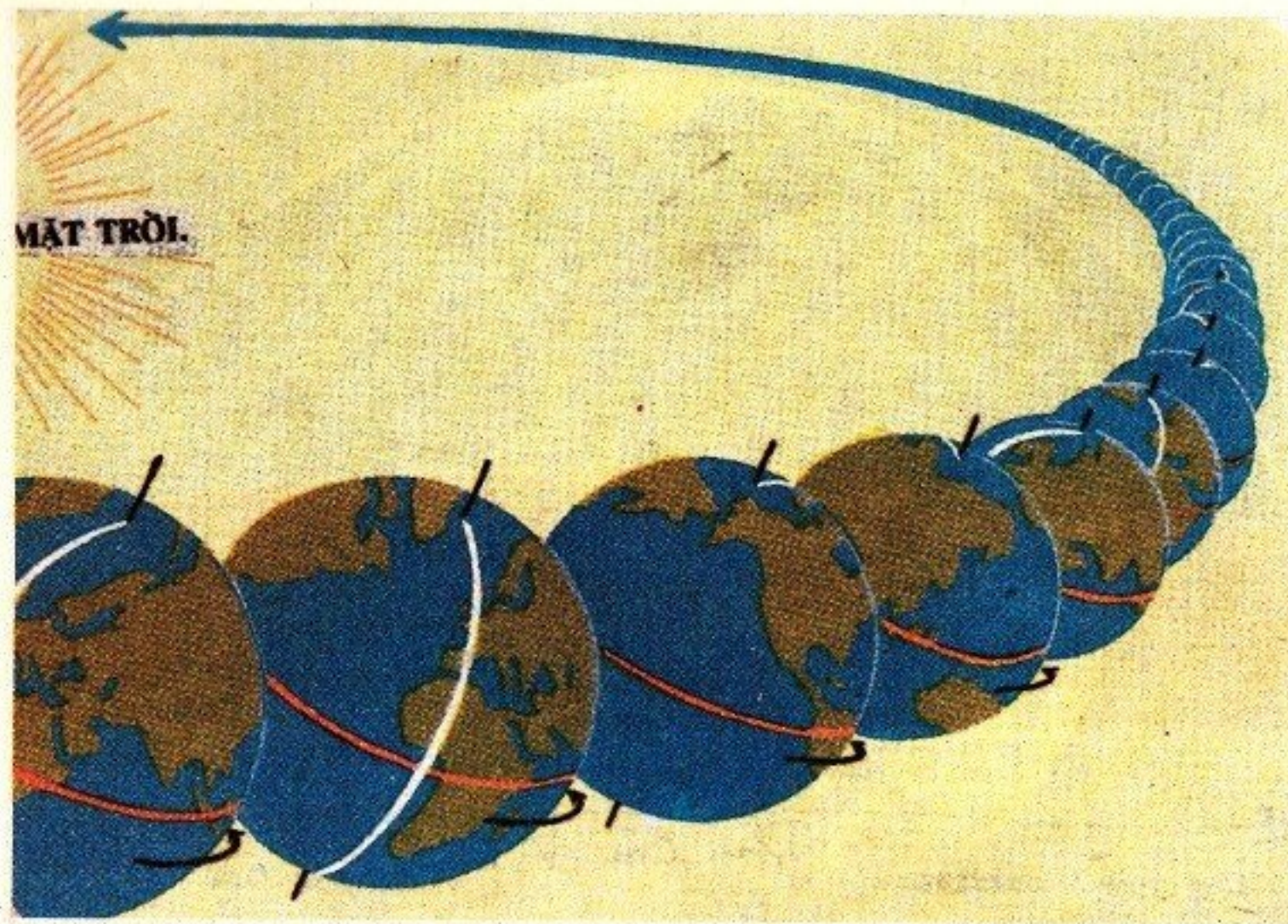
Phần Trái Đất được Mặt Trời chiếu sáng là ban ngày, phần còn lại bị tối là ban đêm.

Do Trái Đất tự quay nên ngày đêm kế tiếp tiếp nhau không ngừng trên Trái Đất.

Thời gian để Trái Đất quay tròn một vòng quanh mình nó là một ngày. Mỗi ngày có 24 giờ.

Bài 59. NĂM - THÁNG, BỐN MÙA

Thời gian để Trái Đất chuyển động tròn một vòng quanh Mặt Trời là một năm. Một năm thường có 365 ngày và có 12 tháng.



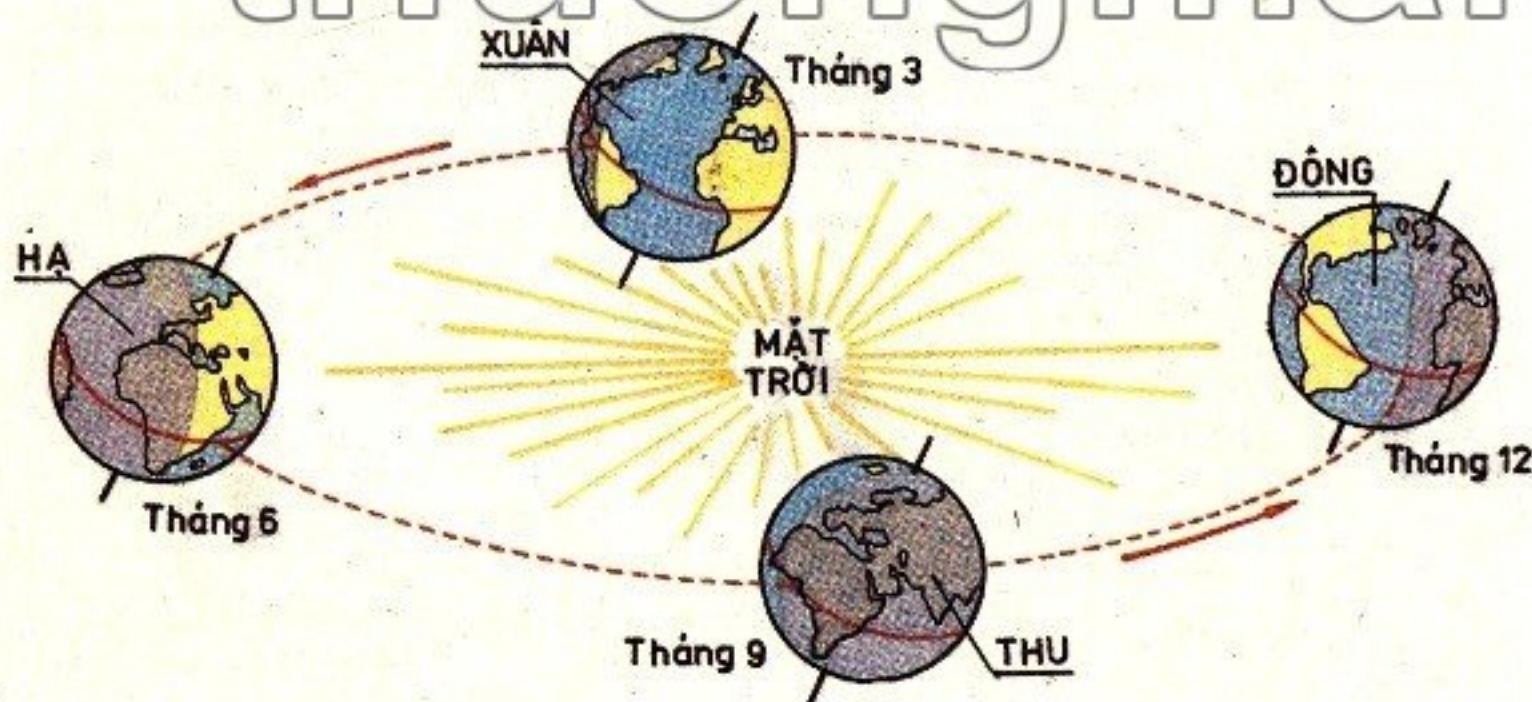
Hình 101. Sơ đồ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.

Trong khi chuyển động, Trái Đất luôn nghiêng về một phía. Trong khoảng một năm, có hai thời gian Bắc bán cầu và Nam bán cầu cách xa Mặt Trời không đều nhau (tháng 6 và tháng 12).

Khi *Bắc bán cầu* được chiếu sáng nhiều hơn và nhận được nhiều nhiệt hơn là *mùa hạ*, còn Nam bán cầu là mùa đông (tháng 6). Ngược lại khi Nam bán cầu được chiếu sáng nhiều hơn là mùa hạ, thì *Bắc bán cầu* là *mùa đông* (tháng 12).

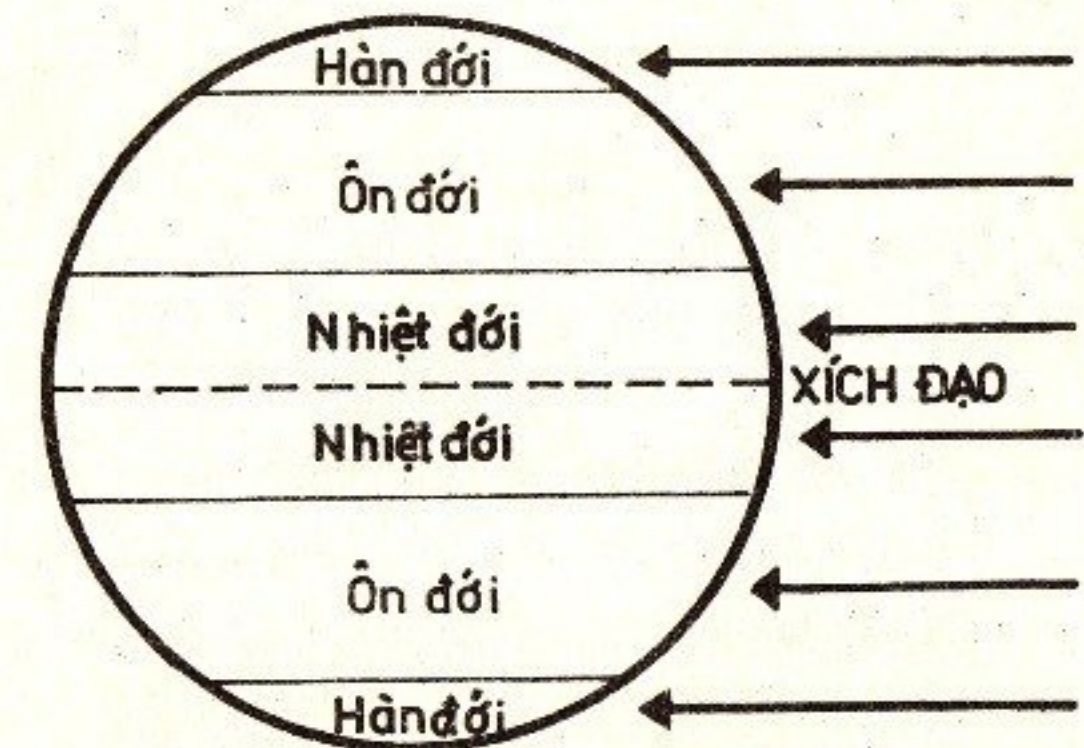
- Thời gian chuyển giữa hạ sang đông là *mùa thu*. Giữa đông sang hạ là *mùa xuân*.

Trái Đất không ngừng chuyển động quanh Mặt Trời. Thời gian để Trái Đất chuyển động trọn một vòng quanh Mặt Trời là một năm (một năm thường có 365 ngày). Một năm có 12 tháng và có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.



Hình 102. Sơ đồ một số vị trí của Trái Đất trong khi chuyển động quanh Mặt Trời.

Bài 60. CÁC MIỀN KHÍ HẬU



Hình 103. Các đới khí hậu trên Trái Đất.

Không phải ở nơi nào trên Trái Đất cũng có 4 mùa rõ rệt. Những miền ở gần xích đạo thì nóng quanh năm. Càng xa xích đạo về phía trên hay phía dưới càng lạnh dần. Người ta chia mỗi bán cầu ra nhiều đới khác nhau. Từ xích đạo đến Bắc cực hay Nam cực có các đới sau: nhiệt đới, ôn đới, hàn đới.

1. Nhiệt đới

Những miền ở gần hai bên đường xích đạo nóng nhất. (Việt Nam ở miền nhiệt đới của Bắc bán cầu).

2. Ôn đới

Những miền này có khí hậu ôn hòa, đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

3. Hàn đới

Những miền ở xa xích đạo nhất, lạnh buốt, quanh năm nước đóng thành băng.

Xích đạo chia địa cầu thành Bắc bán cầu và Nam bán cầu. Những miền càng ở gần xích đạo thì càng nóng, càng xa xích đạo thì càng lạnh. Mỗi bán cầu có nhiệt đới, ôn đới và hàn đới.

Bài 61. BỀ MẶT TRÁI ĐẤT (LỤC ĐỊA VÀ ĐẠI DƯƠNG)

Bề mặt Trái Đất có chỗ nhô cao, có chỗ trũng sâu. Khoảng đất cao, rộng mênh mông là *lục địa*. Chỗ trũng sâu chứa nước mặn chiếm phần lớn bề mặt Trái Đất là *đại dương*.

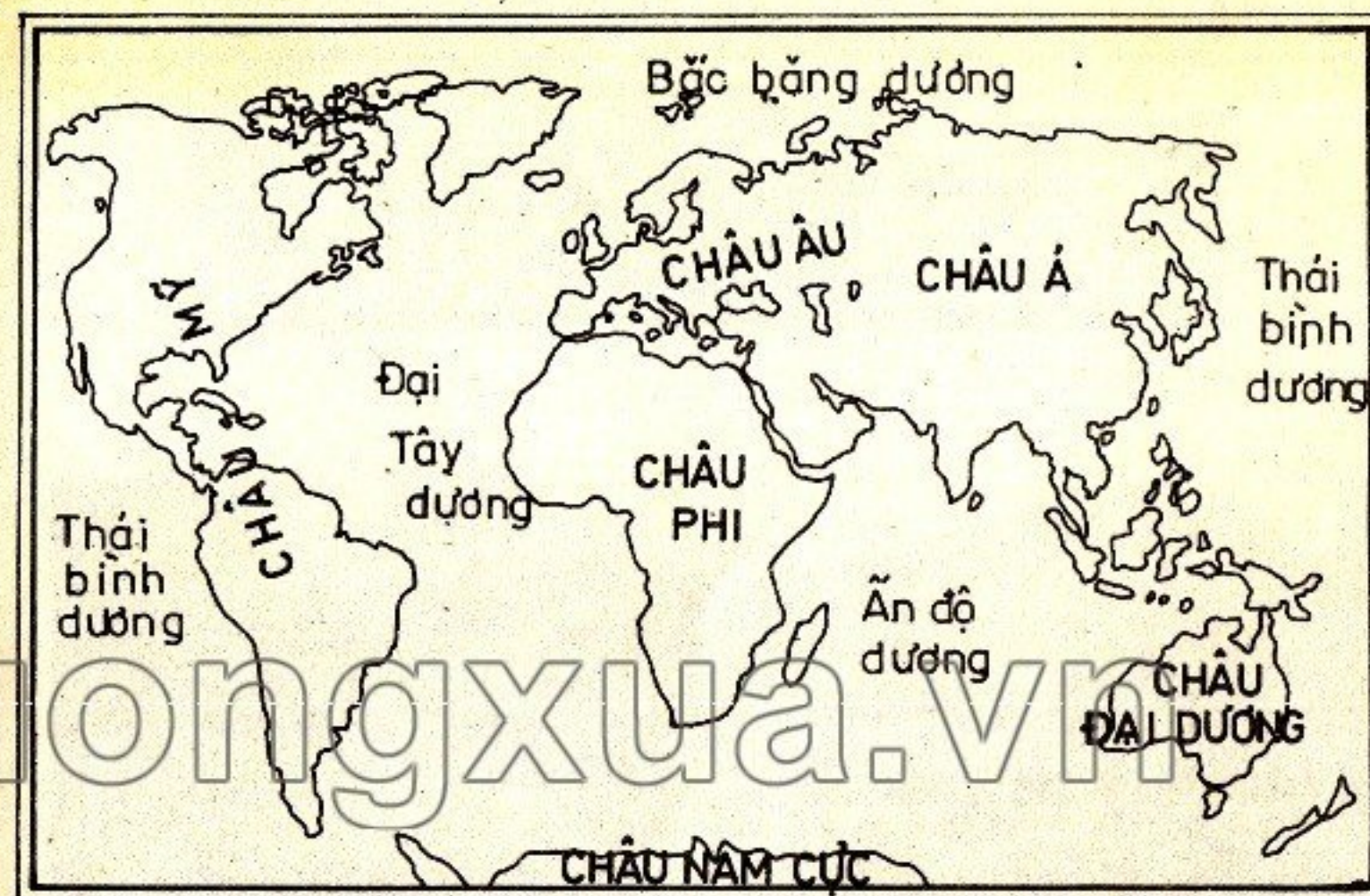
1. Lục địa

Lục địa được chia thành 6 châu: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mĩ, châu Đại dương và châu Nam cực.

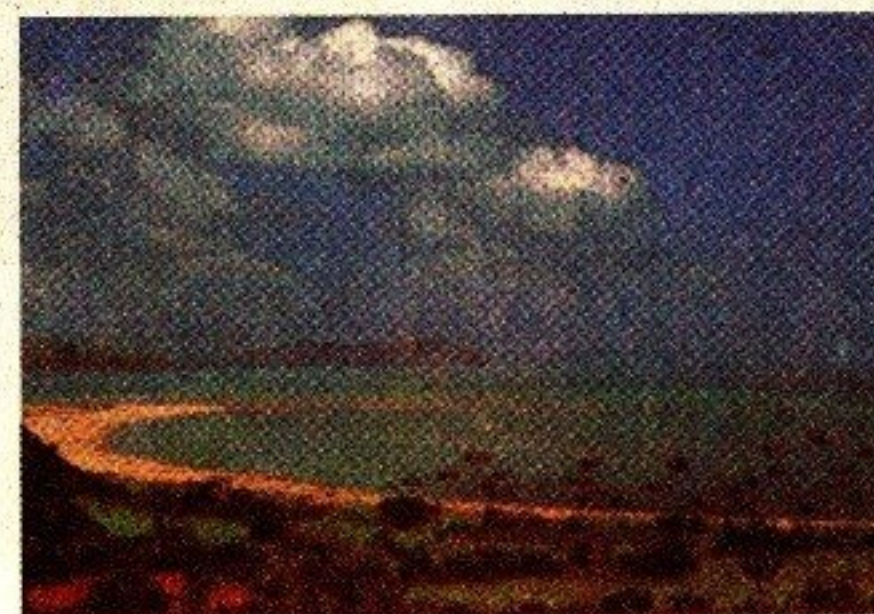
2. Đại dương

Có 4 đại dương: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

Phần đại dương, thường ở gần lục địa gọi là biển. Nơi tiếp giáp giữa biển và lục địa là bờ biển.



Hình 104. Lược đồ các châu và các đại dương.

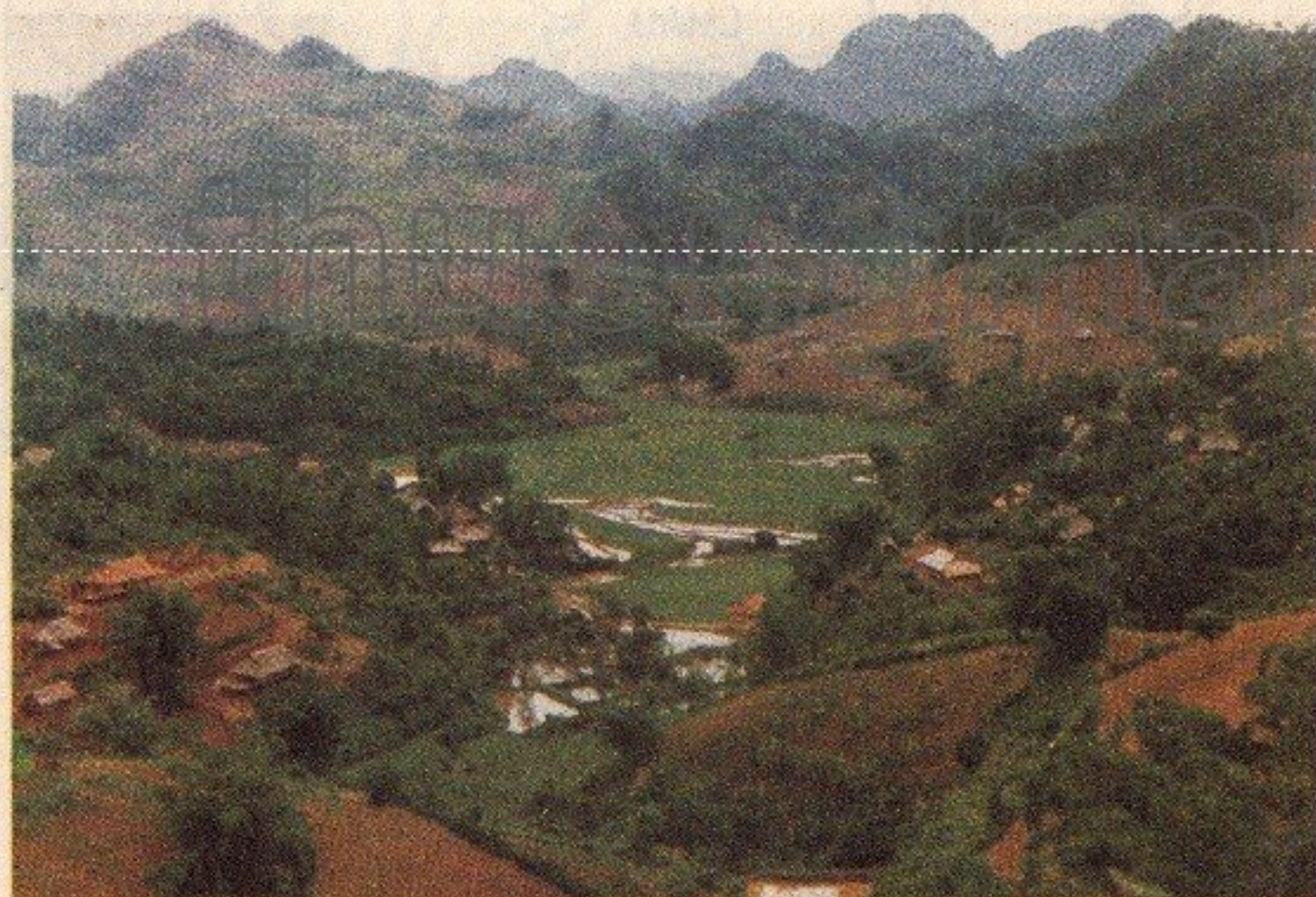


Hình 105. Bờ biển Phú Yên.

Phần lớn bề mặt Trái Đất có nước bao phủ, gọi là đại dương. Có 4 đại dương là Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương. Phần còn lại là mặt đất gọi là lục địa. Lục địa được chia thành 6 châu: Á, Âu, Mĩ, Phi, châu Đại dương và châu Nam cực.

Bài 62. BỀ MẶT LỤC ĐỊA

Bề mặt lục địa có chỗ nhô cao, có chỗ trũng sâu, có chỗ bằng phẳng.



Hình 106. Dãy núi và thung lũng (Hoàng Liên Sơn).

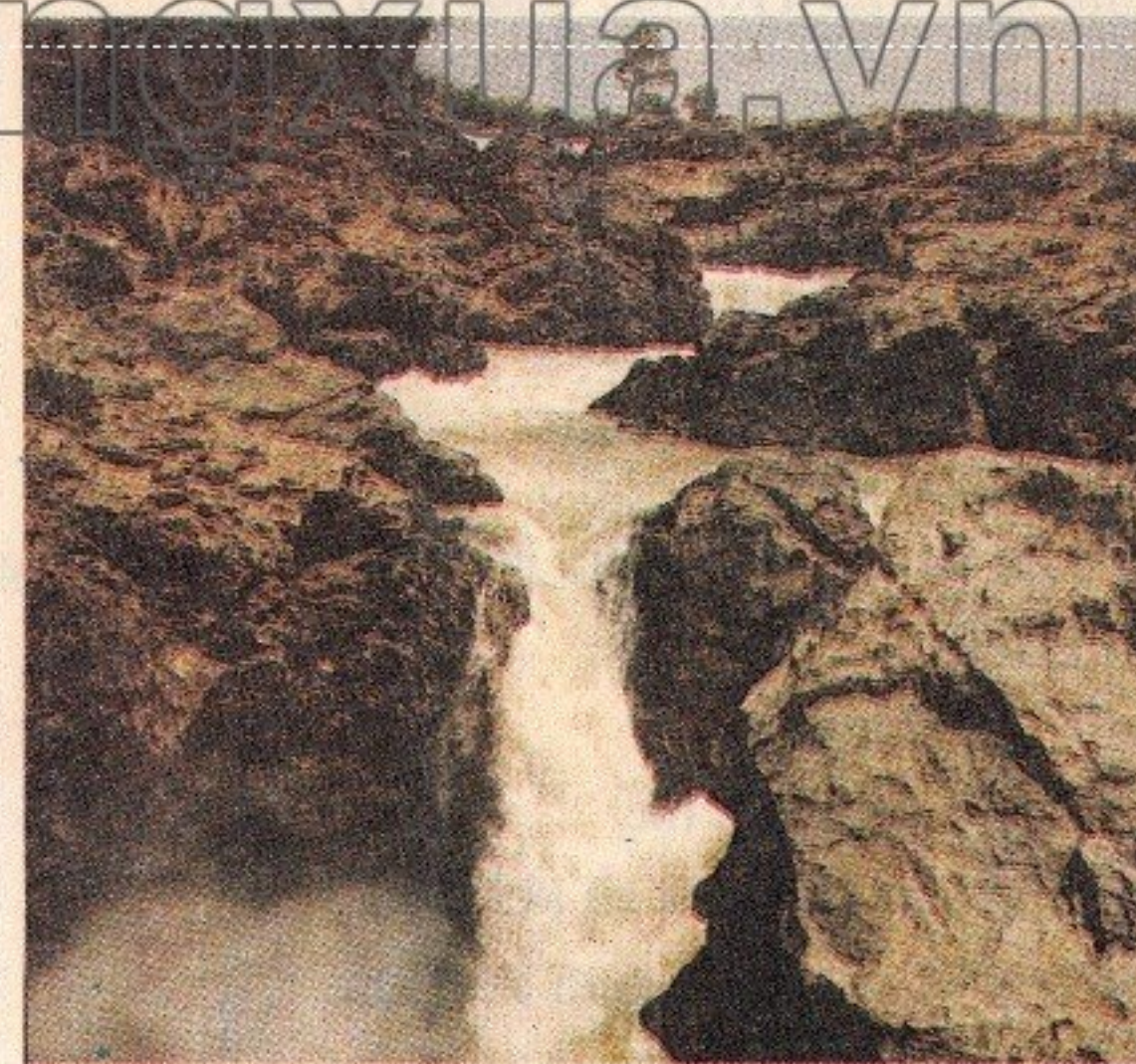
- Chỗ nhô cao gồ ghề, thể hiện rõ đỉnh, sườn, chân gọi là *núi*. Nhiều núi đứng liền nhau gọi là *dãy núi*. Khoảng đất thấp giữa các núi có dòng nước chảy gọi là *thung lũng*.

Nơi tập trung nhiều dãy núi gọi là *miền núi*.



Hình 107. Đồng bằng (Hà Bắc).

- Nơi đất thấp bằng phẳng, rộng mênh mông là *đồng bằng*. Miền đất tương đối bằng phẳng, cao hơn đồng bằng gọi là *cao nguyên*.



Hình 108. Suối.

- Nước theo những khe trũng chảy ra thành suối, sông ngòi rồi chảy ra biển hay tụ thành những hồ, ao, đầm.
- Nơi em ở thuộc miền đất nào?

Bề mặt lục địa có nơi là núi, có nơi là đồng bằng, có nơi là cao nguyên, nơi nước chảy thành dòng là suối, sông, nơi nước đọng lại là ao, hồ...

Bài 63 - 64. ÔN TẬP MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT

1. Hãy điền chữ Đ (đúng), chữ S (sai) vào các ô sau theo ý kiến của em

Em nhìn thấy Mặt Trời vào	{	ban ngày	☐
		ban đêm	☐
		lúc trời mưa	☐
		lúc trời nắng	☐
		lúc trời đầy mây	☐

2. Viết tên các vật:

- a) Vừa là nguồn sáng, vừa là nguồn nhiệt
- b) Chỉ là nguồn sáng
- c) Chỉ là nguồn nhiệt

3. Hãy điền dấu x vào câu trả lời mà em cho là đúng

a) Trái Đất

đứng yên

quay liên tục

có khi quay có khi đứng yên

b) Mặt Trời quay xung quanh Trái Đất

☐
☐
☐
☐

c) Trái Đất chuyển động liên tục quanh Mặt Trời ☐

d) Trái Đất chuyển động tròn một vòng quanh Mặt Trời trong một năm ☐

e) Trái Đất quay tròn một vòng quanh mình nó trong 365 ngày ☐

4. Kể tên các châu và các đại dương.

5. Bề mặt lục địa có gì đặc biệt ?

Bài 65 - 66. ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3

Chịu trách nhiệm nội dung :

VIỆN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHỔ THÔNG
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN TRIỆU HẢI

Biên soạn :

BÙI PHƯƠNG NGÀ

NGUYỄN THƯƠNG CHUNG

Họa sĩ :

ĐINH ĐÔNG

ĐỖ THUẬT

Biên tập :

PHẠM THỊ SEN

In 24.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 tại Nhà máy in Thống Nhất 136 Hàng Bông
Hà Nội-Số in: 507/TN-Giấy phép XB: 72/VHTT ngày 15 tháng 7 năm 1993 -
Sở Văn Hóa - Thông Tin Hà Nội cấp-In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/1993